Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NĂM THỨ HAI, SỐ 30 — 15 Octobre 1922

HỮU-THANH

CƠ-QUAN CỦA HỘI BẮC-KỲ CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

Tùng-thư của hội Ích-Hữu Thư-Xã

Sáng-lập : NGUYỄN-HUY-HỢI

Chủ-nhiệm : NGHIÊM-VỊNH

BIBLIOTHÈQUE ... INDOCHINOISE ... N° 143

YẾU-MỤC

Học nói	221	Văn thơ	255
Lược bàn cái giá-trị về kinh-tế	225	Tiên phàm vấn đáp ca	259
Tiếng quốc tế	231	Túy đường diễn nghĩa	261
Khảo về việc tế-lễ tổ-tiên	238	Nhan sắc giết người	269
Một sự tân-kỳ trong khoa-học giới	244	Nước cứu-sinh	272
Tính chất và phận sự đời người	247	Thời-đàm	276
Độc giả luận-đàn	252	Công việc hội Công-Thương đồng-nghiệp	291

Mỗi tháng xuất-bản hai kỳ : mồng một và rằm

DIRECTION — RÉDACTION
ADMINISTRATION
58, Rue du Coton, Hanoi
TÉLÉPHONE : 346

IMPRIMERIE ICH-HUU-THU-XA
46, Rue des Paniers, Hanoi
TÉLÉPHONE : 167

1922

Mỗi số 0$25

HỮU-THANH TẠP-CHÍ

LUÂN-LÝ. — HỌC-THUẬT. — THỰC-NGHIỆP — KINH TẾ. — VĂN-NGHỆ

Organe de l'Association Amicale des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie du Tonkin

Edition de la Société « Ích-hữu-thư-xã »

ÂN-NHÂN CỦA « HỮU-THANH »

MM. Phạm-Văn-Thụ . . . . . *Tổng-đốc Nam-định*
Vũ-Ngọc-Hoánh . . . . . *Tuần-phủ Lạng-sơn*
Trần-Mỹ . . . . . *Tuần-phủ Thái-bình*
Nguyễn-Tất-Tế . . . . . *Thương-tá Hà-đông.*

Chủ-nghĩa và mục-đích « Hữu-Thanh »

Hữu-Thanh tạp-chí *này, lấy « Hữu-ái » làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào mong người trong nước càng yêu mến nhau như ruột thịt, để nương tựa nước Pháp lên đường văn-minh.*

Biên-tập đủ các môn luân-lý, học-thuật, văn-nghệ, thực-nghiệp, kinh-tế để giúp quốc-dân về mọi đường phổ-thông tri-thức. Phàm biên-tập cốt lấy thông-thường làm trọng.

Giá tạp-chí « Hữu-Thanh »

Sáu tháng... 2$50 Một năm... 5$00 Ngoại-quốc mỗi năm... 6$00

Mua tạp-chí « Hữu-Thanh » xin giả tiền trước.

Tòa tạp-chí « Hữu-Thanh » ở số 58 Phố Hàng Bông (58 Rue du Coton *Hanoi*)
Nhà in tại số 45 Phố Hàng Bồ (45 Rue des Paniers) *Hanoi (Tonkin)*

MEUBLES ET CARPETTES EN JONC RETORS

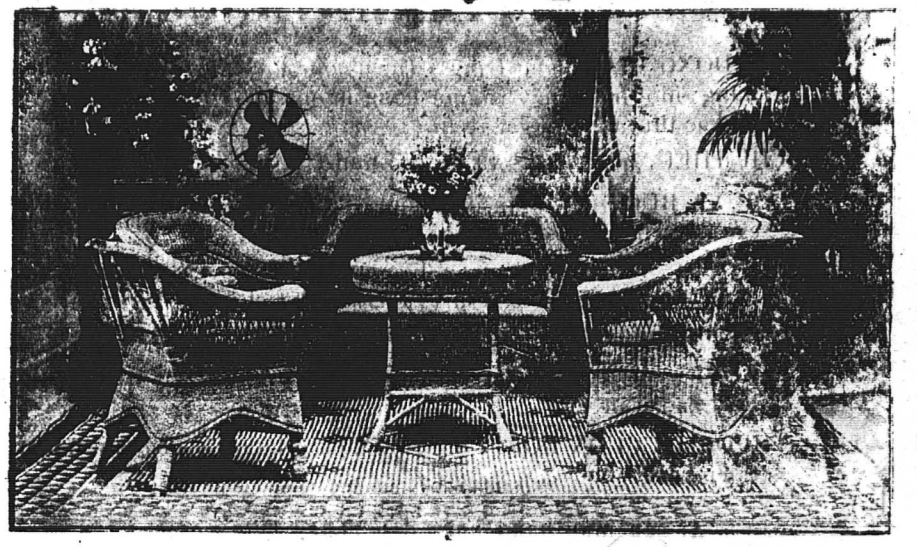

CHÂN-THỤY, 6, Quai Clémenceau, Hanoi

ĐÔNG-PHÁP YÊN-THẢO CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE
SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS
Administration et Manufacture à Hanoi

SẢN XUẤT NHỮNG THỨ THUỐC LÁ NHƯ SAU NÀY:
(PRODUITS RECOMMANDÉS):

Thuốc thái (*Tabacs*) : Coq et Scaferlati
Thuốc cuộn (*Cigarettes*) : Coq, Alliés, Métropole, Favorites, Dragon d'or, Midinettes
Thuốc Si-gà (*Cigares*) : Mandarin, Bouquet

DEMANDEZ LE PRIX-COURANT

Annam : nên hút thuốc lá « hiệu con gà vì giống giọt tại xứ ta, vừa ngon vừa rẻ. Ai ôi nên hút thuốc lá hiệu con gà ».

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MỚI Ở TÂY SANG

1° GIA ĐÓNG GIẦY hàng Langsa (hiệu con chim), gia đế giầy có hai hạng; một hạng giầy và một hạng mỏng, gia bốt-can, gia chơ-vô đủ các thứ mũi, và gia ve-ni.

2° CHỈ THÊU đủ các thứ và đủ các mũi.

3° LỐP VÀ RUỘT XE ô-tô, đạp, moto và xe tay, hiệu « DUNLOP » cao-su đen có cái đầu người.

4° ĐỒ DÙNG VỀ XE TAY toàn bộ và bán lẻ, có cả vải mui, vải đệm, giấy nhựa và cao-su (Tapis) để lót chân xe.

5° Ô TRẮNG cán tre và cán sắt thực hiệu « CÂY THÁP ».

6° ĐỒ SẮT: sắt tròn đủ các thứ, bản lề, sen khóa, sen cửa, đanh, lưỡi bào, vân vân.

7° THUỐC LÁ CUỘN RỜI hiệu « Tam tài », « Lá cờ », « Salonica, đầu thiếp vàng.

Ai cần mua hàng hoặc đến hoặc viết thơ thì :

HAIPHONG : Tại bản-tỵ Cie de Commerce et de Navigation d'Extrême-Orient (ALLATINI & Cie) số nhà 36, đường Harmand.

HANOI : Tại nhà ông G. ELLIES số 33, phố Đồng-khánh.

HOTEL DE LA MARINE

(NAM-LỢI KHÁCH-SẠN)

76, Avenue Paul Doumer, Haiphong

Hàng cơm tây to nhất của người Việt-Nam ta chủ-trương.

Ăn tháng, ăn bữa, đặt tiệc đến 500 người. Bản-hiệu lúc nào cũng sẵn sàng thừa-tiếp không phải chờ đợi.

Có phòng cho thuê tháng, thuê ngày, đủ cả quạt và đèn điện.

Lại có xe ô-tô đón khách.

益 HIỆP-ÍCH 協

(Công-ty trách-nhiệm tập-cổ vốn định 20.000$00, mỗi cổ-phần 25$00)

Làm các thứ đồ sơn Nhật-bản và sơn ta, các thứ ghế mây, đồ mây, tượng nặn và tranh vẽ.

Ngài nào vào cổ-phần xin gửi thư cho :

Chủ-nhiệm **NGUYỄN-TIẾN-ẤN**, *Số 14, Phố Hàng Bông, Hanoi*

Téléphone 356

ĐẠI HẠ GIÁ

Nói đến MÀN-CHÂN-THỤY thì ai cũng đã biết tiếng vì bản hiệu chuyên diệt các thứ màn rộng khổ, chắng và thanh đã 5, 6 năm nay. Nay nhân dịp bản hiệu lại mới mua được sợi hạ nên hàng chế tạo ra bán cũng rất hạ. Các ngài ở xa muốn buôn nên mau mau viết thư về bản hiệu sẽ phúc đáp để điều đình giá-cả ngay.

Bản hiệu lại mới mở một sưởng để diệt các thứ chiếu và làm các thứ ghế cói xe ở phố Bờ-Sông số 6 Hanoi. Xin các ngài chiếu cố.

Chân-Thụy cẩn bạch.

VÔI CHỢ-GÀNH

灰石廠

Chúng tôi mới lập lò vôi ở Chợ gành, vôi rất trắng và tốt, giá tính hạ hơn các nơi. Các quí khách chiếu cô xin cứ gởi thư cho M. Lê-huy-Tuyên, gare Chợ gành. Phòng giầy ở Hanoi, phố hàng Gai, số nhà 99.

Tiên-sinh ngâm gì thế ?

Có gì đâu, đôi câu đối của một ông Cụ hay thơ nhất trong làng thơ mừng hiệu Thụy-Ký, làm ảnh ở phố Đường Thành số 18, xin đọc lại ngài nghe :

Quân chi thuật dĩ quan nhân, kính lý phân minh trần diện mục,

Ngã thấn vả như kim thế, trần trung vật sắc kỷ anh hùng.

— Ô, thế ra hiệu ấy khéo lắm mới đáng khen thế nhỉ ?

- Không những thế, hiệu ấy lại cũng vừa được thưởng ngân-tiền nữa đấy. Truyện xong liền dủ nhau đi chụp ảnh thì quả hiệu Thụy-Ký khéo thực.

HIỆU J. BRUNEL

TOURCHAM ở DALAT (Annam)

Có chế các thứ máy kiểu mới, được cấp văn-bằng mà không phải Chính-phủ bảo-lĩnh.

Máy làm gạch được 3.000 viên một ngày. Giá 100$00, tiền cước chở người mua phải chịu.

Máy dã gạo được 800 cân tây một ngày, không có nồi súp-de, nhưng mà có 2 cánh. Giá 100$00, tiền cước chở người mua phải chịu.

ĐỒ DÙNG ĐI SĂN

Đạn chì và đạn ghém, không có thuốc, gửi theo lối lĩnh-hóa giao-ngân, ba đồng rưỡi một hộp.

Xin các ngài chiêu-cô cho, da tạ.

ÉTABLISSEMENTS TIẾN-ĐỨC

84-86, Avenue Paul Doumer, 84-86

HAIPHONG

AMEUBLEMENT GÉNÉRAL

SPÉCIALITÉ

MEUBLES ARTISTIQUES DÉMONTABLES

HẰNG-PHONG DIT NGUYỄN-THẢNH-CỰ

Bijouterie et commerçant

CAOLANH

Bán đồ nữ trang đủ theo kiểu kiêm thời, mà nhứt là bông tai bèo bằng vàng và đồng xứng đã tính xảo mà giá rẻ, vì tạm sở trường bặt thiệp nên tính công-nhẹ.

NHÀ LẬP NÊN TỪ NĂM 1890

Ngày trước là cửa hàng của nhà MARIUS CLOP đến nhà Milon et Cie. Ngày nay ông

Ch. PÉLISSIER KỸ-NGHIỆP

Bán đủ các thứ xe dùng vào việc vận-tải không thiếu kiểu gì
(Carrosserie. — Charronnerie)

Bán đủ tất cả các thứ đồ ngựa và các thứ thảm đệm không thiếu kiểu gì
(Sellerie, Bourrellerie, Matelasserie, Maroquinerie)

Bịt móng lừa và bán các đồ dùng vào việc làm xe ngựa, các thứ bánh xe và các đồ dùng vào đồ ngựa.
(Marchalerie)
(Garnitures, Pièces détachées, Acessoires, Roues, Pneumatiques Michelin)

Bán các thứ Da sống và Da đã thuộc rồi
(Cuirs et Peaux)

Các đồ vật dùng để đóng giầy, đóng đồ ngựa, bịt móng lừa ngựa, v. v.
(Outils en tous genres pour Bourreliers, Selliers, Cordonniers, Maréchaux)

Mua, bán, đổi, chứa và cho thuê lừa ngựa, cùng xe ngựa, cỏ ngựa, v. v.
(Vente, Achat, Echange, Pension, Location de chevaux et de voitures)

Bán Tràng-hoa đám ma và đá làm mộ-chí. Ai thuê sây mộ làm nhà mồ và trông nom nhà mồ xin chu-tất.
(Couronnes mortuaires, Pierres tombales, Construction et entretien de monuments funéraires)

Bán và làm Đồ gỗ, Đồ chạm, Bàn, Ghế, Tủ kính, Tủ chè, không thiếu thứ gì
(Menuiserie, Ebénisterie)

Song rào sắt, các đồ lò rèn. Các thứ đồ sắt. Ai thuê làm cái gì cũng làm được
(Grilles, Forges, Travaux en fer)

Đồ kính, Đồ sơn, Sơn bóng, Đồ chạm, Đồ bài trí, tranh cảnh, Đồ trạm tia và trạm lồng.
(Vitrage, Laquage, Peintures fines, Sculpture, Décoration, Ciselure)

Nộp thuế đoan hộ. — Cho thuê xe tải các đồ trọng-vật trong thành-phố và ngoại ô
(Transit. — Gros Camionnage pour la ville et alentours)

Làm rất nhanh, toàn đồ máy tất cả
(Service rapide par Camions montés sur ressorts et roulements à billets)

Có xe ngựa song-mã cho thuê ngày và thuê giờ
(Location de Victoria à la journée et à l'heure)

Có xưởng chế-tạo và tu-tạo các đồ vật
(Ateliers de Réparation)

Ở số nhà 5 Đường Amiral de Baumont ở Haiphong

Điện-thoại *(Téléphone)* **số 545**

Đánh giây thép cứ đánh tắt : **PÉLISSIER, Haiphong.**
(Adresse télégraphique)

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

劉德記大藥房

LƯU TUẤN KÝ

PHARMACIE ASIATIQUE, QUAI DE VĨNH-PHƯỚC DE SADEC.

LABORATOIRE DE CHIMIE ANALYTIQUE

Saigon, le 26 Mai 1922.

Bulletin d'Expertisé de Produits Pharmaceutiques

Les Produits pharmaceutiques soumis à notre examen paraissent d'après leur compositicn être les préparations de la pharmacopée Sino-Annamite traditionnelle sans pouvoir affirmer que les formules de ces médicaments sont inscrites au « Pun-Tsao » il nous est permis d'indiquer que la moyenne partie des drogues entrant dans leur compositicn est relevée par « MM. Penot et Hurrier dans leur ouvrage. Matière médicale et pharmacopée Sino-Annamite.

Il ne rentre dans leur composition aucune plante toxique prévue au tableau annexé à l'arrêté du 23 Mai 1921 arrêté qui n'est pas d'ailleurs mis en application (1) ces préparations ne présentent donc aucune nocivité sous la réverse que leur emploi soit pour l'usage interne soit pour l'usage externe se fasse conformément aux besoins médicaux et suivant des doses normales selon l'art pharmaceutique.

Signé : J. CH. DELMAS

Kính cùng lục châu quí khách đặng rõ : Nay Bổn dược phòng có đem các thứ thuốc của Bổn dược lên cho quan trên thí-nghiệm.

Sao lục tờ vi bằng của Quan Lương-y chánh -sự y-dược giáo nghiệm dịch ra chữ quốc ngữ như sau này :

Saigon, le 26 Mai 1922

Bổn giáo nghiệm thuốc bắc

Theo cách thí-nghiệm của chúng tôi về những thứ thuốc đây thì toàn chất mộc bào chế cách thức y-nghệ-nghiệp Phương-Đông, mà tình hình như toa thuốc ấy có nhận chép trong cuốn y-dược " Pun-Tsao " song chúng tôi có thể chỉ rõ chắc chắn toàn chất của phẩu nhiều vị y-dược phổ nầy diễn có kiểm được trong cuốn sách thuốc " Vị thuốc và cách bào-chế viễn-đông " của nhị tiên-sanh " M. Penot và M. Hurrier,

Xét rõ trong toàn chất thuốc này không có chế giống cây thuốc nào nguy độc, chiếu theo lời nghị-định ngày 23 mai 1921 chưa thi-hành (1).

Những vị thuốc chế ra đây, không có trương ra cái chi vô dụng quan-hệ trong thể cách cần dùng hoặc là cứu trị trong mọi tạng hay là chữa bệnh ngoài da. đều nhằm trúng theo đều phương tự y-dược và có tày phẩm-chất tánh dược theo y-nghệ-nghiệp.

Quan Lương-y chánh -sự y-dược giáo nghiệm ký tên thị chứng.

Signé : J. CH. DELMAS.

Bổn dược phòng có cuộ các thứ thuốc, thuốc hườn, thuốc tán, thuốc nước thượng hạng thuốc tốt điều là thuốc trung quốc, nổi danh tiếng trong Nam-kỳ lục tỉnh xưa nay, các bài khen ngợi của quí ông trong lục tỉnh và coi theo chứng bịnh mà tìm thuốc thì tôi có in trong (y-dược-nam châm) như quí-khách muốn coi xin chịu khó gởi thơ cho tôi và đề adresse cho rành tôi sẵng lòng gởi tới.

Pharmacie LƯU-TUẤN-KÝ kính cáo.

THUỐC CHỮA BỆNH RẤT HAY!!!

Chắc các ngài xem báo Nam-kỳ từng biết tiếng bản-đường có các thức thuốc trị các bệnh rất hay :

ÍCH-NGUƠN-ĐƯỜNG LÃO-DƯỢC-PHÒNG

Chủ-nhân : **A-ANH**

ở đường Chợ-cũ số 55, Place Gambetta. — Saigon (Nam-kỳ)

Bản-đường từ khai-sáng đến nay đã ngoài 50 năm rồi, chuyên việc bào-chế các thứ thuốc Cao-Đơn Hoàn tán Dược-Dầu, Dược-Thủy *đều chọn ròng thuốc thượng-phẩm và có dùng cái nhãn « Mẫu-Đơn-Phượng » làm ký hiệu, và có cầu chứng nơi tòa Saigon ; cũng có bán đủ các thứ thuốc Bắc thượng-hạng như Sâm, Nhung, Ngọc, Quế, vân vân, hoặc vị nào có đơn thuốc thầy lang đem đến mà bốc thuốc thang hoặc muốn làm thuốc tễ vân vân đều được cả, lại có chứa đủ các thứ thuốc thần-hiệu của các danh-y bên Trung-quốc. Thuốc của Bản-đường có gởi bán cùng Lục-châu. Những thuốc bán tại Bản-đường đều là thuốc ở bên Trung-quốc mỗi kỳ tàu gửi qua, buôn bán đã mực công bằng khắp nơi trong Lục-châu đều biết. Như quí-vị nào ở xa châu-thành mà muốn hỏi thăm điều chi về việc thuốc men hoặc muốn mua thuốc của Bản-đường xin chịu khó mà viết thơ gởi đến Bản-đường, Bản-đường sẵn lòng hồi-đáp lập-tức, nếu tiếp thư mua thuốc thì Bản-đường sẽ gởi* Contre-remboursement.



THIÊN KIỂM AN THÁI HOÀN (*Số 14*)

(Thuốc dưỡng-thai quí lạ)

Thẩm xét khí vận trời tự nhiên sanh hóa muôn vật đều nhơn tiết xuân sanh sản, sang thu thì nở nang còn thân thể người giữ mạch lạc cho đều hòa tự nhiên mạnh mẻ như thường, bằng có bịnh là do nơi cản lấy các đều dục dâm, hoặc nhiễm tình, hay muốn vô độ, làm cho lưu truyền mạch lạc sầy sanh nhiều chứng bệnh, bởi cớ ấy nên khi thụ-thai rồi lần sanh bịnh này chứng kia, như thai máy, thai trệ, thai bàng hoàng nặng nề, thai động biến nhiều chứng khác thường, nên muốn dữ cho thai an, thì cũng như trồng cây mống lấy giống thì trước phải bồi bổ gốc cội. Nên bổn đường chế phương thuốc *Thiêm kiêm an thái hoàn* nầy, tánh chất hòa bình, trong việc dưỡng thai rất thần hiệu, đờn bà hễ có thai thường dùng thuốc nầy tự nhiên an thai, chẳng hề sanh các chứng đau vặt mạnh giỏi đến ngày sanh sản, thiệt là hay hạng nhứt nên mới đặt tên *Thiên kiêm* cho xứng sức.

Giá mỗi hoàn. . . . . 0 $ 20
Mỗi hợp 10 hoàn. 1 80

BÀI MINH TẠ

Vốn tôi có một người vợ lâu nay hễ có thai nghén thì hay sinh bịnh nầy chứng kia, thai nặng nề bàng hoàng, động thai biến nhiều chứng lạ thường đến ngày sanh sản đứa nhỏ thì nuôi không được, từ ấy đến nay thụ thai ba lần mà bỏ hết 3 đứa, thật tôi rầu muốn chết. May thay, có người điềm chỉ nói rằng thuốc «Thiên-kiêm-an-thái-hoàn» của qui-đường lấy làm hay bực nhứt, nên lúc vợ tôi đương có thai 3 tháng, tôi nghe lời lật đật gởi mua thuốc của qui-đường cho vợ tôi uống, mà thật hay, từ uống thuốc của qui-đường chẳng hề sanh các chứng đau vặt chi mà lại mạnh giỏi đến ngày sanh sản thiệt là hay hạng nhứt trên đời, mà thằng nhỏ đến nay được 4 tuổi ăn chơi luôn luôn chẳng hề có sanh bịnh chi hết, tôi thấy thuốc thiệt hay như vậy thì tôi cũng có điều chỉ cho người lối xóm biết, có lẻ người ta mua thuốc ông nhiều lắm. Nay tôi chẳng biết lấy chi mà đền ơn ông, tôi tạm vài lời tỏ lòng cảm tạ với ông và rất khen ông khéo lựa thuốc hay mà bào chế thuốc qui lạ như vậy

TRẦN-VĂN-THƠM, *Propriétaire*
(Laos) SANNAKHET

TIÊU BANG CHỈ THÁNH HOÀN (N° 9)

(Thuốc bang hiệu nghiệm)

Phàm trị bịnh mà không thông cứ mong dồi lợi mà hại người, còn thuốc không hay mà bán cũng là đều gạt người, Bởi vậy bổn đường hằng giữ một lòng trước làm có ích cho người, tự nhiên sẻ lợi cho mình, nên gia tâm hợp chế phương thuốc Chỉ-Thành này thiệt là thần hiệu, tánh thuốc vốn thiệt hòa hoãn, khắp các nơi đã có dùng thường lâu rồi thiệt là hay, đề trị những bịnh-đậu trái, các thứ ban, hoặc ghẻ chốc bởi gốc nhiệt mà sanh, cùng là ban lậm nhập tâm làm ỉa mửa, khát nước, tâm thần bứt rứt, tích nhiệt khi ngưng, hỏa vọng nhức đầu, đau bụng no hơi sình bụng, kiết máu kiết đờm, đái dắt, tai đau các chứng, đều dùng thuốc nầy rất nên thần hiệu, chẳng những có bịnh mà dùng thường thuốc nầy thì giải nhiệt, giải khát, trừ tà khí, và thông đường đại tiểu tiện, thuốc nầy giá rẻ, nếu các nơi đồng xầy xa chợ nên mua dễ phòng trong nhà, cùng lúc đi đường xa đem theo lưng gặp con nguy cấp thình lình mà dùng, cùng là làm phước thiệt là báu lạ trên đời.

Giá mỗi một hoàn. . . . . 0 $ 15
Giá mười hoàn. 1 40

BÀI KHEN TẶNG

Theo đây tôi gởi 1 $ 50 xin thầy trừ tiền gởi thuốc còn dư bao nhiêu xin thầy làm ơn gởi thuốc «Tiêu bang chỉ thánh hoàn» *N° 9, lại cho tôi thì tôi rất đội ơn thầy lắm, và tôi hết lòng khen ngợi thứ thuốc* «Tiêu bang chỉ thánh hoàn» *này thiệt là thần hiệu và tôi rất khen thầy khéo lựa thuốc thần hiệu mà bào chế thứ thuốc* «tiêu bang chỉ thánh hoàn» *chẳng có thuốc nào bì-kịp. Như thầy đặng thơ nầy xin thầy lập tức mà gởi lại cho kịp đặng mà cứu một người đau bịnh bang.*

Có gởi thì đề như vầy :

Monsieur NGUYỄN-NGỌC-THANH
Commerçant à KÉP

NHI KHOA CHÂU PHÁCH TÁNG (Số 19)

(Thuốc con nít kinh phong)

Xét trong lẽ phàm con nít mới sanh chẳng khác nào như hột nước, như hột sương đóng trên cỏ, tánh chất rất mỏng mảnh yếu ớt, nếu gặp chút nắng gió tức thì tan rã, cho nên con nít mà có bịnh bởi lúc thai nghén, thất thường cách vệ-sanh, hoặc không chính cử kiên món ăn uống, hoặc cử chỉ không chừng, bởi các cớ ấy làm cho thai nhiễm độc từ ban sơ, dơi đến đến khi sanh sản đứa con nít xảy tanh phong. Nên bổn đường chế phương thuốc *châu phách táng* nầy, tánh chất dung hòa theo sức con nít rất nên mầu nhiệm, nếu có con nên dùng đề trong nhà là một vật báu đề bảo toàn đoàn con trẻ.

Chủ trị những chứng :

Cảm mạo tà phong cả mình phát nóng, Đàm lên ngăn họng, Mặt đỏ phừng phừng, Đau bụng ẻnh lưng, Nổi ho phát siển, Miệng sôi nước miếng, Khi nhiệt khi hàn, Bụng chướng chang bang, Ói oẹ ỉa nước, La khan nầy ngược Giựt cẳng giựt tay, Mắt ngó chẳng ngay, Cắn răng trực thị, Thuốc nầy điều trị, Đủ các chứng phong Dùng sắc đề phòng, Mà nuôi con nít.

Giá mỗi một ve. 0 15
Mỗi hộp 10 ve. 1 40

BÀI KHEN TẶNG

Vị thuốc Nhi khoa châu phách táng
à Monsieur A-ANH
Gérant Pharmacie Ích-ngươn-đường
SAIGON

Tôi rất khen ngợi thuốc «nhi khoa châu phách táng» *của ông lấy làm mầu nhiệm lắm vì tôi đã thí nghiệm mới rõ thuốc ấy có tài trừ bịnh con nít kinh phong hoặc chướng bụng chàng bang, ói oẹ ỉa nước vân vân đều trị đặng cả, vì lối xóm tôi có 3, 4 đứa con nít đau như vậy. tôi cho uống thuốc ông đều mạnh giỏi hết, thiệt là thuốc quí lạ hay. Nay xin ông làm ơn gởi cho tôi mua thêm 30 chai nữa, tôi mua đề dành trong nhà và tôi cũng có làm phước mà thí cho kẻ nghèo.*

Nay kính

TRƯƠNG-HỮU-PHƯỚC
Ex-maire à Tân-Long — TANCHAU

Năm thứ hai — N° 30 — 15 Octobre 1922

HỮU-THANH

HỌC NÓI

Nói là một cái đường để đạt ý-kiến cho người ta. Nếu là vật vô-tình với đời, thì không cần phải nói. Nhưng còn có hệ-lụy với đời, thì kín hơi sao được. Tạo-vật đã cho ta một cái hình-hài hoạt-động tự-nhiên để mà nói, là cái miệng; hai tiếng «ăn nói» thường đi liền theo nhau, nghĩa là thiên-chức của cái miệng có hai việc ấy. Người không ăn không thể sống, người không nói, có thể tìm cách mà sống ở đời được không? Trừ ra người câm, là hạng người rất khốn-nạn không kể, còn người có thể nói được, dù ngọng không nói sõi cũng phải nói, dù vụng không khéo nói cũng phải nói, dù nhát thẹn lời không dám nói cũng phải nói, dù lưỡi mất lời không muốn nói cũng phải nói. Vì nói mà quan-hệ cho mình, thì không nói sao mình yên được, nói mà quan-hệ cho người, thì không nói sao người để cho mình yên. Tức như ở trong nhà, cha con, anh em, vợ chồng, khi gọi khi thưa, khi bảo khi vâng, nếu không nói, sao có trật-tự gia-đình? Suy rộng nữa ra là thế-giới, nước nọ giao-thiệp với nước kia, không nói sao tỏ được lẽ-ý, sao bắt chước được văn-hóa? Nói quan-hệ cho đời người biết nhường nào! Trời cho nói thì nói, thế mới là không phụ lòng trời; nhưng mà ăn phải chọn ngon thì ăn, không ngon thì không ăn, bổ-ích thì ăn, không bổ-ích thì không ăn; nói có thể không chọn mà nói được chăng? Sẩy chân thì chữa được, sẩy miệng thì không chữa được. Nói khôn, nói dại, nói thực, nói dối, nói xa, nói gần, thoát ra miệng nào đã dễ đâu! Cũng một câu nói, mà người ta trọng, người ta khinh, người ta ơn, người ta oán, nói thật có giá-trị, có họa-phúc lắm thay! Cũng một câu nói, mà ngọt như chuối, cay như ớt, chua như chanh, nhẹ như bấc, nặng như chì, êm như dụ, sắc như dao nứa, thô-bỉ như gậy gạch; lại có khi không cánh mà bay, không nước mà chảy, không phải sơn mà gắn bó, không phải dây mà ràng buộc, không phải mộc mà đỡ được can-qua, nói thật là có vị, có cách, có thế-lực lắm thay!

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Kẻ nói còn có người nghe, nói thế nào như miếng ngon của người khôn, như chuông kêu của người ngoan, mới là người biết nói. Cho nên ta phải học.

Học là luyện-tập cho thành nghề. Học nào có kể ngày kể tháng mà đã học được ngay đâu. Phải có nhiều giai-cấp :

1. Khi mới oe tiếng khóc mà ra đời, còn o-oẹ chưa nói được một tiếng gì ; cha mẹ luyện-tập cho mình là những khi thấng-nặng mình, đến ba năm mới bập-bẹ một vài tiếng. Bấy giờ những tiếng, những hình ở bên tai trước mắt mình, đều là bài học của mình, những người ở bên cạnh mình đều là thầy bạn hàng ngày của mình, gặp đâu nói đấy, như chim học hót cả ngày.

2. Lần lần tháng trải ngày qua, đến khi bảy, tám tuổi mới gọi là nói đủ điều, nghĩa là nói đủ được những tiếng thường dùng trong nhà mà thôi. Đến như tiếng cao xa, và những tiếng dùng mà giao-thiệp với ngoài thì đã đủ sao được, nhất là những tiếng nói về đường tinh-thần thì lại là càng khó, không thể học truyền-khẩu được, phải có chữ để ghi tiếng nói, cho có hình mà mô-phỏng, nên bấy giờ lại phải đến nhà trường mà học.

3. Nhà trường là dậy học chắp câu ; khi nói thành chuyện cho người hiểu được, mới là nói nên lời.

4. Dần dần tiến lên, nói thành đoạn, thành bài, mới là nói ra văn-chương. Lại còn ghép vào vần vào luật, phả vào đàn nhạc, thì tiếng nói mới dễ cảm-động, tiếng nói đã vào bậc cảm-động được lòng người, thì mới là nói có cách-điệu.

5. Nhưng thế đã đủ đâu, đó mới là đủ tiếng dùng trong một nước với nhau mà thôi, còn phải biết tiếng các nước ngoài để giao-thông với thế-giới, nhất là tiếng những nước văn-minh tiên-tiến có thể làm thầy hướng-đạo cho mình, thì tiếng nói nước ấy lại càng cần phải biết, vì muốn theo văn-hóa của người, muốn cùng người giao-thiệp, trước hết phải biết tiếng nói của người, thì tinh-ý mới tương-thông mà văn-hóa mới hấp-thụ được, thế mới là nói lọt đợi.

Cái khoa nói ấy đã thành nghề, thì cái kết-quả viên-mãn sẽ có một ngày được hưởng. Chính-trị nhờ đó mà đoán-định, học-thuật nhờ đó mà phu-diễn, tôn-giáo cũng nhờ đó mà truyền-bá . . . Thế-giới văn-minh, nói rút lại cũng chỉ vì câu nói bầy đặt ra.

Hãy xem như phương Á-đông ta, đức Khổng-Tử là một nhà thánh nói. Bộ Luận-ngữ, bộ Đại-học là pho sách nói của ngài ; lại đem lời nói của bậc thánh-triết đời xưa, sửa sang lại, tức như năm kinh (Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân-thu). Ấy là ngài đem lời nói dậy thiên-hạ, cứu-tệ đời Xuân-thu, mà mở văn-minh nghìn muôn đời. Cái ảnh-hưởng ấy tới đời Tống, bọn các ông Chu, Trình, Trương, Chu phu-diễn ra rộng lắm, mà học của ông Vương-Thủ-Nhân thịnh-hành sang Nhật-bản. Cũng đời Xuân-thu ấy, lại còn có bách-gia chư-tử như Trang, Liệt, Thân, Dương, v. v. đua nhau nói mỗi nhà một cách, mà lời nói đều có ý-tưởng cao cả, cho nên lời nói cũng truyền.

Đời Chiến-quốc có ông Mạnh-Kha là một nhà biết nói, nói nhân-nghĩa trong bầy thiên, thật là kịch-liệt như bẻ sắt chặt đanh, các vua Chư-Hầu bấy giờ đều phải khuynh-hướng, cứu được tệ-chính cũng nhiều. Cái ảnh-hưởng ấy tới cuối nhà Thanh, bọn ông Khang, Lương nói mà diễn-thành một cuộc cải-cách lớn ở nước Tàu.

Lại xem như bên Âu-tây, ông Lư-thoa nói ra luận « Dân-ước », ông Đạt-nhĩ-văn nói ra luận « Tiến-hóa », diễn thành một cuộc đại-kịch-liệt mà tổ-chức ra văn-minh ; ông Mạnh-đức-tư-cưu nói ra « Pháp-ý », ông Y-sạch nói ra ngụ-ngôn, ông Phông-ten nói ra thơ, cũng đều bổ-cứu được tệ-chính.

Cho đến các nhà tôn-giáo, truyền giáo rộng nhất là Gia-tô-giáo và Phật-giáo. Đấng Cơ-Đốc sinh ở Tiểu-á-tế-á, nói ra thánh-thư để cứu người trong ngục hắc-ám, mà kể có bao nhiêu triệu con-chiên ăn-năn nguyện đức Chúa-Lời ; đấng Thích-Ca sinh ở Ấn-độ, nói ra kinh Hoa-nghiêm để vớt người trong bể trầm-luân, mà kể có bao nhiêu triệu tín-nữ thiện-nam sám-hối niệm nam-vô Phật. Còn các giáo khác nữa như ông Ma-tây nói thập-giới, dựng ra đạo Do-thái ; ông Ma-cáp-mạch nói ba điều, dựng ra đạo Hồi-Hồi ; những câu nói đều đủ cảnh-tỉnh cho người đời cả.

Ấy là nói riêng về từng phương, tiếng nói chưa thông-đồng, thì văn-hóa hãy còn lưu-truyền riêng từng giới-hạn ; từ khi đông tây đã giao-thông, lấy tiếng nói mở đường quốc-tế, tiếng nước này giao-dịch với tiếng nước khác, cũng như giao-dịch thổ-sản hàng-hóa vậy.

Tiếng nói được hoàn-toàn, mà văn-hóa cũng thêm mở rộng, không những lời nói của các bậc đã kể trên lan khắp hoàn-cầu, như làn sóng không-khí, như ngọn nước thủy-triều, đâu đâu ai cũng truyền-tụng, mà bây giờ ai nói được một câu hay gì, thì giây nói đã truyền-bá đi khắp cả mọi nơi, vinh-dự biết là bao nhiêu !

Nhân đó mà suy ra, một người có tài nói giỏi, thì người ấy có giá-trị, một nhà có người nói giỏi, thì nhà ấy được thịnh-vượng, một nước có người nói giỏi, thì nước ấy có thể-diện. Cho nên muốn biết trình-độ

văn-hóa của nước nào, thì trước hết phải xem tiếng nói ra thế nào, người nói ra thế nào.

Kể về đường văn-hóa, thì nước Đại-Pháp và nước Tàu là có giá-trị nhất ở trong cuộc Âu A giao-thông này, vì nước Tàu và nước Pháp là hai nước văn-minh đã lâu, tiếng nói có tinh-thần, có luật mẹo; đại-thể nước nào muốn bước lên đường văn-minh, cũng phải học để bồ-cứu tiếng nói của nước mình, thì tiến-hóa mới mau được. Bởi vậy ta lại có một cái hi-vọng rất lớn cho nước ta, vì tiếng nói nước ta đã chung đúc hai thứ văn-hóa ấy mà thành-lập vậy.

Nay xét về lịch-sử nói của nước nhà, thì trình-độ tiến-hóa mới có thể biết rõ để có đường mà nói. Đương đời Hồng-Bàng là thời-đại Tù-trưởng, ở khu nào biết khu ấy, không đi lại với nhau; cho nên nói mỗi nơi một thứ tiếng, như là tiếng Mường, tiếng Mọi, tiếng Thổ, tiếng Mán, mà tiếng Trung-châu ta nói bây giờ là chính hơn, nên các loài kia gọi là tiếng « kinh ». Những tiếng nói bấy giờ thiếu-thốn còn nhiều, cho nên không có văn-chương gì truyền lại. Đến khi trước kỷ-nguyên 111 là thời-đại Bắc-thuộc, phải giao-thiệp với người Tàu, bấy giờ mới nói pha tiếng Tàu, thế mà đã có mấy ông ăn-nói cứng-cáp, đứng ra nói với Tàu được, như ông Lý-Tiến, ông Lý-Cầm nói bên Hán-đình mà giữ được quyền-lợi cho người trong nước, ấy là người biết nói trước nhất. Đến thế-kỷ thứ hai, quan Tàu là ông Sĩ-Nhiếp dạy ta tiếng nói bằng chữ Hán, từ đấy bao nhiêu tiếng về đường tinh-thần đem chữ Hán mà thay vào, thì tiếng nói đã từng-tiệm dùng được ở thời-đại ấy.

Đến thời-đại tự-chủ, từ đời Lý trở xuống, đời nào cũng chấn-hưng về sự học. Người trong nước đã có thể đem tiếng nhà làm thành văn, như ông Hàn-Thuyên là tổ văn quốc-âm; đối ra với nước Tàu đã chuyên-đối được, bút-đàm được, như ông Mạc-Đĩnh-Chi, ông Phùng-Khắc-Khoan đi sứ mà giữ được quốc-thể. Ấy là nói ước-lược đó thôi. Còn nói về văn-chương, từ đấy đến nay, thiếu gì danh-nhân, sử-ký đã chép, tưởng đây không cần phải thuật lại, thì ai nấy cũng đã rõ. Đó! nước ta mới chịu một văn-hóa của Tàu, mà thả ra nói nào có kém ai.

Đến khi ta kết thân với nhà-nước Bảo-hộ, thực có lòng hâm-mộ văn-hóa của người, nhưng buổi đầu bỡ-ngỡ, ai nói người ấy nghe, chẳng khác gì nghe hát cách bức; sau dần-dần học từng câu, người cũng cố khai-đạo cho ta, mới bập-bẹ một vài tiếng, chẳng khác gì trẻ con mới học nói, nào đã thông được tinh-ý, thấu được tinh thần. Nhà-nước Bảo-hộ hết lòng khai-hóa, mở ra nhiều trường học, tả-khẩu cho mà nói; dựng ra nhiều báo-quán, mở đường cho mà nói. Các bọn thiếu-niên ta mới tranh-đua theo thời, vỗ tay reo mà bước lên vũ-đài. Thấm-thoắt bốn năm mươi năm trời mà đã có nhiều nhà nói ra được những câu nói mới. Lại có nhiều ông đem chuông đi đấm nước người, đứng giữa nước văn-minh, chững-chạc bước lên diễn-đàn, mà người nước văn-minh cũng vỗ tay nức-nở khen-ngợi. Những ông ấy có phải là người trong nhà trường không? có phải là người ở trong báo-quán không? ai dậy cho mình nói, ai khơi cho mình nói? Được dịp nói, có người nói, thì hai chữ Việt-Nam mới dóng-dả đến tai người, mà cái hạnh-phúc tương-lai mới có thể ngồi mà đợi.

Vậy thì ta bây giờ phải nên khuyên nhau, gọi nhau, quây-quần nhau lại, ai biết mới thì nói mới, ai biết cũ thì nói cũ, điều hơn lẽ thiệt cùng nhau cùng nói cùng nghe; vì quốc-dân đương nhiệt-tâm lắng tai nghe chuyện, mà khốn vì khoa học nói của mình hãy còn ít ai lưu-tâm! Ăn làm sao nói làm sao bây giờ?... Các nhà nhiệt-tâm về khoa nói nên phải nghĩ sao?

Nông-sơn NGUYỄN-CAN-MỘNG

Lược bàn cái giá-trị về kinh-tế

(Tiếp theo)

Cái tỷ-lệ giao-hoán vật-phẩm, thì cách kế-toán thế nào? — Giả như một đấu lúa có thể đổi được một cân sắt, dùng cái phương-trình-thức làm mực, thì: 1 đấu lúa = 1 cân sắt. Dùng phương-trình-thức, là ám-chỉ trong hai vật đó có một cái phân-lượng tương-đương; không phải là bảo sắt ngang với lúa, cũng không phải là bảo lúa ngang với sắt, nghĩa là hai vật đem đánh-đồ-đồng lại thì thành ra một đệ-tam vật-phẩm. Đệ-tam vật-phẩm có phải là cái hiệu-dụng tự-nhiên của thương-phẩm chăng? — Không phải; hiệu-dụng tự-nhiên vẫn cố-nhiên là động-nhân sự giao-hoán; song cái lớn nhỏ hơn kém của hiệu-dụng không phải là dễ tính ra, nên không thể lấy đó làm thước kế-toán về tỷ-lệ giao-hoán được. Thương-phẩm, ngoài cái hiệu-dụng tự nhiên ra, lại còn có cái « lao-động » nữa. Lao-động, chính là đệ-tam vật-phẩm, chính là cái thước kế-toán về tỷ-lệ giao-hoán vậy. Nhưng cách kế-toán phân-lượng lao-động thì thế nào? — Ông Các-Mạc « Karl Marx » thì chủ-trương cách lấy thời-giờ để kế-toán. Thoạt nói vậy, chắc có người hỏi lại: nếu lấy thời-giờ lao-động nhiều ít làm lào mà định giá cao thấp, thì vật-phẩm của kẻ lười biếng vụng-về làm mất nhiều thời giờ, giá cao cả chăng? Như vậy chẳng cũng trái mất cái căn-bản nguyên-tắc kinh-tế sao? — Không phải thế; dây nói rằng lao-động, là nói cái trình-lượng lao-động phổ-thông của toàn-thể xã-hội. Thí-dụ chế một cân sắt, Giáp cần làm trong 6 giờ, Ất phải

đến 12 giờ. Nhưng cái thời-giờ lao-động của Ất lại là cái thời giờ phổ-thông của toàn-thể xã-hội, mà của Giáp là cái lao-động thục-luyện; vậy thì cái lao-động thục-luyện của Giáp phải đem chiết-thành ra cái lao-động phổ-thông của Ất mà tính thì mới cân, vì phép vận-toán của số-học, tất phải hai số cùng một chủng-loại như nhau, thì mới tính được.

Trở lên là đại-ý giá-trị-luận của ông Các-Mạc; sau đây lại thuật mấy lời ông luận về giá-trị doanh-dư, ông nói: Nhà tư-bản đem tiền đổi lấy thương-phẩm, lại đem thương-phẩm đổi lấy tiền, luân-chuyển tuần-hoàn, mà cái giầu của họ một ngày một giầu thêm. Số thu của họ bao giờ cũng vẫn nhiều quá số chi; không phải là họ mua được hạ mà bán được cao đâu, giá họ mua bán cũng như mọi người khác thôi, vậy mà họ kiếm ra tiền, là cớ sao? — Nhà tư-bản đem tiền thuê bọn lao-động, bọn lao-động lấy công thế giả nhà tư-bản, đó là sự quan-hệ về mua bán — mua bán sức lao-động vậy. Cái giá-trị sức lao-động, cũng phải kể ngang như một vật-phẩm khác, phải lấy sức lao-động lúc làm việc mà định giá mới được. Duy người ta hằng ngày phải có những đồ cần dùng để nuôi thân, có sinh-hoạt được thì mới có sức để làm. Cái phân-lượng dùng sinh-hoạt-phẩm mỗi ngày là X, thời-giờ dùng để làm ra X là Y, Y tức là cái giá-trị của sức lao-động trong một ngày đó. Giả như làm sinh-hoạt phẩm của một ngày thì phải dùng mất 6 giờ, giá tiền là 3 mã-khắc, (tiền nước Đức). Nhà tư-bản mỗi ngày đem 3 mã-khắc thuê bọn lao-động làm công, ví thử cứ tính theo y giá 3 mã-khắc, chỉ để họ làm việc lao-động mỗi ngày là 6 giờ; thì cái kết-quả bọn lao-động làm ra lại về bọn lao-động thu hết, nhà tư-bản còn ăn thua gì. Song, hiện nay các nhà tư-bản cũng không ai thuê tiền công tính đúng giờ như thế; đại-khái mỗi ngày họ chỉ giả tiền công là 6 giờ, mà thực thì họ bắt làm trọn ngày, nghĩa là 12 giờ. Cái kết-quả của 6 giờ làm lội ra ấy là cái lời của nhà tư-bản, đó tức là cái giá-trị doanh-dư vậy.

Tư-bản của nhà tư-bản, có thể chia làm hai phần: Phần thứ nhất là đương lúc bỏ tiền ra để sinh-sản, tiền ấy dần dần tiêu-tán vào vật sinh-sản hoặc biến-hóa ngay ra vật sinh-sản mới, thì cái tư-bản bỏ ra đó, trong lúc đương sinh-sản, không có biến-đổi giá-trị cũng không có sinh-sản doanh-dư, cho nên gọi là tư-bản bất-biến; phần thứ hai là tiền công thuê bọn lao-động. Tư-bản này, trong lúc đương sinh-sản, không những làm ra được cái giá-trị tương-đương của nó, lại còn làm ra được phần doanh-dư nữa, cái giá-trị của nó thay đổi luôn luôn, cho nên gọi là tư-bản biến-dịch.

Giả như người lao-động mỗi ngày lĩnh tiền công là 3 mã-khắc, thì mỗi ngày làm hết 6 giờ là hết bản-phận rồi. Nhưng nhà tư-bản lại bắt làm những 12 giờ, thì 6 giờ trước là thời-giờ lao-động thuộc về bản-thân, cho nên gọi là thời-giờ tất phải lao-động; 6 giờ sau là thời-giờ họ làm lội ra, là làm công không cho nhà tư-bản, cho nên gọi là thời-giờ lao-động doanh-dư. Cái kết-quả lao-động trong thời-giờ doanh-dư đó gọi là cái giá-trị doanh-dư, cái tỷ-lệ giá-trị doanh-dư cùng với tư-bản biến-dịch, thì gọi là phần giá-trị doanh-dư. Cứ xem như hiện-tượng sinh-sản bây giờ, thì thời-giờ doanh-dư với thời-giờ tất-yếu đại khái ngang nhau, giá-trị doanh-dư với tư-bản bất-biến bởi đó cũng thành ngang nhau, cho nên phần giá-trị doanh-dư là 100 phần trăm (100 %). Nhưng các nhà tư-bản không chịu đem cái giá-trị doanh-dư tính với tư-bản biến-dịch, đại-loại là đem tính dồn cả với toàn số tư-bản. Cái tỷ lệ đem giá-trị doanh-dư tính dồn với toàn số tư-bản đó, thì gọi là phần lời. Phần lời với phần giá-trị doanh-dư khác nhau, chứ không phải là một. Giả như tư-bản bất-biến là 410 boòng, tư-bản biến-dịch là 90, giá-trị doanh-dư là 90; thì cái phần giá-trị doanh-dư vẫn là 100 phần trăm (100%), nhưng phần lời có thể tới 80 phần trăm (80%). Cái giá-trị doanh-dư ở các nơi tuy nhất-luật vẫn là 100 phần trăm; song phần lời thì vì sự phối-hợp tư-bản có khác nhau (sự phối-hợp của tư-bản biến-dịch và bất-biến), thành ra cũng sai hẳn nhau nhiều lắm, không đều một loạt được. Tư-bản biến-dịch lớn, tư-bản bất-biến nhỏ, thì phần lời nhiều; tư-bản biến-dịch nhỏ, tư-bản bất-biến lớn, thì phần lời ít, đó là nguyên-tắc nhất-định của phần lời vậy. Song le, tuy thế mà sự thực đối với nguyên-tắc ấy lại rất tương-phản, vô-luận là tư-bản phối-hợp ra sao, hễ cứ tư-bản ngang nhau ấy là phần lời cũng có thể ngang nhau được. Đó là cái chỗ mâu-thuẫn của học-thuyết ông Các-Mạc đối với hiện-tượng xã-hội, ông đối với sự mâu-thuẫn đó từng có lời phân-giải, đại-ý như sau này: Nhân vì phần lời có hơn kém, nên mới sinh ra mối cạnh-tranh, ai cũng đổ xô vào kinh-doanh hóa-vật về phần lời nhiều mà bỏ không nhìn đến phần lời ít. Kết-cục, thành ra số cung của vật-phẩm về phần lời ít phải dần dần giảm-thiểu, về phần lời nhiều tất-nhiên tăng-gia. Theo luật cung-cầu, vật-phẩm về phần lời ít tự-nhiên giá phải cao lên, mà về phần lời nhiều phải xụt xuống; thế là thành một phần lời quân-bình. Phần thâu được của nhà tư-bản không phải là cái giá-trị doanh-dư của họ tự làm ra, chính là cái bộ-phận quân-bình đó. Nhà tư-bản đối với sinh-sản-giới toàn xã-hội, cũng ví như cổ-đông ở trong một công-ty vậy, chỉ có thể chiếu cổ-phần mà chia hỏa-hồng thôi; cho nên về phần lời của họ, tính ra là nhất-luật như nhau, không có hơn thua chi hết.

B. — *Thuyết duy-tâm luận về giá-trị*

Đương lúc luận-thuyết giá-trị lao-động thịnh-hành, thì bỗng lại có một học-phái phản-đối xuất-hiện, phái đó phần nhiều là người Áo-đại-lợi, nên gọi là phái Áo-đại-lợi. Những hiện-tượng mà trước kia luận-thuyết giá-trị lao-động giải-thích không trôi, thì tới đó có thể dùng cái thuyết của bọn họ mà giải-thích trôi-chảy đâu vào đấy cả, không còn chút hàm-hồ nào; cũng không như luận-thuyết giá-trị lao-động còn phải nhiều chỗ khiên-cưỡng phụ-hội. Bởi vậy, thế-lực của họ lan ra rất mau, tiến lên rất mạnh, hầu hết những nhà kinh-tế-học, không đợi nói, đều khắp loạt xô vào theo học-thuyết ấy cả; cho đến nỗi ngay đồ-đảng ông Các-Mạc cũng phải theo ngọn tân-trào đó mà thay-đổi học-thuyết cũ của phái mình đi.

Cái luận-thuyết về giá-trị hiệu-dụng, không phải là người về cận-đại sáng-tạo ra đâu, học-giả thời xưa cũng đã có xướng lên học-thuyết đó rồi, duy có nói chưa thấu-triệt, nên không thành ra một thống-hệ hoàn-toàn, bởi vậy cũng không có địa-vị gì trong kinh-tế-học cả. Đến năm 1871, học-giả nước Anh và nước Áo-đại-lợi là Dư-vọng « William Stanley Jevons » cùng Măng-giư « Carl Manger », hai người thật

không hẹn mà nên, đồng-thời cùng xướng lên luận-thuyết giá-trị hiệu-dụng. Cách 3 năm sau, có Ngõa-lạt « Léon walras » người Thụy-Tây cũng xướng lên học-thuyết như thế. Từ đó luận-thuyết giá-trị có cơ đại-thành,

I. — Học-thuyết của Dư-vọng, lấy chủ-nghĩa hưởng-lạc làm chốt. Ông nói: Sự sướng, khổ là cái động-cơ hành-vi của người đời; chỉ vì ai cũng cầu sướng tránh khổ, nên mới có những sự động-tác nọ kia; cái mục-đích người đời ai cũng chỉ cầu phần sung-sướng cho cực nhiều mà phần thống-khổ rõ thật ít; mục-đích kinh-tế cũng chỉ là cầu cho người đời phải dùng tâm-lực ít, phải chịu cực-khổ ít, mà được hưởng khoái-lạc nhiều, hạnh-phúc lớn vậy. Một vật-phẩm có năng-lực khiến cho ta tăng-tiến hạnh-phúc mà giảm-thiểu thống-khổ; cái năng-lực ấy tức là cái hiệu-dụng đó. Luận về kinh-tế-học, không thể gác bỏ hiệu-dụng mà không nói đến được. Hiệu-dụng không phải là cái tính-chất cố-hữu của hóa-vật, hiệu-dụng là bởi dục-vọng của người mà sinh ra vậy. Cái phẩm-lượng hóa-vật tăng, thì cái dục-vọng bất-mãn-túc tất-nhiên giảm, mà hiệu-dụng cũng phải xụt kém đi; cho nên khi cái phân-lượng đã tăng lên quá độ, thì hiệu-dụng thành ra như một cái số thừa. Hiệu-dụng có thể chia làm hai phần: Toàn-thể hiệu-dụng và đơn-vị hiệu-dụng. Toàn-thể hiệu-dụng cùng với đơn-vị-số thành chính-tỷ-lệ, đơn-vị số tăng thì toàn-thể hiệu-dụng cũng tăng; đơn-vị hiệu-dụng cùng với đơn-vị-số thành phản-tỷ-tệ, đơn-vị-số tăng thì đơn-vị hiệu-dụng giảm. Khi người ta dùng những đơn-vị của một hóa-vật, thì cái đơn-vị hiệu-dụng sau cùng gọi là cái hiệu-dụng cuối-cùng.

Ông Dư-vọng đem giá-trị chia tách ra ba ý-nghĩa sau này:

1· Giá-trị sử-dụng. — Như nước, chỉ có giá-trị sử-dụng, không có giá-trị giao-hoán, cái giá-trị sử-dụng đó tức là toàn-thể hiệu-dụng vậy.

2· Trình-độ tôn-trọng — hiệu-dụng cuối cùng. — Khi ta đương dùng hoặc hóa-vật hạn-lượng nhất-định, thì cái dục-vọng đối với sự tăng-gia lần sau, mạnh-yếu thế nào, ấy là cái trình-độ tôn-trọng; khi sự mạnh yếu của dục-vọng toàn-thể biểu-hiện ra, ấy là cái hiệu-dụng cuối cùng. Nước, không-khí, là vật thiên-nhiên, nên không có giá-trị, vì cái phân-lượng nhiều quá, dục-vọng của người ta đã mãn-túc, thì cái hiệu-dụng cuối cùng thành ra như một số thừa vậy.

3· Tỷ-lệ giao-hoán — giá-trị giao-hoán — ấy là cái cầu-mãi-lực.

Phàm dục-vọng, hễ sau khi đã thỏa-mãn, tất-nhiên là phải giảm-thiểu; nên cái phân-lượng vật-phẩm nhu-yếu, tất phải định một giới-hạn, vật-hóa có giới-hạn hạn-chế, thì khi ta cần dùng, mới nhận biết được vật ấy là quí; vì không, thì vật-hóa dùng thừa-thãi bừa-mứa, ta còn biết gì là quí nữa. Cho nên giá-trị cao hay hạ là do ở tiện-lợi nhiều hay ít, như vật nào khi ta đã không còn nhận biết là có chút tiện-lợi nào, thế là vật ấy không còn có một mảy may giá-trị đó. Hóa-vật không có giá-trị ấy thì không thuộc về là của kinh-tế mà thuộc về là của tự-do vậy.

II. — Cái đặc-sắc của Ngõa-lạt là: Dùng cách phân-tích của số-học làm cơ-sở kinh-tế-học. Ông chia kinh-tế-học ra làm hai phần là: Ứng-dụng kinh-tế-học và xã-hội kinh-tế-học, định đem kinh-tế-học làm một khoa học trừu-

tượng. Nói rằng: Giá-trị hóa-vật nhiều hay ít, toàn coi ở cái trình-độ ứng-dụng cho dục-vọng như thế nào. Giá-trị là tùy theo dục-vọng mà thay đổi, cho nên giá-cách với sự nhu-yếu có quan-hệ rất mật-thiết mà đối với sự cung-cấp thì không quan-hệ gì.

III. — Trong phái Áo-đại-lợi, trừ Măng-giư ra, còn có Vi-dư (Friedrich Von Wieser) và Bô-uy (Eugen Von Bohm-Bawerk) đều là nhân-vật trứ-danh chủ-trương về luận-thuyết giá-trị hiệu-dụng. Luận-thuyết giá-trị của học-phái Áo-đại-lợi là chỉ chuyên phê-bình cựu-phái, trước tiên nghiên-cứu ngay về phân-loại của giá-trị. Ông Tư-mật chia giá-trị ra có hai phần: Sử-dụng và giao-hoán, đem giá-trị giao-hoán làm đối-tượng để nghiên-cứu kinh-tế-học. Học-giả về sau như Di-các-đô, My-lư, Các-mạc, đều dùng phép phân-loại ấy cả. Học-phái Áo-đại-lợi trước hết đem cách phân-loại ấy chia tách giá-trị ra làm hai phần: Chủ-quan và khách-quan. Giá-trị không phải là cái tính-chất cố-hữu của hóa-vật, ấy là cái quan-hệ hóa-vật đối với nhân-loại. Nói rõ ra, thì cái quan-hệ định giá về chủ-thể và khách-thể, là cái quan-hệ về mục-đích và thủ-đoạn vậy. Mục-đích canh-hoán bất-thường, nên giá-trị cũng biến-thái vô-định. Mục-đích có thể chia làm hai phần: Phần thứ nhất là cốt cầu cho nhân-loại được sung-sướng, cá-nhân được mãn-nguyện, nghĩa là cầu lấy cái hạnh-phúc cho loài người vậy. Phàm những vật có thể tạo hạnh-phúc cho ta, thỏa dục-vọng cho ta, thì đối với vật ấy ta phải phát-khởi lòng tôn-trọng, trình-độ tôn-trọng ấy tức là cái giá-trị chủ-quan vậy. Phần thứ hai là phần không có trực-tiếp quan-hệ gì với hạnh-phúc an-lạc của nhân-loại cả, ấy là cái hiệu-quả khách-quan của cơ-giới. Cái hiệu-quả khách-quan ấy, tức là cái giá-trị khách-quan vậy. Thí-dụ như than-đá, thì giá-trị chủ-quan là cái phân-lượng phát-hỏa cho ta dùng; giá-trị khách-quan là cái phân-lượng dùng đốt trong nhà giữ được khí ấm, dùng đốt nồi máy sủi được hơi nước, cùng là có thể đem đánh đổi lấy hóa-tệ — cầu-mãi-lực v. v. Cái giá-trị khách-quan, như giá-trị chất nóng của than đá, chất cứng của sắt v. v..., đều là thuộc về phạm-vi nghiên-cứu của các nhà kỹ-thuật; cái đối-tượng để nghiên-cứu của kinh-tế-học, là chỉ hạn ở sức cầu-mãi của giá-trị chủ-quan và khách-quan mà thôi. Song le, sức cầu-mãi chẳng qua là cái năng-lực của chủ-thể định-giá phú-giữ cho vật-phẩm đó thôi, chứ phàm vật-phẩm bao giờ cũng vẫn tiềm-tàng có một cái giá-trị chủ-quan. Cho nên bàn về giá-trị, tất-tu phải lấy giá-trị chủ-quan làm chốt.

Của, là vật có thể làm sung-mãn dục-vọng của loài người; của, tất-nhiên phải có cái hiệu-dụng làm được sung-mãn dục-vọng, thì mới xứng gọi là của. Cho nên phàm cái gì có giá-trị là tất phải có hiệu-dụng, nhưng chỉ có hiệu-dụng thôi chưa hẳn đã đều là có giá-trị. Cái khái-niệm giá-trị so với hiệu-dụng thì nhỏ hẹp kém, nên hiệu-dụng tất-tu phải đặt thêm ra một cái hạn-chế, mới sinh có giá-trị được. Ví như nước, có thể làm cho khỏi khát, vẫn là vật có hiệu-dụng thật, song không thể nói là sẵn có giá-trị được; tất-tu phải có một cái hạn-chế, khiến cho người khát nước, nếu không có nước trong hạn-chế đó, thì phải chịu lắm nỗi khốn khó, như thế nước mới sinh có giá-trị được. Hiệu-dụng, là cái năng-lực tạo hạnh-phúc cho nhân-loại của vật-phẩm; giá-trị, là cái của mà nhân-loại nếu không có nó

tất phải giảm-thiểu hạnh-phúc, đối với cái của ấy phát-khởi lòng tôn-trọng, thì cái trình-độ tôn-trọng đó tức là giá-trị vậy. Cho nên, giá-trị, với hiệu-dụng sở-dĩ khác nhau là bởi hiệu-dụng mà ra. Cùng một vật-phẩm, có khi chỉ vì phân-lượng nhiều ít khác nhau, mà thành ra hoặc có giá-trị, hoặc không giá-trị. Vật không giá-trị, gọi là của tự-do, vật có giá-trị gọi là của kinh-tế.

Trở lên là cái nguyên-lý luận về giá-trị của bọn họ, sau đây lược-thuật mấy lời họ nói về phép định-bình giá-trị: Đại-khái khi giá-trị phát-sinh, có hai hiệu-dụng: Phần thứ nhất, một vật chỉ có thể dùng cho một dục-vọng, thì toàn-thể hiệu-dụng cung-cấp của vật ấy tức là cái giá-trị của nó. Phần thứ hai, một vật có thể dùng cho nhiều dục-vọng, thì cách định giá lại phải khác hẳn, không đơn-sơ dễ-dàng như phần thứ nhất được. Thí-dụ như gạo, dùng cho ba phần: lương-thực, nấu rượu và nuôi chim. Ba phần đều dùng chung một thứ gạo, mỗi phần là một đấu. Cái hiệu-dụng của một đấu lương-thực là 100, nấu rượu là 80, nuôi chim là 60; vậy thì định giá ra làm sao? — Giả như bây giờ ba đấu gạo đó thiếu đi một, thì hai đấu còn lại tất phải để dùng cho lương-thực và nấu rượu là hai phần hiệu-dụng lớn hơn trước, còn phần để nuôi chim phải thủ-tiêu đi. Cái dục-vọng thủ-tiêu đi trước nhất đó, gọi là giới-hạn dục-vọng. Trong ba đấu gạo đó, cái giới-hạn-điểm trước nhất ấy là gạo nuôi chim, mà cái tiêu-chuẩn giá-trị ấy là cái hiệu-dụng của đấu gạo nuôi chim. Bởi vậy, cái tổng-giá ba đấu gạo không phải là hợp tính cả hiệu-dụng của ba đấu gạo (240) mà chính là số gấp ba của cái hiệu-dụng đấu gạo nuôi chim (180) vậy. Cái học-thuyết lấy giới-hạn hiệu-dụng làm tiêu-chuẩn mà định-bình giá-trị đó, gọi là thuyết giới-hạn hiệu-dụng.

Kết-luận

Học-thuyết của hai phái A, B trên này, đối với cái khởi-nguyên giá-trị, một đằng thì bảo là phát-khởi tự lao-động, một đằng thì bảo là căn-nguyên ở hiệu-dụng. Hai chữ giá-trị nếu chỉ hạn ở cái nghĩa hẹp, nếu chỉ hạn ở cái hiệu-dụng đơn-vị, thì thuyết của phái B là xác-đáng lắm. Chúng ta ai nấy cũng nhận là cái mục-đích kinh-tế hành-vi của chúng ta, không nên cầu lấy được cái hiệu-dụng đơn-vị, mà cần cầu lấy được cái hiệu-dụng toàn-thể; vì cái hiệu-dụng đơn-vị khởi ở sự không đủ, mà cái mục-đích kinh-tế hành-vi của chúng ta, theo luật tự-nhiên, phải biến sự không đủ làm đủ. Song le, các nhà doanh-nghiệp hiện-thời, khắp-loạt đều lợi-dụng cái nguyên-lý giới-hạn hiệu-dụng, mà hạn-chế ngạch sinh-sản, chỉ cầu lấy tăng-gia hiệu-dụng đơn-vị, thành không thể không gác bỏ hiệu-dụng toàn-thể, thế chẳng là trái khóe lắm ru?

Vì theo phương-diện hiệu-dụng toàn-thể mà nói, thì cái bản-chỉ sự lao-động vẫn là cầu lấy cho được có hiệu-dụng, mà làm ra cho có hiệu-dụng, tất phải nhờ ở lao-động. (Tuy có nhiều vật-phẩm thuộc về hạng hiếm có, không cần phải nhờ đến lao-động, song xét ra hạng ấy vẫn là thuộc về số ít, và cũng không lấy gì làm trọng-yếu về đường kinh-tế). Một đằng là mục-đích, một đằng là thủ-đoạn; không mục-đích, thủ-đoạn thành ra vật vô-dụng; mà không thủ-đoạn, mục-đích cũng hóa cái hư-không. Cho nên sự hành-vi kinh-tế của chúng ta cũng ví như chở thuyền vậy: dục-vọng là cái lái, lao-động là con sào, mà hiệu-dụng tức là cái địa-điểm mục-đích. Chỉ có sào mà không lái, thì cho dẫu có trèo mỏi cánh, mà trông-chênh giữa biển, bờ kia khôn dễ tới nơi; chỉ có lái mà không sào, thì cho dẫu có vững tay co, mà quanh quẩn mặt duyềnh, bến nọ khôn đường tới chốn. Đương thời-đại tự-cấp kinh-tế, dục-vọng và lao-động trực-tiếp chi-phối với nhau, cái tiêu-chuẩn lao-động là ở sự tăng-tiến hiệu-dụng toàn-thể, nên chi khi bấy giờ bên cung với bên cầu được điều-hòa, không có những hiểm-tượng sinh-sản không đủ hay là quá thặng. Về sau, dục-vọng và lao-động dần dần ngày càng chia rẽ, dục-vọng là dục-vọng, mà lao-động là lao-động, không có chút chi liên-lạc với nhau. Kẻ cùng-khốn tuy có cái dục-vọng sinh-tồn hăng-hái đến đâu, song vì không có sức cấu-mãi, nên nhà doanh-nghiệp họ cũng không hề thuê đến. Kinh-tế hiện-thời, là một lối kinh-tế theo-túng cái hiệu-dụng đơn-vị, là một lối kinh-tế theo về cái giá-trị nghĩa hẹp. Chúng ta bây giờ nếu lại vẫn không tỉnh-ngộ, vẫn không biết tìm cách làm liên-tiếp dục-vọng và lao-động lại với nhau, thì cái mục-đích của đời người chẳng kéo ngày càng xa lắc!

Mạnh-Mai *Nguyễn-Bình-Giai* thuật.

TIẾNG QUỐC-TẾ

Mục-đích và lý-tưởng của tiếng quốc-tế

Mục-đích tiếng quốc-tế thế nào? Tiếng quốc-tế có cần phải đặt ra hay không? Hai cái vấn-đề ấy không còn phải đợi thuyết-minh nữa, vì tiếng quốc-tế cũng như là bưu-chính điện-báo, là cái lợi-khí để làm cho tư-tưởng cảm-tình của các dân-tộc được tương-thông, tức là một điều không thể khuyết-thiếu ở trong cuộc xã-hội sinh-hoạt của nhân-loại văn-minh vậy. Người ta dù ngu-xuẩn đến đâu cũng không nghi ngờ rằng bưu-chính điện-báo có cần đặt ra không, thì quyết hẳn cũng không nghi ngờ rằng tiếng quốc-tế có cần đặt ra không vậy.

Nhưng cứ xem trên sự thực thì người phản-đối tiếng quốc-tế cũng không phải là không nhiều, họ cho rằng tiếng quốc-tế không cần có, tiếng quốc-tế có hại, tiếng quốc-tế chỉ làm hại đến cái tinh-thần dân-tộc mà thôi. Hạng người giữ cái kiến-giải sau cùng này rất nhiều; ấy chỉ vì họ đối với cái lý-tưởng của tiếng quốc-tế chưa từng giải rõ ra làm sao. Thường thường người ta đều cho rằng cái lý-tưởng cuối cùng của tiếng quốc-tế, là khiến cho nhất-thiết tiếng nói từng nước, tiếng nói từng dân-tộc phải hoàn-toàn tiêu-diệt, mà khắp hoàn-cầu đều dùng một thứ tiếng nói một thứ văn-tự. Đó là một cái kiến-giải rất phổ-thông về tiếng quốc-tế, song thực thì lý-tưởng của tiếng quốc-tế không khi nào đến như thế, tiếng quốc-tế quyết không xâm-phạm gì đến tiếng nói từng nước và tiếng nói từng dân-tộc nữa kia. Tư-tưởng của nhân-loại mà giao-thông với nhau được là nhờ ở ngôn-ngữ văn-tự cả, thế mà những nhân-dân ngôn-ngữ bất đồng thì trong khi giao-tế cứ như người câm không ai hiểu ai cả, mục-đích tiếng quốc-tế chỉ là để bổ-cứu cái khuyết-điểm ấy,

chứ còn ngoài ra cuộc sinh-hoạt của các nhân-dân, tiếng quốc-tế không có can-thiệp đến gì hết. Vậy bảo rằng tiếng quốc-tế có làm hại đến cái tinh-thần và đặc-chất của các dân-tộc thì khác nào bảo rằng bưu-chính điện-báo có làm hại đến cái năng-nực sự đàm-thoại của người ta, chẳng cũng là một điều kỳ-dị đáng cười lắm sao!

Lý-tưởng cuối cùng của tiếng quốc-tế là cung-cấp cho nhân-dân các nước một thứ tiếng trung-lập bổ-trợ. Vì trung-lập, cho nên không can-thiệp đến những cái sự-tình của nội-bộ các nước; vì bổ-trợ, cho nên không xâm-hại đến tiếng từng nước và tiếng từng dân-tộc.

Ở đời nay, tiếng quốc-tế quyết-nhiên không phải là một điều vô-quan khẩn-yếu. Sự vận-động của tiếng quốc-tế phát-sinh ra, cũng như các sự vận-động tối-tân khác ở đời nay, như sự vận-động của dân-chủ chính-trị và sự vận-động của xã-hội chủ-nghĩa, ấy thực là ứng vào sự nhu-yếu của thời-đại mà sinh ra vậy. Từ khi khí-cơ phát-minh ra thì cái phạm-vi giao-thông của nhân-loại ngày một mở rộng, cái cơ-hội tiếp-xúc của các dân-tộc ngày một thêm nhiều. Những việc công-thương việc giáo-dục, việc lữ-hành, việc xã-giao và việc ngoại-giao đàm-phán, chỉ vì cái cớ ngôn ngữ văn-tự của các nước không giống nhau mà sinh ra bao sự khó khăn. Cái quan-hệ quốc-tế của người đời nay rất là phức-tạp, bất-luận rằng ai cả, cũng đều cần phải học biết một vài thứ tiếng. Trong các trường học phổ-thông ở các nước, khoa học tiếng ngoại-quốc đều là một khoa học chủ-yếu. Quốc-ngữ của các nước đều là bởi cái tình-hình riêng của các nước mà phát-triển ra, cho nên người nước A đi học ngôn-ngữ văn-tự nước B có nhiều nỗi rất khó; mà khi đã học hiểu ngôn-ngữ văn-tự nước B rồi, lại còn nước C nữa, học hiểu ngôn-ngữ văn-tự nước C rồi, lại còn nước D nữa. Tuy người ta không hẳn rằng phải thông biết tất cả tiếng nói của thế-giới, song nếu đã muốn có cái giáo-dục chuyên-môn, hoặc là muốn hoạt-động được ở trong việc quốc-tế chính-trị và quốc-tế thương-nghiệp, thì ít ra cũng phải biết đến bốn năm thứ tiếng, vậy phải học biết những ngôn-ngữ văn-tự của mấy nước chủ-yếu mới được. Học cho thông hiểu được một thứ tiếng ngoại-quốc cũng đã không phải là điều dung-dị, thế thì học bốn năm thứ tiếng ngoại-quốc, người bình-thường học làm sao cho được. Người nước A phải phí bao nhiêu năm tháng để học tiếng nước B, nước C, nước D; người nước B, cũng phải phí bao nhiêu năm tháng để học tiếng nước A nước C nước D; người nước C hoặc nước D lại cũng phải phí bao nhiêu năm tháng để học tiếng nước A, nước B, nước C, nước D; như thế cứ lấy một cái thời-gian kinh-tế mà nói cũng đã bao nhiêu sự hư-phí rồi. Người đời nay đã phát-minh ra máy móc để giảm bớt lao-lực, đã phát-minh ra tầu xe để rút ngắn lữ-trình, duy có đối với sự hư-phí về tiếng nói thì chưa từng nghĩ đến cái phương-pháp bổ-cứu. Lý-tưởng tiếng quốc-tế chính ứng vào cái sự nhu-yếu ấy mà phát-sinh ra; vậy ta có thể nói được rằng tiếng quốc-tế là một vật rất cần cho cuộc sinh-hoạt đời nay, là một thứ cơ-khí mới phát-minh ra để tiết-tỉnh thời-giờ vậy.

Nếu mục-đích tiếng quốc-tế chỉ chuyên vì cái ích-lợi về đường vật-chất thì không đáng cho người ta xướng-đạo lên như thế, tiếng quốc-tế sở-dĩ có cái giá-trị trọng-yếu, là vì nó có một cái lý-tưởng rất lớn. Cái lý-tưởng ấy là dưỡng-thành cái tâm-lý quốc-tế cho nhân-loại mà làm tiêu-diệt cái thiên-kiến từng dân-tộc một. Cái cách quốc-gia tổ-chức của đời bây giờ thực là một sự trướng ngại làm ngăn trở cho văn-hóa của nhân-loại. Cái xã-hội lý-tưởng về thời vị-lai này tất phải xây lên ở trên cái nền chủ-nghĩa phi-quốc-gia, nhưng cứ như thực-tế thì sự phá-đổ cái chủ-nghĩa quốc-gia thực là một sự rất khó. Cái sự hòa-bình và hiệp-điều của tất cả các nước, chẳng qua cũng chỉ là các nhà ngoại-giao nói mép thế mà thôi, chớ như sự thực thì chẳng được thế bao giờ cả. Đó là vì cớ gì? Ta có thể nói được rằng quá nửa là bởi tư-tưởng cảm-tình của nhân-loại chưa được dung-hợp. Nhân-loại từ mấy nghìn năm nay đã bị bó-buộc trong cái vòng nhân-chủng và quốc-gia, cho nên muốn phá đổ cái thiên-kiến của chủ-nghĩa quốc-gia rất khó. Bây giờ trước hết cần phải khiến cho các dân-tộc đều dưỡng-thành cái tâm-lý quốc-tế, trừ tiệt cái thói xấu nhân-chủng và quốc-gia đi mới được. Vậy thì sự khẩn-yếu nhất là làm cho tư-tưởng cảm-tình của các dân-tộc thông-đồng với nhau. Tư-tưởng của các dân-tộc cách bức nhau, tuy cũng có nhiều nguyên-nhân, nhưng cái nguyên-nhân to nhất là tiếng nói. Nhân vì tiếng nói không thông, nên các dân-tộc không hiểu lẫn nhau được; không hiểu-lẫn nhau, nên mới sinh ra những điều ngờ-vực ghen-ghét nhau; đó là cái chủ-nhân về sự sung-đột của các dân-tộc vậy. Lý-tưởng cuối cùng của tiếng quốc-tế là để làm cho bởi sự tiếng nói thống-nhất mà cầu lấy cái sự hòa-bình an-ninh cho nhân-loại, vậy sự vận-động tiếng quốc-tế tức là sự vận-động cuộc hòa-bình và chủ-nghĩa phi-chiến vậy.

Xem đó thì tiếng quốc-tế không những là một thứ lợi-khí, mà lại là một cái lý-tưởng cải-tạo rất vĩ-đại; mục-đích tiếng quốc-tế chẳng những mưu sự ứng-dụng cho việc lữ-hành và việc công-thương, mà lại khiến cho các dân-tộc hiểu lẫn nhau để làm cho cái xã-hội lý-tưởng của nhân-loại chóng được hiện-thực. Cứ xem một điều đó, cái sự sản-sinh hiện nay của tiếng quốc-tế cùng với sự phát-sinh của xã-hội lý-tưởng về đời gần đây, có cái ý-vị trọng-đại giống nhau mà không thể coi thường được.

Cách giải-quyết vấn-đề tiếng quốc-tế

Lý-tưởng tiếng quốc-tế đã nói rõ như trên này rồi, nay ta lại nên xét xem:

1. Tiếng quốc-tế có thành-lập được không?

2. Thứ tiếng nào nên dùng làm tiếng quốc-tế?

Hai vấn-đề ấy tuy là hai mà thực thì chỉ là một; vì rằng nếu đã có một thứ tiếng thích-nghi có thể dùng làm tiếng quốc-tế được, thì cái vấn-đề tiếng quốc-tế có thành-lập được không tự khắc cũng giải-quyết rồi. Duy có thứ tiếng nào nên dùng làm tiếng quốc-tế, thì đó thực là một cái vấn-đề học-giả các nước từng đã thảo-luận mà rất khó giải-quyết. Vậy nay xin nói rõ như sau này:

Như bây giờ ta lấy một thứ quốc-ngữ hiện đã thành-lập mà dùng làm tiếng quốc-tế thì có được hay không? Được ra thì đó là một điều tiện-lợi lắm rồi, song quốc-ngữ có nhiều thứ lắm, biết dùng thứ nào? Cứ theo lẽ công-bằng thì nên thống-kê cả các

thứ tiếng nói của toàn-thế-giới, rồi xem thứ tiếng nào nhiều người nói hơn hết thì công-nhận làm tiếng quốc-tế. Như vậy thì chỉ có tiếng Trung-hoa là được hợp cách, vì toàn-thế-giới nói tiếng Trung-hoa có đến hơn bốn vạn vạn người, vô-luận tiếng nước Anh, tiếng Tây-ban-nha, cũng không có nhiều người nói như thế. Duy tiếng Trung-hoa là một thứ tiếng rất khó học, người Âu-châu muốn học-tập tiếng Trung-hoa ít ra cũng phải bảy tám năm mới thành công được, cho nên lấy tiếng ấy làm tiếng quốc-tế thì cũng khó xong. Thứ nhì đến tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây-ban-nha. Đó lại sinh ra một cái vấn-đề khác nữa, vì tiếng nói với thế-lực rất có quan-hệ, nếu quả dùng tiếng nói của một nước mạnh nào làm tiếng quốc-tế, thì nước ấy sẽ chiếm được cái vị-trí tốt hơn ở trên nền văn-hóa của thế-giới, mà ở vào cái thời-đại chủ-nghĩa quốc-gia chưa tiêu diệt như ngày nay, thì đối với sự đó, những nước khác không khi nào chịu nhịn cả. Ví như dùng tiếng nước A làm tiếng quốc-tế thì nước B sẽ phản-kháng; dùng tiếng nước B làm tiếng quốc-tế thì nước A và nước C cũng lại không ưng theo. Vả lại vô-luận tiếng nước nào mà dùng làm tiếng quốc-tế thì người nước khác học cũng khó cả, cho nên dùng các thứ quốc-ngữ hiện đã thành lập rồi làm tiếng quốc-tế, không tài nào được cả.

Có người chủ-trương sự dùng tiếng *Latin* là một thứ tiếng đã chết làm tiếng quốc-tế. Đó cũng lại là một sự khó, vì tiếng *Latin* người châu Âu học cũng đã lấy làm khó rồi, chớ không nói đến người phương Đông nữa. Tiếng quốc-tế cần thứ nhất là làm sao cho đơn-giản dễ học, vì không dễ học thì không tài nào phổ-cập khắp thế-giới được. Nhất-thiết các thứ quốc-ngữ đều cỗi-rễ sự ở tập-quán mà tạo-thành ra, đều không qui-tắc, đều không dễ học. Đơn-giản dễ học thì chỉ có một thứ tiếng nhân-tạo nào thôi; cho nên chỉ có thứ tiếng nhân-tạo nào thì mới có thể dùng làm tiếng quốc-tế được.

Vấn-đề thứ hai là nên dùng thứ tiếng nhân-tạo nào làm tiếng quốc-tế. Thứ tiếng nhân-tạo hiện đã từng sáng-xuất ra, có thể dùng được không? Vấn-đề ấy giải-quyết cũng không khó gì, vì rằng muốn biết thứ tiếng nhân-tạo ấy dùng được hay không, chỉ xem nó cái năng-lực phổ-cập hay không mà thôi. Vậy thì chỉ chọn lấy một thứ tiếng nhân-tạo nào thông-dụng rộng nhất mà dùng làm tiếng quốc-tế là được. Mấy mươi năm gần đây, người ta đặt ra tiếng quốc-tế cũng có nhiều thứ, nhưng trong những thứ tiếng ấy có đến quá nửa không ai dùng bao giờ cả, cũng có một vài phần đã dùng trong ít lâu rồi lại tiêu-diệt đi. Thứ tiếng mà đã có cái lịch-sử ba bốn mươi năm và từng có vài trăm vạn người dùng thì duy chỉ có thứ tiếng thế-giới (Esperants) mà thôi. Đó thực là một tiếng hợp-nghị, dùng tiếng ấy làm tiếng quốc-tế thì thực là một cái phương-pháp duy-nhất để giải-quyết vấn-đề tiếng quốc-tế vậy.

Tiếng thế-giới và chủ-nghĩa tiếng thế-giới

(Esperanto et Esperantisme)

Muốn biết tiếng thế-giới này thế nào thì trước hết ta nên lấy cái lập-điểm của ngôn-ngữ-học mà xét.

Tiếng thế-giới sở-dĩ hơn được các thứ tiếng nhân-tạo khác đồng-thời đặt ra, là bởi cái cách cấu-tạo của

nó rất hoàn-thiện. Vậy tiếng thế-giới sáng xuất ra thực là một điều rất giỏi ở về đời gần đây vậy. Sáng-tạo ra tiếng thế-giới là ông *Zamenhof* người Ba-lan (Pologne). Ông chẳng qua chỉ là một nhà nhãn-khoa y-sinh, chứ không phải là nhà chuyên-môn về ngôn-ngữ-học gì cả. Ông chỉ nhờ có cái thiên-tài về ngôn-ngữ-học mà sáng-xuất ra được thứ tiếng thế-giới hoàn-bị. Cái ưu-điểm về sự cấu-tạo tiếng thế-giới là ở chỗ hợp lẽ, dễ học và tiện cho sự thực-dụng. Tiếng ấy kết-cấu có mấy cái đặc-chứng như sau này:

1. Phát-âm dễ-dàng và không biến-hóa;

2. Trọng-âm (accents) có cái vị-trí nhất-định;

3. Danh-từ, động-từ, hình-dung-từ đều có cái tiếng sau cùng nhất-định:

4. Danh-từ không có phân-biệt về tính cách;

5. Cách đặt chữ số cũng giống như Hán-văn;

6. Những câu nghi-vấn đều thêm cái tiếng nghi-vấn nhất-định;

7. Nhân vì có nhiều chữ nối đầu nối đuôi, cho nên cái cách cấu-tạo của mỗi chữ rất giản-tiện, và số-mục chữ đơn cũng giảm bớt rất nhiều;

8. Văn-pháp chỉ có mười sáu điều mà không có lệ ngoại;

9. Cách cấu-tạo của chữ có quan-thiệp với nhau và chữ đặt đầu rất là tiện lợi;

10. Cách phối-trí của những chữ giữa câu văn rất là tự-do.

Chữ quốc-tế vì có mấy cái ưu-điểm đó cho nên có thể kể là một thứ văn-tự nhân-tạo rất hoàn-bị. Phê-bình một cách nghiêm-ngặt thì cách cấu-tạo ra tiếng của ông *Zamenhof* cũng có một vài chỗ khiến cho những nhà ngôn-ngữ-học chưa lấy làm mãn-ý, duy cứ xem những cái ưu-điểm về toàn-thể thì tiếng ấy cũng đã là được lắm.

Tiếng thế-giới đơn-giản dễ-học, thực là ngoài sự tưởng-tượng của người ta. Không cứ rằng ai, chỉ mất công độ trong một năm đã có thể học hiểu được toàn-bộ văn-tự. Một người châu Âu hoặc một người châu Á mà đã có học qua tiếng châu Âu, thì chỉ học độ trong năm sáu tháng đã viết thông nói thông được tiếng ấy. Một thứ văn-tự giản-dị như thế mà thực-dụng ra sự truyền-đạt tư-tưởng và biểu-hiện cảm-tình thì thực là rất nhậy không còn khó gì. Phàm ai đã học qua tiếng thế-giới đều thừa nhận rằng tiếng ấy có thể dùng để làm những câu văn cao sâu. Những sách hay của các nước dịch ra tiếng thế-giới cũng không ít, không những là chẳng khó gì, mà so với bản dịch bằng cái lối chữ quốc-ngữ khác lại đúng hơn. Vậy thì tiếng thế-giới đặt ra, thực là một sự thành-công rất lớn về khoa ngữ-học vậy.

Trên này đã nói về cái giá-trị của tiếng thế-giới ở trong khoa ngữ-học. Đây lại xét xem tiếng thế-giới sở-dĩ thành ra một thứ văn-tự hoạt-động và sự vận-động của tiếng thế-giới sở-dĩ thành ra một cái sự-thực cụ-thể là bởi đâu, là bởi trừ cái phương-diện văn-tự ra, tiếng thế-giới lại có cái lý-tưởng và tinh-thần độc-lập nữa. Cái lý-tưởng và tinh-thần ấy tức là cái chủ-nghĩa tiếng thế-giới. Năm 1905, tại đất Boulogne nước Pháp đã khai kỳ đại-hội vạn-quốc về tiếng thế-giới, có tuyên-ngôn về chủ-nghĩa tiếng thế-giới; trong bài tuyên-ngôn ấy nói chủ-nghĩa tiếng quốc-tế đại-khái có năm điều như sau này:

1. Chủ-nghĩa tiếng thế-giới thực là trung-lập tuyệt không có can-thiệp đến cái nội-bộ sinh-hoạt của nhân-dân, cũng không làm hại gì đến các thứ quốc-ngữ hiện có. Người học tiếng thế-giới không kể là giữ cái lý-tưởng gì, tin cái chủ-nghĩa nào, đó cũng chỉ là sự hành-động riêng một người mà thôi, chứ không quan-hệ gì đến chủ-nghĩa tiếng thế-giới.

2. Sự vận-động của tiếng quốc-tế hiện nay không còn ở lúc tranh-biện về đường lý-luận mà đã đến lúc tuyên-truyền về đường thực-tế rồi. Tiếng thế-giới đã là một thứ tiếng nhân-tạo hiện nay rất thích-nghi, cho nên những người đồng-chí về tiếng quốc-tế nên họp sức tuyên-truyền mà không còn có điều nghi-lự gì nữa.

3. Nhà đặt ra tiếng thế-giới đã thanh-minh rằng đối với tiếng ấy không muốn hưởng có cái quyền-lợi gì riêng; cho nên tiếng thế-giới là vật công của toàn-thế-giới, không là của riêng của ai, không kể rằng ai cũng có thể dùng được cả.

4. Cái cơ-sở tiếng thế-giới mà ông *Zamenhof* dựng nên khi đầu không thể thêm bớt sửa đổi, ấy là cái ước-thúc duy-nhất của những kẻ học tiếng thế-giới; ngoài ra sự đặt thêm rộng ra về đường văn-tự thì học-giả không cần cứ phải theo cái ước-thúc nhất-định.

5. Ai đã hiểu biết và dùng tiếng thế-giới thì đều là người học tiếng thế-giới (Esperantiste); ngoài ra người học tiếng thế-giới cũng nên vào các đoàn-thể tiếng thế-giới, song đó cũng không là sự cần lắm.

Thế nào là chủ-nghĩa tiếng thế-giới? Là mấy điều lý-tưởng và qui-tắc mà người học tiếng thế-giới phải nên tin giữ. Cho nên chủ-nghĩa tiếng thế-giới cũng không phải là cái lý-tưởng sâu-sắc khó-khăn gì, mà là những điều người ta ai cũng có thể làm được cả. Duy chỉ có một bộ-phận những kẻ học tiếng thế-giới cảm-động vì cái nhân-cách riêng của ông *Zamenhof* mà đem cái sự-nghiệp tiếng thế-giới nhận làm một cái lý-tưởng cao-thượng, nhận làm một cái giáo-nghĩa rất rộng yêu cả thế-giới yêu cả nhân-loại. Một phái người ấy có thể bảo rằng do làm người học tiếng thế-giới mà tiến lên một từng làm người tín-ngưỡng cái chủ-nghĩa nhân-loại nhất-phần-tử (1) là cái chủ-nghĩa mà ông *Zamenhof* đã dựng ra trước tiên.

Sự vận-động của tiếng quốc-tế

Từ khi có tiếng thế-giới ra đời thì cái vấn-đề tiếng quốc-tế đã hơi giải-quyết được. Song tiếng quốc-tế có thể lan khắp được toàn thế-giới không? Về điều đó ta nên chú-ý đến sự vận-động của tiếng quốc-tế.

Ta nên biết rằng: tiếng quốc-tế ngày nay sở-dĩ gây nên được cái thế-lực lớn tuy có bởi ở cách cấu-tạo hoàn-thiện của tiếng thế-giới, song thực cũng bởi ở sự vận-động hết sức của tiếng thế-giới. Đương khi đầu ông *Zamenhof* mới đặt ra tiếng thế-giới thì chính là lúc tiếng quốc-tế nhân-tạo (Volapik) đương phá-diệt. Vì đó mà sự tín-ngưỡng tiếng quốc-tế của người đời nguội lạnh đi mất quá nửa. Song tiếng thế-giới lại khéo nhân cái thời-cơ ấy mà thu lại cái lòng người đã mất; trước thì truyền-bá ở ba nước Pháp, Nga, Đức, không qua mười năm thì kẻ đồng-chí về tiếng thế-giới đã nhan-nhản khắp thế-giới.

(1) Chữ Anh là *Homaranismo*, là cái chủ-nghĩa coi mình là một phần con của cả nhân-loại, chứ không của riêng một nước hay một chủng-tộc nào cả.

Tiếng thế-giới ra đời đến nay chưa hơn 35 năm mà không bao lâu đã thành ra tiếng quốc-tế ai cũng công-nhận, đủ biết sức truyền-bá của nó mạnh rộng là nhường nào.

Về sự truyền-bá của tiếng thế-giới, cứ xem cái sơ-chí của ông *Zamenhof* thì chủ-trương sự không nương-nhờ thế-lực của các chính-phủ; cho nên sự vận-động của tiếng quốc-tế có thể nói được rằng toàn-nhiên là nhờ ở sự vận-động của quốc-tế dân-chúng. Sự vận-động của tiếng quốc-tế đại-khái chia ra có mấy cái phương-pháp sau này:

1. Những sự tổ-chức của những người học tiếng thế-giới là:

A) Đại hội vạn-quốc về tiếng thế-giới, mỗi năm khai hội một lần ở các đô-thị lớn trong thế-giới, năm nay ở đô-thị này, năm sau ở đô-thị khác.

B) Hội ủy-viên thường-thiết, chuyên việc trù-bị các việc ở đại-hội mỗi năm.

C) Hội ủy-viên về văn-tự của tiếng thế-giới, mục-đích là mưu giữ cái nguyên-tắc cỗi-rễ của tiếng thế-giới và sự tiến-hóa của văn-tự.

D) Trung-ương sự-vụ sở của tiếng thế-giới đặt ở Paris biện-lý và tán-trợ các sự vận-động của tiếng thế-giới, làm thành ra tờ thống-kế về sự vận-động của tiếng thế-giới và giữ tất cả các giấy-má.

2. Sự thực-dụng tiếng thế-giới. Về sự đó tổ-chức cũng nhiều, nhưng to nhất là hiệp hội vạn-quốc về tiếng thế-giới. Hội ấy là mục-đích mưu sự ứng-dụng tiếng thế-giới ở trong các việc công thương và lữ-hành và khiến cho những người học tiếng thế-giới ở các nước giao-thông liên-lạc với nhau. Sự nghiệp ấy hiện rất phát-đạt.

3. Sự công-nhận cái giá-trị về việc giáo-dục của tiếng thế-giới; đó là một sự vận-động mới khởi ra sau cuộc đại-chiến, chủ-trương sự đem tiếng thế-giới thêm vào khóa-trình ở các trường công Âu-châu, để thay vào tiếng *Latin*.

Ba điều nói trên này mới là nói đại-khái về các phương-pháp vận-động của tiếng quốc-tế. Còn như cái thế-lực của tiếng quốc-tế có thể lan khắp thế nào, sau này có thể nghiên-cứu được rộng nữa, sẽ xin nói sau. Nay kết-thúc bài này, hãy xin dẫn một lời nói sau đây của ông *Adam Zakriewisky* là một bực danh-nhân vận-động về tiếng quốc-tế:

« Hiện nay ở trong cái khu-vực của tiếng thế-giới, mặt trời không bao giờ lặn xuống nữa ». (Nun en Esperantujo la suno neniam subiras !)

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN
dịch thuật

HỠI CÁC NHÀ THƯƠNG-MẠI

Ở NAM-KỲ VÀ CAO-MÊN !

Nên đến mà mua hàng Hội-chợ Hanoi năm nay

Từ ngày 10 đến ngày 25 Décembre

Khảo về việc tế-lễ tổ-tiên

(Tiếp theo)

II

Sau đời Tam-đại

1. *Chế-độ vô-hạn.* — Cái chế-độ hữu-hạn về bảy miếu, năm miếu là do thánh-nhân định danh-phận đã đành, chẳng có thể nào để cho ai mượn mà tiếm-dụng được cả, song cái chế-độ đó về sau đã không còn nữa rồi; mà sự thay đổi trong quãng từ đời nhà Tần cho chí nhà Đường là thế nào, cũng bất-tất phải tường-thuật, nay chỉ xin thuật lại từ đời nhà Tống mà thôi. Vậy thời nhà Tống lễ-tế tổ-tiên của thiên-tử, chư-hầu, đại-phu, biến-cải thế nào cũng không cần phải tường-thuật nữa, nay chỉ khởi-thuật về thứ-sĩ và quan-sư trở đi vậy. Sách « Chu-tử ngữ-loại » có chép « Hỏi: quan-sư được lập một miếu, nếu chỉ là một miếu thời chỉ được tế cha mẹ mà thôi, không được tế đến ông tổ. Như vậy, há chẳng phải là bất-cận nhân-tình lắm sao? — Đáp: Địa-vị thấp thì lộc cũng kém, ấy là lẽ phải vậy. Hỏi: Nay tuy là những nhà sĩ, thứ-nhân, cũng cúng tế đến ba đời, như vậy thời là trái lễ chí? — Đáp: Lễ tế tam-đại, nhưng mà không miếu cũng không thể cho là tiếm được, vì những miếu đời xưa hình-thức lớn lắm đều có đủ *môn, đường, tẩm-thất* như cung để ở vậy, không phải làm như người nay chỉ dùng một cái nhà mà thôi đâu. » Lại xem pho « Thông-diễn » của ông Đỗ-Hữu thấy có chép rằng: « Chế-độ Đại-Đường, phàm các quan văn-võ, từ nhị-phẩm trở lên, thờ tứ miếu, ngũ-phẩm trở lên thờ tam-miếu; lục-phẩm trở xuống cho đến thứ-nhân thời tế ông tổ ông cha tại chính-tẩm. » Chính-tẩm nghĩa là giữa nhà. Nay xem sách « Chu-tử ngữ-loại » có câu rằng: « Nay tuy những nhà sĩ-nhân cũng cúng tế đến ba đời, mà chế-độ nhà Đường thời từ lục-phẩm cho đến thứ-nhân cũng chỉ tiếm-tế đến tổ mà thôi »; thế thì sự sĩ-thứ tế ba đời thực là khởi-đầu từ đời nhà Tống mà ông Trình-Y-Xuyên sáng-lập ra lễ-tế của sĩ-thứ kể lên đến cao-tổ vậy.

Nguyên sự tế đến ba đời chỉ cho bậc Đại-phu là mới có phép chứ sĩ-thứ là không được tiếm-lễ, như thế mà ông Chu-tử lại nhắm mắt theo thế-tục, cứ cố cãi khéo cho bọn sĩ-thứ, không cứ như « Kinh-thư » mà chữa cái sai lầm của họ để duy trì lễ-giáo, thời trách nào người hậu-thế chẳng đua nhau hết cúng-lễ ba đời tiên-nhân lại việt cả sự cúng-lễ đến thủy-tổ rồi liệt-đại nữa ư?

2. *Bỏ tục lập thần-thi.* — Sách « Đỗ-Hữu thông-diễn » bàn về đều lập thần-thi có chép rằng: « Người đời xưa chất-phác, Trung-hoa với Di-địch đều như nhau, đều có lập thần-thi để thờ và có lấy người mà tuận-táng ». Lại rằng: « Từ nhà Chu trở về trước, phàm các lễ-tế thiên-địa, tông-miếu, xã-tắc, thảy đều lập thần-thi cả, song từ đời nhà Tần trở đi, thời tại Trung-hoa không còn có làm như thế nữa. Cũng có kẻ thủ-cựu còn nói rằng lễ lập thần-thi là lễ trọng cũng nên cứ theo; như vậy há lại chẳng phải là hay chấp-nệ sao? » Dưới lại có chua thêm rằng: « Đời Văn-Thành-đế Thái-bật-duệ nhà Hậu-Ngụy có ông Cao-Doãn dâng sớ tâu vua rằng: Lễ cúng-tế thần-thi phế-bỏ đã lâu, nay thói-tục lại chọn lấy những kẻ hình-dạng phảng-phất giống nhau mà lập làm thần-thi mà cung-kính như vợ chồng, mà thờ lạy như cha mẹ; như vậy thì bại-hoại phong-hóa, rối-loạn tình-lễ, vân vân...» Ta thử xét xem Văn-Thành-đế hãy còn đóng kinh-đô ở Đại-Bắc; lại xét xem « Chu-tùy man-di truyện » có chép rằng: Trong xứ Ba và xứ Lương, cứ đến mùa thu người ta làm lễ tế, hễ trong hương-lý có người nào mặt mày đẹp-đẽ thời cứ rước về làm thần-thi để cúng-tế. Nay người ở châu Liễu-đạo thời rước người trượng-phu đờn-bà cùng họ mình mà làm bạn thần để hưởng lễ-tế; đó cũng là cái di-pháp của sự lập thần-thi. Thế mới biết Trung-hoa ngày xưa cũng giống như các nước di-địch vậy. »

Đó là những lời ông Đỗ-Hữu hết sức bài bác lệ lập thần-thi, ông sở-dĩ dám quyết-đoán rằng cổ-tục Trung-hoa cũng như di-địch là lấy câu rằng từ sau đời nhà Tần, Trung-hoa đã không còn tục cúng-tế thần-thi nữa, mà chỉ các nước di địch là còn giữ mà thôi. Như vậy thời sự lập thần-thi đã là cái thành-pháp của đời Tam-đại, thực đã là rõ lắm rồi. Tuy vậy ta phải phân-biệt ra các tinh-thần về sự lập thần-thi trong việc cúng-lễ tổ-tiên là như đoạn ký-giả đã giải-quyết ở kỳ trước nói về thời tam-đại vậy. Mà ông Đỗ-Hữu cũng đã lịch-dẫn lễ lập thần-thi của đời xưa, để nói cho rõ rằng sự cúng-tế không có thể nào mà không lập thần-thi được. Ông đã chép lời của ông Bạch-Hổ-Thông rằng: « Việc tế-lễ sở-dĩ phải có thần-thi là vì quỉ-thần là linh-tính, nghe mà chẳng thấy tiếng, trông mà chẳng thấy hình; lên đến thềm tiếp khách; ngửa mặt nhìn dui mè, cúi mặt xem kỷ chiếu, người thời còn của đã mất; hư-vô tịch-mịch, không có gì để phát-tiết tấm lòng thương-nhớ, cho nên đặt thần-thi mà dâng ăn, thì trong lòng được vui mừng rằng tổ-tiên mình đã được ăn no uống say vậy. » Thực như vậy, người ta không muốn cho linh-hồn ông cha mình ăn no uống say thời thôi; bằng có muốn, thời cái phép lập thần-thi là nên qui-phục lại lắm. Vì bằng không qui-phục lại phép lập thần thi mà miệng cứ song-sóc rằng ta cúng tổ-tiên nên theo lễ cũ; mà lễ ngưng-khí đã không có thời chẳng đã làm tuyệt mất con đường huyết-thực của tổ-tiên lắm sao? Đường huyết-thực của tiên-nhân đã tuyệt, thời còn bảo-tồn cái lễ tế chẳng xứng-hợp với nguyên-lý lễ tổ-tiên làm gì nữa! Xét xem lời ông Đỗ-Hữu, thời chẳng qua ông quá-ư nhiệt-thành về cựu-tục mà nói làm vậy, chứ chắc dâu rằng những nước di-địch còn giữ thói lập thần-thi để thờ-cúng chẳng đã là trước vẫn theo tục của lễ-nghi Trung-quốc từ xưa hay sao? Người Trung-quốc đi bài-bác người di-địch giữ thói lập thần-thi là hủ-lậu dã-man thời chẳng khác gì con nhà mất dạy đi bài bác đầy-tớ giữ lề. Vậy dám hỏi các ngài độc-giả, sau này mà còn giữ việc tế lễ tiên-nhân nữa, thời nên theo người Trung-quốc hay nên theo người di-địch? nên theo con nhà mất dạy hay nên theo đầy-tớ giữ lề?

Lễ-tế có lập thần-thi mà đã có thể bỏ đi được thời cớ sao còn cứ khư-khư giữ lấy tục tế-lễ không có thần-thi, mà vẫn cho là tế-lễ được? Cứ xem như vậy thời ta có thể nói quyết được rằng ở Trung-quốc, từ

đời nhà Tần trở về sau người ta đã bỏ đứt việc tế-lễ tổ-tiên đi rồi. Chính ở Trung-quốc còn như thế, huống chi nước ta văn-hóa đều nhất-nhất theo Trung-quốc cả, thời tam-sao thất-bản, còn làm thế nào mà giữ lấy được cái tinh-thần nguyên-lý của cổ-nhân nữa !

3. *Tục đốt hương, hoa giấy-mã và thắp nến.* — Trên kia ký-giả đã nói rằng về thời thượng-cổ ở Trung-hoa, khi tế-lễ tổ-tiên chưa có tục đốt hương, hoa giấy-mã và thắp nến, mà chỉ dùng ngọc khuê và ngọc bích mà thôi. Nay xin cứu-xét xem những tục này mới đặt thêm ra từ thời nào. Trước hết hãy xin khảo-cứu về cái lai-nguyên của sự đốt hương.

Trong Nho-kinh tuyệt-nhiên không thấy có chép những chữ : *bình-hương, lư hương, hương-án, đốt hương, thiêu hương, dâng hương* vân vân... Việc tế-tự ở Trung-hoa mà dùng đến hương thời chẳng phải nói ai cũng biết rằng là bắt chước của ngoại-quốc. Ký-giả bình-sinh hay đọc những kinh-kệ của các giáo, nhất là các điển-lễ thờ thần, lại hay nghiên-cứu đến cho nên có thể nói quyết rằng tục đốt hương có trước nhất từ dân Dô-Thái (Juifs). Trong «Cựu-Ước Thánh-Kinh» (L'Ancien Testament) của đạo Gia-tô Cơ-đốc, sách « Xuất E-gíp-tô ký » đoạn 30 câu 34-36 có chép rằng : « Chúa phán cùng Moi-se rằng: Ngươi hãy lấy đồ thơm cùng thứ nhũ-hương sạch, tra thêm muối vào, y theo cách trộn hương mà làm nên hương thánh thanh-khiết, dã nó ra thành bột, đặt tại trước khám giao-ước trong nhà xếp,ta sẽ giáng-lâm tại đó mà phán bảo ngươi». Trong «Tân-Ước Thánh-Kinh» (Le Nouveau Testament), sách Khải-Huyền (Apocalypse) đoạn thứ tám, câu 3, 4 chép rằng : « Thiên-sứ cầm lư-hương bằng vàng, chầu-chực gần bên tế-đàn tiếp lấy nhiều hương, đem hương cùng sự cầu-nguyện của các thánh dâng trên tế-đàn bằng vàng tại trước bảo-tọa ; khói hương cùng sự cầu-nguyện của thánh-đồ từ tay thiên-sứ mà thăng lên tới trước mặt Đức Chúa Trời. » Cứ xem như vậy thời đủ biết rằng tục đốt hương có trước nhất từ dân Dô-thái ; song ta phải cứu-xét xem tục ấy truyền vào nước Trung-hoa khởi nguyên ra là tự đâu.

Tục đốt hương tuy sinh ra từ dân Dô-thái, song dân Trung-hoa mà biết đốt hương lại không phải là trực-tiếp từ dân Dô-thái đâu. Xem trong lịch-sử Trung-hoa thời thầy tăng xuất-hiện ra trước nhất là ông Phật-Đồ-Trừng.Tuy rằng trước khi có ông Phật-Đồ-Trừng đã có ông Nhiếp-Ma-Đằng và ông Trúc-Pháp-Lan đã theo ông sứ-thần Thái-Âm đến Trung-hoa vào đời vua Hán Minh-đế, song không có chép ở sử-ký mà chỉ có sách Ngụy-thư « Thích-lão-chí » là có thuật đến mà thôi. Như vậy thời ta không thể lấy hai ông đó làm người tiền-bối của ông Phật-Đồ-Trừng được. Nay hãy khảo trong Tấn - thư « Phật - Đồ - Trừng truyện » thấy có chép mấy việc quan-hệ với tục đốt hương như sau này :

«Vua Thạch-lạt vời Trừng đến để thử thuật-đạo. Trừng lấy bát đựng nước, ngồi trên xập kết bằng thừng, đốt an-tức-hương, sai rồng lấy nước, được ba ngày thời thấy nước ở đầu cuồn-cuộn kéo lại.

Dân-sự thấy Trừng pháp-thuật cao-cường làm vậy thời đem lòng tin Phật-giáo, đua nhau mà thờ, làm chùa dựng miếu, xuất-gia tu-hành. Bấy giờ, ông Vương-Độ tâu vua rằng : «Phật là thần của nước khác, không phải là thần của Trung - hoa đáng thờ-phượng. Đạo này truyền lại từ đời nhà Hán cũng thi-hành theo lối trước ; nay xin nhà vua quyết-định bắt nội người nước Triệu không được tới chùa thiêu hương lễ-bái, cho được tuân theo điển-lễ.

Trừng đã có sai đệ-tử sang Tây-vực để mua hương. Khi đệ-tử đã đi rồi, Trừng nói với những đệ-tử ở nhà rằng xem trong bàn tay mình thấy đệ-tử đi mua hương phải kẻ cướp hãm gần chết ở một nơi kia. Trừng bèn thiêu hương từ nơi xa cách mà chúc-nguyện cho đệ-tử mình. Khi đệ-tử đó trở về nói rằng ngày nọ ở xứ kia bị giặc đến cướp ; khi gần bị giết thời bỗng thấy có mùi thơm ngào-ngạt. Giặc tự-nhiên kinh-hãi mà rằng : « Cứu - binh đã đến ! » liền bỏ chạy cả, tại thế cho nên mới được thoát-thân. »

Cứ xét xem điển-tích chép ở trên này thời đủ rõ rằng Trung-hoa mà có tục đốt hương trực-tiếp truyền đến là từ Phật-giáo. Nếu chẳng vậy, thời sao bát trú phải chú-trọng đốt hương ; mà hương đốt để sai rồng lấy nước lại gọi là hương an-tức ; cấm không cho thờ Phật, sao lại cấm cả sự thiêu hương ; nếu Trung-hoa vẫn có tục thiêu hương, sao không có hương bán mà lại phải đi mua tận xứ Tây-vực ?

Cứ xem những sách chép về ông Phật-Đồ-Trừng, ông Cưu-Ma-La-Thập, ông Đàm-Hoắc, ông Nhiếp-Ma-Đằng nhà Đông-Hán là các tăng-đồ ở Thiên-trúc đến truyền Phật-giáo, thời mới thấy có nhiều chữ thiêu hương nhất là khi chép về ông Phật-Đồ-Trừng ; như vậy thời ta có thể quyết được rằng Trung-hoa mà có tục thiêu hương là do Phật-giáo vậy.

Song, xét kỹ ra thời tục thiêu-hương cũng không phải khởi-nguyên từ Phật-giáo.Trong các kinh-điển của Phật-giáo như là «Thụy-ứng-kinh », « Thiên-long bát-bộ », « Thiên-hương tản-hoa », « Phật-bổn hành-kinh », « Già-y Già-thi » chỉ mới thấy loáng-thoáng có chữ thiêu-hương thôi, mà cũng chỉ nói để cúng các thánh, chứ không nói để lễ Phật bao giờ. Lễ Phật, chỉ có câu *hương-hoa cúng-giàng*, nhưng đây nghĩa là những hoa của loài thảo-mộc có mùi hương thời lấy mà đem cúng Phật, chứ không thể lẫn với hương-chầm để đốt cho thơm được. Trên kia ký-giả đã nói Phật-giáo cũng theo tục của người Do-thái (Juifs) mới có tục đốt hương.Sách «Đại-đạo bị-khảo» của Gô-đen phu-nhân nước Anh-cát-lợi có chép rằng: « Khi Đức Chúa Jésus đã thăng lên thiên-đường thời ông Tô-ma mang kinh đi truyền-đạo bên Ấn-độ, (Tây-Trúc) », mà sách « Khải-Huyền » (Apocalypse) chép rằng : « Khói hương và sự cầu-nguyện cùng bay lên trên.... ». Xem như vậy thời biết rằng Phật-giáo-đồ gián-hoặc có bắt chước tục đốt hương của Gia-tô giáo-đồ để bổ-khuyết vào sự cúng-bái của đạo mình. Nếu chẳng vậy, thời Phật-giáo-đồ cũng bắt chước của đạo cũ người Do-thái, vì đời xưa dân Do-thái vẫn có giao-thông với dân Ấn-độ vậy. Sách « Esther » trong kinh Cựu-Ước có chép rằng : « Ngày hai mươi ba tháng ba tức tháng *Sivan*, vua Assuérus giáng chiếu cho hết cả những người Do-thái ở trong một trăm hai mươi bảy châu, từ Ấn-độ cho tới E-ti-ô-bi, ngày mười ba tháng mười hai tức là tháng *Avar* phải tụ-họp lại để mà tu-vệ... » Câu 17 rằng : « Khi lời chiếu-dụ vua truyền đến các xứ, các thành, dân Do-thái đều vui-mừng khoái-lạc để ăn-mừng, lấy ngày đó làm ngày tốt. Những dân ở các nơi đó, vì sợ dân Do-thái nên vào hội đông lắm. » Như vậy thời đủ biết rằng trong nước Ấn-độ đã có người Do-thái (Juifs) và người Ấn-độ theo

đạo của người Do-thái cũng đã nhiều rồi vậy. Những sự-tích chép trong sách « Esther » là từ bốn năm trăm năm, sáu mươi năm trước Gia-tô giáng-sinh, nghĩa là vào đời vua Trinh-định cuối đời nhà Chu nước Tầu và cách đời ông Môi-se vâng lời Đức Chúa Trời làm lễ đốt hương để lập-giáo đã hơn một nghìn năm. Bấy giờ người Do-thái đối với đạo ông Môi-se vẫn theo cẩn-thận lắm, đi đến đâu cũng lập nhà thờ để truyền-giáo, cách thờ Đức Chúa Trời trong nhà hội lại chuộng sự đốt hương, người vào hội biết lệ đốt hương, người ngoài hội cũng theo thói đốt hương, thành ra Phật-giáo đồ ở Ấn-độ mới có tục đốt hương vậy. Cứ xem như thế thời đủ biết dẫu Phật-giáo không theo tục đốt-hương của đạo Gia-tô cũng là theo của đạo cũ người Do-thái. Ấy đó, cái nguyên-nhân của những sự *hành-hương định-loại, nhiệt-hương sám-hối* trong Phật-giáo là từ đấy.

Tục đốt hương, Phật-giáo đã bắt chước từ đạo dân Do-thái, vậy nước Trung-hoa bắt đầu theo tục đốt hương khởi-nguyên là từ đâu? Cứ xét xem trong sử-ký Tầu thời chữ *hương-án* từ đời nhà Đường mới thấy có chép. Song cứ Đường-thư như những sách « Nghi-vệ-chí », « Bách-quan-chí » thời chỉ thấy nói dùng để triều-cận chứ không phải dùng để tế-tự. Những đồ dùng để tế-tự theo sách « Văn-hiến thông-khảo » thời thấy chép rằng trước nhà Đường chỉ có đồ gọi là *lư-thán* (lò-than) mà thôi; mà lư-thán là đồ dùng để nướng gan, mỡ, cùng ngũ-cốc (có lẽ có từ đời Tam-đại), chứ không phải dùng để đốt hương đâu. Đến chế-độ nhà Tống mới có thứ đồ thờ gọi là *hương-đèn*; sau khi nhà Tống rời đô về phía Nam, có người soạn ra thiên « Tông-miếu khảo-cứu » mới chép rõ những chữ *hương-án, thượng-hương* vân vân. Song khi bắt đầu có tục đốt hương thời tự đâu? Phải khảo-sát từ khi có lễ đế, hạp (đế và hạp là hai lễ tế lớn của nhà vua). Trong « Thông-điển » chép rằng: «Sắc văn ngày mùng năm tháng sáu nhuận năm thứ tám nhà Đường có câu rằng: Thế-hệ nước nhà, vốn giòng Tiên-tông, thừa cơ-nghiệp của Thánh-tổ, từ nay về sau mỗi lần đế, hạp, cũng phải thiết-lập chính-vị ở trước mặt Thánh-tổ tại cung Đại-Thanh, thờ luôn không thôi, dâng đồ ăn chay ba lần đốt hương để thay cho lễ tam-hiến », (Tiên-tông đây là chỉ về ông Lão-tử; nhà đường thấy ông Lão-tử họ Lý cùng họ với mình nên nhận là Thế-tổ, lập miếu để thờ, năm đầu niên-hiệu Càn-phong vua Cao-tông lại thượng tôn-hiệu xưng ông là Thái thượng Huyền-Nguyên Hoàng-đế. Bởi thế nên vua Huyền-tông nói là vốn dòng Tiên-tôn vậy.)

Cứ như vậy thời đủ biết tục đốt hương vốn do Phật-giáo gián-tiếp được của dân Do-thái chứ không phải đạo Lão vốn có, xem lời trên kia cũng đủ rõ rồi; mà sau khi đạo Phật đã truyền-bá vào nước Trung-hoa, dân lấy sự đốt hương làm một lễ trọng-thể của nhà tôn-giáo để giao-thông với thần-linh. Người thờ Phật bắt chước đốt hương; người thờ Lão-tử cũng bắt chước đốt hương; vua Huyền-tông nhà Đường cũng làm theo, cho nên khi thờ Thánh-tổ phải dâng đồ chay, để ba lần đốt hương mà thế cho tam-hiến, ý cũng nghĩ là phi làm như thế thời những Tiên-tông giáo-chủ không được thỏa lòng. Như vậy cũng chẳng khác gì như vua Lương Võ-đế, khi đã tin theo đạo Phật rồi thời khi cúng-tế Tông-miếu dùng bánh to thay cho thịt nấu, rau-cỏ thay cho thịt sống vậy. Từ đó cho chí đời nhà Tống, càng ngày càng thêm-thắt mãi vào, thậm-chí tổ-tông không phải là giáo-chủ cũng nhất-luật đốt hương mà thờ, rồi lại vừa đốt hương vừa dâng lễ tam-hiến nữa!

Hoặc có kẻ lại vin lấy thiên « Quân-Trần » trong sách Chu-thư có câu rằng: « Chí-trị hinh-hương, cảm ư thần-minh »; và sách « Tả-truyện » có câu rằng: « Ông Cung-Chi-Kỳ can Ngu-công rằng: Nếu nước Tấn lấy nước Ngu, lấy minh-đức hinh-hương thời có phải nhả ra chăng », mà bảo rằng tục đốt hương vẫn truyền từ đời Tam-đại mà không phải truyền từ Phật-giáo. Nói như vậy hình như có lẽ, song không biết rằng đây là nói về hinh-hương của sự chí-trị, chứ không phải là hinh-hương của khói lửa. *Minh-đức dĩ tiễn hinh-hương* là làm sáng cái đức mình để dâng hinh-hương của lúa thử, lúa tắc, chứ không phải là dâng mùi hương của hương đốt đâu. Trong thiên « Quân-Trần » cũng có câu rằng: « Lúa thử, lúa tắc chẳng phải là mùi thơm, duy minh-đức mới là mùi thơm mà thôi ». Như thế thời nghĩa chữ *hinh-hương* đã hiển-nhiên ra rồi. Vả lại, trong bộ « Tây-khê tùng-ngữ », cũng có chép rằng: « Sự đốt hương bắt đầu có từ đời Hậu-Ngụy, cùng ở Giang-tả, Tề, Lương, mỗi khi đốt hương hun tay, hoặc cầm lấy bột hương, gọi là *hành-hương* ». Từ đầu nhà Đường cũng có làm như thế, khi vua Văn-tông trị-vì, ông Thôi-Lễ tâu rằng: « Làm chay hành-hương là sự không có căn-cứ trong kinh-điển », bèn bãi tục ấy. Đến khi vua Tuyên-Đồng phục lại Phật-giáo lại làm lễ đó.

Thế là tục đốt hương Phật-giáo bắt chước của người Do-thái, sau truyền đến Trung-hoa, rồi lại sang đến nước Annam ta. Người Trung-hoa cũng còn chưa ai biết tới nguyên-ủy, huống chi là người nước ta! Than ôi! gốc-nguồn không biết, đạo-lý không tường, mà khẩu-đầu cứ song-sóc những ngọn đèn tỏ với nén hương thơm, há chẳng phải là mang thẹn với người thức-giả? Đây là ký-giả đã khảo-xát về cái lai-nguyên của hương, kỳ sau xin nói về giấy-mã và nến, đèn vậy. *(Còn nữa)*

Kinh-đài NGUYỄN-THỐNG

Cải chính

Trong bài « Khảo về việc tế-lễ tổ-tiên » đăng ở Hữu-thanh số 29 có nhiều chỗ sai-nhầm, xin cải-chính lại như sau này:

Trang 171, câu « vì họ tin rằng », xin đọc là *hình như họ tin rằng*;

Trang 173, câu « Kinh « Lễ-thiên tế-pháp » chép rằng », xin đọc là « *Kinh-lễ* » *thiên Tế-pháp*;

Trang 174, câu « Ông Mã nói rằng » xin đọc là *Họ Mã-thị nói rằng*:

Trang 175, câu « Sách Kinh-lễ tế-pháp » xin đọc là *Sách « Kinh-lễ » thiên Tế-pháp*;

Trang 176, câu « Kinh lễ-thiên tế-thống » xin đọc là « *Kinh-lễ thiên Tế-thống* ».

MÙA ĐÔNG Ở BẮC-KỲ RẤT LÀ ÊM-ÁI!

Đi xem Hội-chợ thực là một điều rất nên.

Một sự tân-kỳ trong khoa-học-giới

Lược khảo về chất quang

(Tiếp-theo)

« Cứ xem các điều thí-nghiệm rất rõ-ràng về những lý-thuyết sức sinh-quang, thì ta phải kết luận rằng chất *uranium* và chất *thorium* là nguyên-chất đứng đầu, vì biến hóa dần dần, mà thành ra các chất sinh-quang khác. Mỗi chất biến thành ra, ấy càng tự-hoại nhanh bao nhiêu thì lẫn với các loài kim-khí càng ít bấy nhiêu. Mà càng tự-hoại nhanh thì cái sức chiếu sáng lại cang mạnh, vì chính bởi sự biến-hóa nó làm cho có thể chiếu sáng được vậy. Cứ biến-hóa mãi như thế cho đến khi thành ra một chất không sinh-quang nữa thì mới thôi. Người ta đoán rằng có lẽ chất *nilium* và chất *chi*, tức là những chất sau cùng không sinh-quang, vì những chất sinh-quang biến-hóa dần dần mà thành ra vậy.

Nói đến cái chất tinh-quang biến-hóa như thế, ta lại hồi-tưởng đến những lý-thuyết cổ của các nhà luyện-kim khi xưa, những nhà ấy tưởng rằng có thể thay hình đổi dạng những chất đơn được. Cứ đem những sự hiển-nhiên mà xem thì thật là khác hẳn với điều họ đã tưởng tượng ra, vì họ chưa rõ cái sức bền mạnh của các nguyên-tử là thế nào. Ngày nay chúng ta rõ rằng muốn biến đổi một nguyên-tử thì cần phải có một cái mãnh-lực rất to, mãnh-lực ấy chúng ta không thể làm ra được, và cũng không thể xem xét được. Những nguyên-tử của các chất sinh-quang cứ tự-nhiên mà biến-hóa, chớ ta thực không có ảnh-hưởng vào đó chút nào, cũng như về thời-đại các nhà luyện-kim, ta không thể đổi chì ra vàng được; mà dù có làm được chăng nữa, thì tất công việc sẽ phải tốn nhiều, như thế thì cũng chẳng có lợi gì.

Tuy vậy, khoa-học đến thế đã là cùng đâu, biết đâu sau này lại chẳng tìm ra lắm điều kỳ lạ! Mới đây, người ta thí-nghiệm đã xét ra rằng nếu lấy chất *radium* chiếu mạnh vào một ít nguyên-tử đam-khí hay aluminium, thì có thể làm cho những nguyên-tử ấy biến-hóa được.

Chất *radium*, vì biến-hóa dần dần, mà có thể chiếu ra nhiều thứ quang-tuyến khác nhau: có thứ yếu sức chỉ chiếu thẳng ra không-khí được vài phân tây là cùng, có thứ rất mạnh có thể chiếu suốt qua thân-thể người ta, hoặc chiếu suốt qua một mảnh kim-khí như chì mà dầy nhiều phân-tây được. Những quang-tuyến ấy mạnh hơn tất cả các quang-tuyến khác mà đã tìm ra từ trước đến giờ.

* * *

Xem như trên thì biết các lý-thuyết về sức sinh-quang đã hoán-cải khoa-học một cách sâu-xa biết là nhường nào. Những lý-thuyết ấy khiến cho chúng ta phải tế-nhận rằng những chất ở vũ-trụ không phải là không biến-hóa, mà lúc nào cũng vẫn hoán-cải luôn luôn, nếu không tất cả các chất cùng thế thì ít ra cũng có vài chất hoán-cải như vậy. Những lý-thuyết ấy lại làm cho chúng ta được biết sự tiến-hóa

ấy thể cách làm sao và làm cho chúng ta được rõ, các nguyên-tử kết lập thế nào. Lại các quang-tuyến của các chất sinh-quang chiếu ra rất có nhiều công-dụng lạ kỳ trong vật-lý-học, trong hóa-học, và cả trong vạn-vật-học nữa. Các chất sinh-quang tuy rằng hiếm có, song thường tản-mát ở mặt địa-cầu, hoặc ở dưới đất, hoặc ở trong nước, hoặc ở trên không-khí, mỗi nơi mọi ít. Vì những chất ấy mãnh-lực chiếu ra thành điện hay khí nóng, nên có ảnh-hưởng đến nhiệt-lực của địa-cầu và các hiện-tượng thuộc về thì-tiết.

Chất *radium* ngày nay kỹ-nghệ có thể chế ra được. Kỹ-nghệ ấy, khởi thủy là vì việc chúng tôi dùng nhiều tấn kim-khí chế ra, hiện nay chỉ dùng có một cách mà thôi. Mỗi năm dùng cách ấy có thể lấy vài triệu tấn kim-khí luyện thành vài gam (gramme) chất *radium*, mỗi gam giá bản những hơn một triệu phật-lăng. Như thế đem so *radium* với các loài kim quí như vàng và bạch-kim thì khác biết chừng nào! Bắt đầu chế chất *radium* thì ở nước Pháp trước tiên, nhưng hiện nay thì ở bên Mỹ sản xuất được nhiều hơn cả. Châu Mỹ có nhiều kim-khí, bên Pháp thì không, phải mua ở nước Bồ-đào-nha, (Portugal) và nay ở đảo Madagascar cũng khai được ít nhiều. Nhưng một hóa-hạng đắt đến nỗi bán phải tính từng *milligramme* một, thì ai là kẻ bỏ tiền ra mua? Các phòng thí-nghiệm về khoa-học thường ít tiền thì lấy gì mà mua chất ấy? Nên ngày nay mua bán chất *radium* chỉ trông mong vào công-dụng của nó mà thôi. Chất *radium*, nếu pha lẫn với những chất có thể chiếu sáng được, như chất *sulfure de zine*, thì thành ra những chất sinh-quang, dùng để làm cho chữ số và kim đồng-hồ để vào chỗ tối có thể trông rõ được. Nhưng công-dụng quan-hệ nhất là cách dùng chất *radium* để chữa một vài bệnh; vì thế nên chỉ có các nhà y-sư là mua nó hay là chỉ ở trong các bệnh-viện mới có nhiều chất ấy mà thôi.

* * *

Cách chữa bệnh mới ấy gọi là cách chữa bệnh *Curie* (Curiethérapie), cũng giống như cách chữa bệnh dùng quang tuyến *Rœntgen*, (1) (Rœntgen thérapie) nghĩa là dùng quang-tuyến X để mà chữa bệnh vậy. Quang-tuyến của *radium*, cũng như quang-tuyến X, có ảnh-hưởng đến các phần-tử của cơ-thể, nếu sức yếu thì có thể làm cho phát-đạt mạnh ra, nếu mạnh quá thì lại có thể làm cho bớt sức đi được. Vì quang-tuyến *radium* có tính chất phá hoại được những phần-tử đang sinh sản một cách nhanh chóng, các tính chất ấy người ta biết rõ-ràng lắm; nên ngày nay đem dùng vào việc chữa các ung độc. Dùng *radium* chữa ung độc như thế đã thấy kiến-hiệu rõ-ràng, đã có nhiều kết-quả đáng mừng, nên ngày nay thiên-hạ chỉ chú-ý vào việc đó mà thôi. Nhưng mà nhiều bệnh khác như bệnh xưng khớp xương, bệnh đau mắt có hột ở mi, bệnh lao ngoài da, bệnh nhọt vân vân. Cũng có thể dùng quang-tuyến *radium* chữa khỏi được. Trong kỳ chiến-tranh vừa rồi, quang-tuyến *radium* đã dùng để chữa các nhọt và chữa bệnh sưng gân.

Như thế nên có nhiều y-viện chuyên-trị về việc chữa bệnh ung-độc có thu thập được ít nhiều *radium*, là cốt để dùng nó mà làm cho đời người bớt những sự đau-đớn đi. Nước Anh có những y-viện như thế ở *Londres*, ở *Manchester* và ở *Edimbourg*; bên Mỹ

(1) Rœntgen là một nhà bác học Đức, đã tìm ra quang tuyến X có thể dùng để chụp ảnh qua những vật đặc được.

thì ở *Nữu-ước*, ở *Baltimore*, ở *Philadelphie*, ở *Cambridge*, ở *Buffalo* cũng có những y-viện như thế. Ở *Bá-linh* (kinh-đô nước Đức), ở *Heidelberg* và ở *Vienne* (kinh-đô nước Áo), ở *Barcelone* (nước Y-pha-Nho) cũng có những y-viện ấy. Kể tất cả những y-viện trên này thì cũng có nhiều nơi như y-viện ở *Nữu-ước*, có được nhiều gam *radium*. Chức-trách của các y-viện ấy thật là to-tát vô cùng, vì ở đấy vừa chữa bệnh, vừa kê-cứu, vừa thí-nghiệm để tìm cho được một cách chữa bệnh thật hoàn-toàn. Đó chính là một điều cốt-tử cho sự mở-mang cách chữa bệnh bằng *radium* vậy. Cách chữa bệnh mới này theo lối khoa-học, nên nếu khoa-học không luôn luôn giúp đỡ vào thì khó tiến-bộ được. Ta hãy nói qua một vài điều về chữa bệnh ấy ngày nay xem ra sao.

Người ta phân biệt có hai cách dùng *radium* và các chất sinh-quang khác để chữa bệnh. Cách thứ nhất là đem chất sinh-quang pha vào các chất lỏng, rồi tiêm vào người, hay dùng để ngâm hoặc rửa, để cho cái sức mạnh chất quang vào trong cơ-thể được. Cũng có khi dùng những hơi của các chất sinh-quang thành ra (*émanations*) rồi thở hít vào trong người cũng được. Cách này có thể lợi-dụng được cả toàn-lực của các quang-tuyến, mà có công-hiệu lắm. Xưa nay thường dùng các thứ nước có lẫn kim-khí (*eaux minérales*) hoặc các hơi khí tự-nhiên có sức sinh-quang để chữa bệnh, cách ấy cũng là thuộc về cách chữa bệnh trên này cả.

Cách thứ hai thì đem để những chất sinh-quang vào trong những bóng bằng thủy-tinh hay những ống bằng bạch-kim, rồi đem để cách xa những nơi có bệnh, hoặc đem để vào những nơi ấy cũng được. Theo như cách này thời chỉ lợi-dụng được một phần quang-tuyến mà thôi, còn một phần kia thì bị các bóng ngăn lại không chiếu ra ngoài được; mà nếu các ống bằng bạch-kim dầy độ nửa ly, thì chỉ lợi-dụng được thứ quang-tuyến hiệu Y (1) là thứ quang-tuyến có sức mạnh hơn cả.

(Còn nữa)

Nguyễn-Văn-Hiếu dịch thuật

(1) Nguyên chất *radium* có chiếu ra ba thứ quang tuyến yếu mạnh khác nhau, nhà khoa-học dùng chữ Hi-lạp để phân biệt quang tuyến ấy. Một thứ chỉ bằng chữ A (alpha), một thứ chỉ bằng B (bêta), và một thứ chỉ bằng chữ Y (gamma). Chính thứ quang-tuyến Y (gamma) này là thứ mạnh hơn cả, có thể chiếu qua thân thể người ta và qua loài kim khí khác dầy được, mà trong cách chữa bệnh hay dùng quang tuyến này hơn cả.

MƯỜI LĂM NGÀY ÂM-ÁP Ở BẮC-KỲ

MƯỜI LĂM NGÀY CÓ ÍCH-LỢI CHO CÔNG VIỆC BUÔN BÁN CỦA CÁC NGÀI

ĐÓ LÀ HAI LẼ ĐÍCH-ĐÁNG NÊN ĐẾN

DỰ HỘI-CHỢ HANOI

(Từ ngày 10 đến ngày 25 Décembre)

Tính-chất và phận-sự đời người

Ta ở đời, tất ta phải biết tính-chất của đời là gì, và phận-sự của ta đối với đời ra thế nào mới được.

Vậy thời ta phải tự hỏi ta rằng:

— Ta là ai? Ta là vật gì?

Nếu ta cứ nhắc mắt nhìn qua thôi, thời người đời chỉ là một đống thể-chất hợp-thành với nhau, chớ không có chi lạ cả.

Ta há lại không nhớ rằng thế-gian này chia ra làm ba loại là: Loại động-vật, loại thảo-mộc và loại kim-khí đó ư?

Cái hình-thể vật-chất của người ta cũng không khỏi qua ba loại ấy được. Ta cũng phải tuân-theo cái sức áp-chế của không-khí như một hòn đá nhỏ thôi. Nay hãy thí-dụ như ta đi ở trên miệng một cái vực thẳm, mà nếu ta trượt chân ngã xuống thời thân-thể ta nó bon-rơi vào hố có khác gì một viên gạch dâu! Dẫu rằng ta có kêu-gào mồi miệng, ta có kinh-hãi thất-hồn, phỏng ta có thoát khỏi cái nạn bất-thình-linh ấy chăng?

Tính-chất của thân-thể ta còn giống kim-loại một cách khác nữa. Thân-thể người ta cũng do ở dưới đất lên, vì nay nếu ta đem thân-thể một người phân-tán ra theo lối hóa-học thời ta cũng thấy được những chất tầm-thường thôi. Mà những chất tầm-thường ấy, ở trên mặt quả địa-cầu này, bất-cứ tìm đâu cũng dễ thấy như bỡn.

Thân-thể ta lại còn do ở loại thảo-mộc nữa. Ta lấy thảo-mộc làm đồ nuôi dưỡng thân-thể, như vậy thân-thể ta há không phải cũng là một phần thảo-mộc ư! Đành ra ta không thể có hình-tượng và thể-chất loài cây mà ta lại sống được, nhưng loài cây tức là hình-tượng và thể-chất ta một cách gián-tiếp vậy. Đất vốn có dụng nhiều những chất nuôi-dưỡng được thân-thể người ta, song những chất ấy phải nhờ có loài thảo-mộc hút lấy mà biến ra đồ thực-phẩm cho ta mới được. Nay giả như đất thời ta không tài nào ăn được, vì rằng dạ ta chỉ có thể tiêu được những chất đất mà cây cỏ đã biến ra thành hoa quả mà thôi.

Ta nói vậy chắc cũng có người bẻ ta rằng: « Thế nhưng mà người ta lại ăn thịt nữa kia mà! » Xin đáp rằng: « Đã đành rằng ta ăn thịt, song cái thịt loài vật ấy há không phải do ở cây-cỏ gây thành nên đó ư? Loài vật không ăn cây-cỏ thời còn ăn gì?

Nói tóm lại, thảo-mộc là đồ thực-phẩm cốt-yếu của ta vậy.

Sau nữa, thân-thể người ta lại giống thân-thể các loài muông-thú như hệt. Cách xếp-đặt những cơ-quan ở trong thể-chất một con vật có *máu-nóng* (sang chaud) phỏng còn có khác gì cách xếp-đặt những cơ-quan ở trong thân-thể của ta nữa! Ta cũng có những cơ-thể như cơ-thể của loài vật, nhưng cơ-thể của ta cũng hơi khác cơ-thể của loài vật, là vì phần nhiều những loài vật có các cơ-quan tốt hơn ta nhiều: như con chó con mèo thời nghi thính, nhìn rõ hơn ta nhiều lắm, chúng nghe cũng lại đích-thực hơn ta nhiều nữa; lại như con hổ, con tê thời thân-thể có lắm đồ bảo-thân như vuốt, như sừng, mà người ta cứ độc-lực ra phỏng có làm

gì được chúng hay lại đành liều cho chúng sé ra từng mảnh, bạnh ra từng miếng. Đến như sự đi, sự chạy của chúng vật cũng nhanh-nhẹn hơn ta không biết đâu mà kể.

Chúng ta lại cũng thấy đói, thấy khát, thấy đau-đớn khổ-sở, thấy phải già-nua, rồi thấy cũng phải tiêu-diệt đi như các muông-súc...

* * *

Cứ xem như vậy thì ta có thể tạm nói được rằng người ta cũng là một con vật. Nhưng con vật ấy, ta có dám quyết rằng nó cũng giống như những con vật khác không? Ấy mới là điều nên giải-quyết.

Cũng có một vài người thời nhất-định rằng con người cũng như mọi con vật khác. Nhưng lại cũng có ít nhiều người thời coi thuyết ấy là sai-lầm, là làm mất giá-trị của người ta, họ đoan rằng loài người không có một chút chi giống với loài vật hết.

Nếu mà những loài vật do tay ma-quỷ tạo-thành nên thời ta có thể tạm cho ý những người coi ta khác loài cầm-thú là đúng, song những loài đó há chẳng cũng một tay Tạo-hóa nặn-đắp nên cùng với chúng ta đó ư?

Trước hết ta hãy nâng giá-trị con vật lên như thế, rồi sau ta mới có thể lại đặt loài người lên cao biệt-hạng được.

Vậy ta chớ có coi loài vật là không có trí thông-minh. Cái trí thông-minh của loài vật thường khi lại đặc-biệt hơn loài người nhiều, nhưng cái trí thông-minh ấy không phải là sự ta cần bàn tới; sự ta cần bàn tới là cái tính-cách đặc-biệt của đời người ta đối với loài vật vậy. Thời cái tính-cách đặc-biệt ấy là cái gì?

Cứ xem hình-chất người ta thời phỏng còn thấy trong thân-thể mình có một quan-giác nào là quan-giác khả-dĩ đối-thủ với quan-giác của muông-thú được không? Người ta bắt chân bước nào sự đời thực không được hưởng một hạnh-phục tự-nhiên gì như các loài vật cả. Người ta khi mới sinh ra dẫu rằng bản-tính không biết xây nhà lấy mà ở, kiếm gạo lấy mà ăn, song cứ mỗi ngày một học-tập, thành ra nhỡn-giới xa hơn tầm mắt con phượng-hoàng và tai nghe được thấu cả những tiếng mà chính loài mèo mẫn cũng không nghe thấy được. Người ta dần dần biết xây nhà cửa chắc-bền hơn tổ hang cầm-thú, và chế-tạo ra những đồ khí-giới gớm-ghê đến nỗi răng cọp sừng tê, ta chỉ coi như những đồ trẻ chơi thôi.

Vậy thời sự ấy ở đâu mà đến thế?

Sự ấy gốc ở cái trí thông-minh của người ta bao giờ cũng tăng-tiến lên, cũng mở-mang ra, chớ không đục như óc muông-thú. Con người ta khi biết sự này rồi thời lại tìm đến sự khác, nghĩa là đi từ chỗ *đã biết* đến chỗ *chưa biết* vậy.

Cũng có khi con óc của người ta phải tốn đến hai ba thế-kỷ mới biết được một sự rất tầm-thường, song dẫu lâu chậm đến đâu mặc lòng, người ta đã nghĩ được một điều hay, ấy là tiến lên được một bước đó. Người ta thực không bao giờ thấy tự-túc cả, lúc nào cũng còn khao-khát những sự mới-lạ, lúc nào cũng còn muốn tiến lên mãi chỗ ra thẩm tuyệt-vời...

Còn như cái trí-khôn của con vật thời tuy có sắc-sảo thật, có sáng-lạn thật, song chỉ quanh-quẩn ở trong một cái giới-hạn nhất-định thôi. Giống vật hình như có thể tới được một bước thông-minh cao-xa hơn nữa, mà lại nhất-định đứng lại, không chịu tiến lên vậy.

Ta học các loài vật từ thượng-cổ tới giờ, ta không thấy chúng có truyện gì đáng ghi vào óc nhớ của ta, ta có thể nói được rằng: « Loài vật không có lịch-sử chi hết! » Giản-hoặc loài vật cũng có một truyện, song truyện ấy là truyện ta đối với loài-vật, chớ chính loài vật cũng chẳng biết truyện ấy là truyện gì mà cũng chẳng biết xem-xét tường-tận đến kẽ tóc chân tơ mọi truyện ấy. Mà thật thế. Như trong loài chó thời thiếu gì con thông-minh trí-tuệ, thế mà hỏi xem từ xưa đến nay đã có một con chó nào tự-nhận đứng ra dạy dỗ những loài chó khác trở nên thông-minh trí-tuệ như mình chưa?

Nay ta có một cách so-sánh cái trí-khôn của người cùng của vật, nghe rất dễ hiểu; cách ấy đã dễ hiểu mà lại khiến cho ta ghi nhớ không bao giờ quên được nữa.

Ta há không từng phen trông thấy loài ngựa chạy xung-quanh vòng *xiếc* cùng loài chó ngồi trên xe-đạp đó ư? Vậy những con vật đó lúc thời đi nhanh, khi thời đi chậm, đi chậm đến dịu-dàng thư-thả, đi nhanh đến đồng-quang đảo-địa, nhưng dẫu đi chậm, đi nhanh, đi lâu, đi tróng bao nhiêu mặc lòng, chúng cũng không thể bước ra được ngoài cái vòng đã hạn-giới cho chúng nó.

Cách tập-tành loài ngựa, chó như thế khiến cho ta biết rằng trí-khôn loài vật nhanh-nhẹn một cách kỳ-khôi đúng-mực một cách quái-lạ! Nhưng tiếc thay! cái trí-khôn ấy chẳng qua chỉ là cái trí-khôn tự-nhiên, cái trí-khôn mà Trời đã giới-hạn sẵn ở trong một cái vòng nhất-định.

Chớ như trí-khôn của người ta thời không thế, trí-khôn của người ta lúc nào cũng theo một cái đích. Trí-khôn ta đi rất chậm-chạp, rất nặng-nề, rất lao-khổ, trí-khôn ta cũng tỷ như một người leo một con đường cong-queo vậy. Người ấy không đi nhanh, thỉnh-thoảng lại hình như phải đứng lại, phải lùi lại đến hai, ba bước, nhưng mà kỳ-thực thời lúc nào người ấy cũng đã đi được ít nhiều đường đất; mà nếu hắn có đủ thì-giờ thời hắn lên tới đỉnh núi chớ chẳng chơi.

* * *

Người ta lại còn một tính-cách đặc-biệt khác nữa; ấy là cái trí khuynh-hướng tự-nhiên về cách biết phân-biệt lẽ phải điều chăng. Người ta cũng không phải là không từng lầm-sai những điều thiện điều ác, song cũng không bao giờ lại đến nỗi không biết một sự gì là hay, một sự gì là dở cả. Cái lòng khuynh-hướng ấy, tức là cái lương-tâm.

Như ta nhìn thấy một con vật cứ tự-nhiên theo bản-tính mà hành-hung tác-ác, ta cũng không nói chi hết, là vì loài vật nó tất phải như thế kia mà! Đến như một người nào chỉ làm tôi-tớ cho bản-tính cục-cằn, cho trí-giác thô-thiển thôi mà đến trước mặt ta thời không thể nào ta lại không lấy người ấy làm khinh, không coi người ấy là mạt được. Ta gọi những người như thế là những quân hèn-hạ tôi-đòi, là vì những người ấy đã không tự-chủ, có đậm-lực át được những bản-tính xấu-xa nó đè-nén mình. Những người ấy đối với ta hình như một vật gớm-ghê, một hạng người tội-vạ, ta cho chúng là tự mình không biết xửa mình, chớ không phải như loài vật mà tự mình không thể xửa mình lấy được.

Người ta quả là một thứ vật-chất thuộc về tinh-thần. Thật vậy! khi nào

ta làm một việc gì trái luân-lý thời thể nào ta cũng phải thấy hối-hận ít nhiều. Như con vật thời nếu người ta không dạy-bảo cho, không bao giờ biết cái hối-hận là cái gì cả. Con sư-tử ăn một con thú khác rồi ngủ yên, chớ con người ta khi đã giết một mạng người thời tất-nhiên không nhắm mắt được. Ấy nguyên bản-chất của ta khác loài muông vật như thế đấy.

* * *

Ta cũng do tay Tạo-hóa tác-thành như những loài kim, loài mộc, loài vật; vậy ta với các loài ấy cũng một ông bố sinh ra, nghĩa là cùng nhau là anh em thân-thích cả, tuy-nhiên, ta cũng khác các loài ấy là vì ta được thụ ân Tạo-hóa sinh vào bực cao-tốt hơn cả. Ta có thể nói được rằng: « Người không phải là người mà là linh-hồn vậy. »

Ta do ở một cái cỗi-rễ hèn-bạc mà nẩy-nở ra, vì thế sinh-hoạt của ta vừa gặp sự gai-góc khó-khăn, lại vừa có sự dễ-dàng tiến-đạt nữa. Bản-chất ta cũng gốc ở cái bản-chất đê-hèn, thế nhưng mà trong bản-chất của ta, ta thấy có một sức lạ; sức ấy nó khiến cho ta không chịu đê-hèn, nó bách phải noi-theo tới một quãng đời cao-thượng mà sinh-hoạt.

Trong thần-hồn ta, tuy có những bản-tính thấp-hèn, ích-kỷ, độc-ác, rối-loạn, nhưng thế nào ta cũng phải thấy có những sự cảm-hứng cao-xa, đích-đáng, lịch-sự, trung-bình nó thoảng qua trong đầu óc của ta.

Vì ta có hai cái khuynh-hướng phản-đối nhau ấy khiến cho ta nặng-nề bứt-rứt, ta lấy làm khó chịu, ta muốn rằng được ngu-si đần-độn như loài cầm-thú xong; ừ loài cầm-thú không có sự tranh-chiến ấy, nên chúng lúc nào cũng được yên-ổn bình-tĩnh hơn. Ta hết ước là hoa, ta lại ước là bướm, chớ ta không muốn được làm người nữa. Nhưng ước thời ước, mong thời mong, ta khá có ước mong như thế mãi; kẻ nào ước mong như thế mãi là kẻ không biết tự-trọng, không biết cái chân-giá của mình đấy! Đời người mà sở-dĩ cao-thượng được là cũng ở trong những lúc rối-loạn của hai điều thiện ác ấy tranh-chiến cùng nhau vậy.

Ta muốn hiểu rõ sự ta vừa nói trên đây thời không chi bằng ta lấy câu thi-dụ của Platon triết-học làm chứng-mạch.

Platon tiên-sinh tỷ người như một cỗ xe, mà người đánh xe là cái ý quyết-định của ta, mà hai con ngựa kéo xe tức là hai cái bản-tính thiện và ác của ta.

Một con ngựa thời trắng bạch, hiền-lành và khỏe mạnh; nó rất hay nghe theo lời người đánh xe; còn một con thời đen sì, độc-ác, mắt thời đỏ những huyết, miệng thời đầy những nanh. Khi nó đi thời nó chạy, nó bất-kham, nó đâm sang bên tả, nó choạng sang bên hữu, nói rút lại là lúc nào nó cũng chỉ chực kéo xe xuống vũng sâu, xuống hố thẳm thôi. Người đánh xe phải dùng hết đảm-lực mới giữ được cho xe đi đường ngay lối thẳng; ấy là cũng nhờ có con ngựa bạch mới được như thế.

Ta nghe câu thi-dụ đó, ta có thể xét đến thân ta mà hiểu-biết được. Ta há lại không có lúc nào mà ta đảm-đang, mà ta cần-mẫn, mà ta tử-tế, mà ta hiền-lành đó ư! Trong những lúc đó, ấy là con ngựa bạch thắng con ngựa hắc vậy.

Nhưng, khốn-nạn thay! Rồi lại có lúc mà bao những dục-vọng xấu-xa của ta phát-lộ cả ra ngoài, ta tự thấy độc-ác, tự thấy chán-nản, tự thấy hèn-hạ, tự thấy bạc-bẽo, ấy những lúc ấy là lúc con ngựa hắc làm dữ đó.

Vậy những người hoàn-toàn nhất ở trong chúng ta đây cũng cần phải hết sức trống giữ thân-hồn cho khỏi mất thăng-bằng thời mới không rơi xuống hang xâu vực thẳm được.

Trống-giữ được như thế thời quả cũng khó-khăn lắm thực; song còn sự khiến cho ta để-ý đến nhất như sự chiến-tranh nữa! Người ta sống chẳng qua cũng là một sự chiến-tranh cùng khí-hậu thổ-sản, nào lúc chiến-tranh với cầm-thú, côn-trùng, ... Thực không một lúc nào là không chiến-tranh mà lại có thể sinh-hoạt được cả!

Người ta rất nhỏ-mọn mà chiến-tranh được với cả thế-gian, ấy phận-sự của đời người ta là ở đấy vậy.

Xét ra cho kỹ, còn cái gì là cái khó-khăn nguy-hiểm cho bằng lúc ta chiến-tranh với những thói xấu, tật hư của ta nữa! Nhưng sự chiến-tranh đó càng khó-khăn nguy-hiểm bao nhiêu thời khi được toàn-thắng lại càng vẻ-vang sung-sướng bấy nhiêu!

Trong một đêm phong-ba bão-táp, ta nhìn thấy một ngọn đèn thấp-thoáng ở giữa bể nước mông-mênh. Ngọn đèn ấy khi biến mất, khi lòe ra như tỏ như mờ như còn như chết. Thực là một ngọn đèn bé nhỏ như thế mà chiến-tranh cùng bao sức mãnh-liệt gớm-ghê của Tạo-vật.

Cái ngọn đèn ấy tức là đời cả một đám người ở trong một chiếc tầu, ngọn đèn ấy mất, ấy là cả mọi người cùng mất, ngọn đèn ấy còn, ấy là cả mọi người cùng còn.

Phận-sự của ta đối với ta cũng như ngọn đèn đối với chiếc tầu, phận-sự tức là ngọn đèn làm biểu-hiệu cho đời của ta, nếu ta không có đảm-lực giữ nó đối-thủ với mọi sức phản-trái ở đời, thời ấy là nó chịu thua mà ta chịu chết vậy.

BÙI-HUY-CƯỜNG *dịch-thuật*

KỸ-NGHỆ CỦA NGƯỜI BẢN-XỨ Ở BẮC-KỲ

Có nhiều sản-vật tốt đem bán

TẠI HỘI-CHỢ HANOI

Từ ngày 10 đến ngày 25 Décembre

ĐỘC-GIẢ LUẬN-ĐÀN

Bóng dáng bề ngoài

« Il faut connaître à fond ceux à qui l'on se livre et mettre tous ses soins à bien faire ce choix ». (Morel de Vinné)

« *Người nào càng ta thâm-giao, ta phải cố dò la gốc tích, phải cố sức kén chọn mới được* » (N. D. T. dịch)

Quả cam hồng-hào tươi tốt kia, chửa ắt đã là ngọt, quyển sách bìa đa chữ vàng này chửa ắt đã là hay; muốn biết cam ngọt phải bóc qua nếm trước, muốn biết quyển sách hay phải dở ra đọc thử. Ấy là mới nói về vật vô tri-giác không biết dùng cách giả-mạo mà sự thâm-hiểu còn khó-khăn là thế, phương chi là vật có tri-giác, có tư-chất thông minh! Ký-giả nói đây là có ý nói riêng về giống người ta vậy.

Ừ, người ta là vật có tri-giác, có tư-chất thông-minh, thiên-tính phần nhiều không tự-nhiên mà xuất-hiện, sự đó đã đủ làm cho ta khó mà quyết-đoán được tâm-lý nhau. Lại còn một sự làm thêm khó bội phần là cách ranh ma quỉ quái của người ta nữa. Cách ranh ma quỷ-quái ấy theo với trình-độ thông-minh của ta mà càng ngày càng tệ, khiến cho ta — nếu phải là người cẩn-thận — chỉ chan-chứa những sự ngờ không dám quá tin ai bao giờ vậy.

Mà thật đấy! cách man-trá của người ta đời nay thực là hằng-hà sa-số, kể sao cho xiết! ! ! Cho nên các sách tây, ta thấy nhan-nhản những câu khuyên người ta « không nên xem-xét ở bề ngoài » (Ne pas juger les gens sur l'apparence).

Người khoác áo thâm dài không đủ cho ta gọi là người tu-hành. (L'habit ne fait pas le moine) đối với người đeo gươm vác súng cũng không đủ cho ta gọi là người hung-tợn.

Hãy nói như trong một chốn công-đường kia, bốn mặt tường treo yết-thị cấm dân không được mang đồ lễ đến. - Có khi quan-lại sai nọc-cổ đánh những người mang đồ lễ đến nữa. — Thế mà đã chắc rằng không có của lễ nhờ tay người khác hoặc bỏ phong bì — đưa đến tận tay quan chăng? Ấy là mới nói về sự giả-mạo cao-thượng của người cao-thượng mà cách giả-mạo ấy cao-thượng bao nhiêu, lại càng làm cho ta khó sự dò la cho đến ngành đến ngọn, khá tiếc lắm thay! Người trí-giả nhiều khi phải thở dài mà kêu to lên rằng: Chung quanh mình ta phần nhiều là những người lừa dối ta cả! Ta phải biết phân biệt việc gì đáng tin, việc gì không đáng tin thì mới có thể bớt sự sai lầm nhiều khi nguy hiểm cho ta vậy.

Mới ít lâu đây, tôi được mục-kích một sự lừa đảo mà tôi đã nói trong các báo để bà con khỏi lầm, sự lừa đảo ấy của một bọn giả-mạo làm dân Mường Mán, con các ông Châu mạn ngược, đề-huề thày tớ, nào khăn gói, nào cháp điếu, ra dáng phong-nhã, về vãng-cảnh Thăng-long đô-hội, vào chơi một nhà phú-ông kia, lân-la trò chuyện, rồi dở ra nào cao, nào quế để kính tặng gọi là chút quà mạn ngược. Phú-ông trông cậu rõ ra người hiền lành tử-tế, đinh-ninh rằng dân thượng-du còn lắm vẻ thật thà, lại thấy các cách cử-chỉ khoan-hòa, ăn

nói lễ phép, mà xem chừng của quý vật lạ còn đầy khăn gói, nên chi Phú-ông cũng chẳng nghĩ gì đến sự giả dối, mà vội thù-phụng « cậu Ấm » một cách đặc-biệt, rồi mở tủ biếu cậu ít tiền để nhờ lượng cậu ban thêm cho ít *của quý* thượng-du. Ngờ đâu..! than ôi! cậu Ấm ấy là cậu đi lừa thượng hạng, mà những của quý thượng-du kia đều là những của giả dối không đáng *ba xu*!!

Căm tức cho ai mà cũng đáng giận quân đi lừa kia lắm vậy! Nói đến đây, ta lại nghĩ đến câu tục-ngữ: « mặc áo thâm dài chưa hẳn đã là thày tu » nói ở trên kia, mà chữa lại rằng: « mặc áo xanh, chít khăn vành đế, chưa ắt đã là người mán-thổ ». Nếu phú-ông biết được câu tục-ngữ này sớm một lý, chắc chẳng bị lừa đâu nhỉ? Những sự lừa đảo ấy thật là không ít, các báo-trương hằng ngày vẫn thấy nói luôn đến, mà cũng chẳng bớt chút nào, chẳng qua ta không biết suy đi xét lại, để đến nỗi có khi hối mà không kịp — Có kẻ bảo: dân ta không biết tin nhau, cho nên mọi việc đều không có cơ-thể mà bành-trướng ra được. Điều đó thực là không sai, sự đáng tin, ta không tin, mà ta lại tin những sự lừa dối, thế mới là một sự nguy-hiểm cho ta vậy.

Hãy nói như trong việc buôn bán, nếu không tin nhau thì bao giờ có thể mở mang rộng-rãi mà xuất-cảng nhập-cảng để nên một nước phú-cường, thế mà tin nhau há có được chăng!?

Chư độc-giả xem đến đây, không phải nhắc, chắc cũng nghĩ đến một sự mới rồi náo-động trong thương-giới nước nhà, là một nhà kia xưa nay buôn bán sầm-uất mà đi chịu vỡ nợ đến hàng mấy chục vạn. Gương trước mắt ấy ai soi mà chẳng phải rùng mình, sởn ốc! Ấy cũng là một bài học rất hay cho những người quá tin bề ngoài vậy. Ta trách những người quá tin cũng là hẹp-hòi thật, vì nếu không tin nhau thì không bao giờ làm được việc gì to-tát, thế thì ta càng trách những người ấy bao nhiêu, ta cũng nên chê kẻ trá-mạo kia hội phần vậy. Đứa bé con đánh lừa mẹ lấy một xu mua kẹo, đã là một tội đáng đánh đòn; đối với kẻ lừa đảo kia trá-hình giả-mạo ra dáng một nhà đại-thương để lấy của người ta hàng vạn, lại càng đáng tội bao nhiêu?! Đốt nhà lấy của, đã là một tội nặng nhất của bọn hung-đồ, đối với kẻ kia mạng phú-hộ, lừa biết bao nhiêu người, lấy biết bao nhiêu của, thì tội nào nặng hơn?! Các ngài nói rằng: sự buôn bán có may, có rủi, người ta có vận tuần-hoàn, gặp cơn hắc-ám nên mới đến nỗi thế. Nhưng xét cho kỹ, nào có phải thế đâu! Buôn bán to đến thế nào mà lỗ đến mấy chục vạn? Nếu lỗ từ nhiều năm về trước thì sao không cao chạy xa bay mà còn cố đeo đẳng để lừa người ta mãi? Thế thì sự tin người — trong chuyện này có thật là nguy-hiểm chăng? Thế thì ta có thể « trông mặt » mà « đặt hình-dong » được chăng? Ấy là tôi mới kể ra một câu thí-dụ mà phần nhiều quốc-dân ta ai cũng đã được nhĩ-văn mục-kích, còn trong sự buôn bán — nếu xem cho kỹ thì sự giả mạo ấy có thể cho là nhiều nhất trong các hạng người. Hãy xem như Hà-thành ta biết bao nhiêu hiệu chỉ có chút bóng bẩy mặt ngoài mà trong nợ ruỗng! Vì thế mà kẻ đi lừa cũng lắm, người bị mắc lừa cũng nhiều!... Trong một nghề buôn bán, sự lừa đảo đã nhiều như thế, lại ra đến các hạng người khác, sự lừa đảo còn biết đến bao nhiêu nữa.

« Thấy đỏ tưởng chín », « thấy chói-lọi tưởng vàng » có biết đâu rằng nhiều

thứ cũng chói-lọi mà không phải hoàng-kim! (Tout ce qui brille n'est pas or).

Có kẻ nói rằng: « Nước nào càng văn-minh bao nhiêu thì sự giả mạo càng bành-trướng bấy nhiêu, mà sự giả mạo càng bành-trướng bao nhiêu thì sự thâm-hiểm càng khó-khăn bấy nhiêu ». Điều đó thật là không sai, nhưng mà nói rằng: sự văn-minh sinh ra man-trá, thì có lẽ quá; vì theo như thế thì các nước văn-minh, mọi người đều lừa-đảo nhau cả hay sao? Phải biết rằng: đã biết lừa đảo văn-minh thì cũng phải dùng cách văn-minh mà đỡ-la cho khỏi mắc lừa vậy. Ôi! khó lắm thay!

Đó là tôi mới nói qua về cách bóng-dáng giả-mạo của hạng người cao-thượng, đoạn đến những người buôn-bán thợ-thuyền, nhưng mà có thế mà thôi đâu!

Mới đây phong-trào biến-đổi, các báo-trương bay khắp hoàn-cầu, các diễn-đàn lập lên mọi chỗ, ta đã dám chắc rằng: những tên ký trong tờ báo, những người đứng trong diễn-trường đó đã phải toàn là những nhà mô-phạm, đạo-đức chưa?! Thiết tưởng phẩu nhiều những sự lừa đảo thường cũng có ở đó mà ra cả. Cách giả-mạo này mới thật là kín-đáo, mà sự dò la mới thật khó khăn — Biết đâu rằng cái kẻ cả ngày viết văn khuyên người đánh bạc kia mà bị thất-cơ lỡ-vận vì cờ bạc! Biết đâu rằng cái người luôn luôn giảng điều đạo-đức kia, mà chính mình lại phạm nhiều sự phi-nghĩa!

Vì khiến ta không tinh tường mà suy xét, ắt là ta yên trí rằng: người viết báo kia là hạng thượng-lưu, người diễn-thuyết này vào hạng mô-phạm!

Ngờ đâu, màng giả dối che kín mất cả các sự thực của ta!

Tôi viết đến đây, tâm-thần hoảng-hốt mà tưởng tượng đến sự đời như nơi ảo-thuật, người đời như bọn con hát đánh phấn vẽ hề. Hát cho hay, đánh phấn cho khéo, ấy là lòe được mắt người ta vậy! — Cái cách đội lốt ấy đối với thói thường bây giờ, nào có khác gì?

Thế thì làm thế nào cho tránh khỏi được các cách giả dối ấy? Tôi tưởng không gì bằng lấy sự cẩn-thận làm chủ đích mà xử-trí một cách ôn-hòa, không hề hấp-tấp, không hề vội tin ai. — Có ngài nói: « Nhiều việc phải quyết-đoán ngay, nếu không thì nhỡ-nhàng, thí dụ như ông tướng cầm quân, nên cái gì cũng ôn-hòa mà không vội, e rằng nhiều khi bị hại. » Xin đáp rằng: việc nhà-binh đối với việc thường, khác nhau nhiều lắm, để bận khác sẽ xin bàn đến. Nay hãy xin kết rằng: Việc gì thong thả cẩn thận cũng có phần hơn. Ta có câu: « Đi đâu mà vội mà vàng, mà vấp phải đá mà quàng phải giây » cũng là nghĩa như thế vậy. Ta vừa phải cẩn-thận lại vừa phải suy đi xét lại nhiều lần, thì mới mong rằng ít sự sai lầm chung quanh mình ta, số người lừa-đảo ta mới có thể ít đi được!

Tôi nhớ khi tôi còn học ở trường Cao-đẳng, có một ông Giáo-sư đương nói về vấn-đề này, có bàn rằng: « Thế-thường nham-hiểm, ta phải biết trinh-thám mới khỏi bị đời lừa-dối ta ». Theo như ý-kiến ông Giáo-sư đó thì dễ thường ta phải học khoa trinh-thám ngay từ lúc bắt đầu giao-thiệp với đời ư? Mà phải đấy! Vậy thì, nào ai là kẻ cùng ta đi kiếm thày mà học! Nhưng trước khi tìm thày học thám, ta phải biết chịu khó kiếm tìm nhẽ phải, suy xét kỹ cùng, chớ để có cái gì u-ám nó luẩn-quất trong óc ta. Ấy là ta khỏi mang tiếng là người khờ-dại để làm cho họ lừa ta được. — Họ lừa ta mà họ lại cười ta nữa!

NGUYỄN-DZƯƠNG-Y

VĂN THƠ

Cảnh thanh-nhàn

Năm gian nhà cỏ một bầu trời,
Cái thú lâm-toàn lắm thú vui.
Đường núi treo-leo dong ngựa chạy,
Dòng sông lơ-lửng thả thuyền trôi.
Gác Đằng đu cũng chờ tay tựa,
Bến Vị nay còn để khách chơi.
Mấy kẻ thanh-nhàn mà tục-lụy,
Trần-ai ai biết, hỡi ai ơi!

Đạo-Nguyên

Thư hoài

(Xướng)

Phòng văn lạnh ngắt gió thu đưa,
Tâm-sự này, ai đã thấu chưa?
Đông-bích vẫn ghi tình bạn cũ,
Tây-hồ chạnh nhớ mảnh trăng xưa.
Đôi phen chén rượu pha cười khóc,
Một mái đầu xanh trải nắng mưa!
Vơ-vẩn nhớ ai lên tiếng gọi...
Biết cùng ai gọi, biết ai thưa?

Khiêm-phủ Nguyễn-Khắc-Nhượng

(Họa)

Ngoài hiên hây-hẩy gió vàng đưa,
Tâm-sự phòng văn ngán-ngẩm chưa!
Tri-kỷ cùng ai câu chuyện cũ?
Giang-sơn riêng nặng gánh tình xưa!
Thẹn duyên văn-tự cùng hương-lửa!
Liều nợ tang-bồng với nắng mưa!
Nhớ bạn với trông trời mỗi nẻo,
Bóng chiều bảng-lảng nhạn dần thưa!

Thu-dạ cảm-tác

Đêm thu lắm nỗi khéo buồng teo!
Lạnh lẽo phòng văn gió hắt-hiu!
Đồng cỏ mênh-mang sương phủ trắng;
Bờ tre ào-ạt lá đưa reo!
Tình riêng một gánh, cùng ai xẻ?
Thân-thế hai vai nặng đã đeo!
Đêm vắng càng ngồi càng vắng ngắt,
Lưng trời vẳng tiếng nhạn bay vèo.

Húc-khanh Cao-Văn-Giới

Cái trứng vịt nở con

Tạo-hóa gây hình bé tý-hon;
Nước da trắng-trẻo, tấm thân tròn,
Trước vì hàn-nhiệt còn là cái;
Nay gặp ôn-hòa đã hóa con.
Tuy với cha gà mang tiếng bạc!
Nhưng cùng mẹ vịt vẫn lòng son.
Ít lâu mọc đủ lông cùng cánh,
Ngang giọc tha-thỏ chốn nước non.

Bùi-Huy-Cường

Núi Non-nước

Trải mấy tang-thương núi chẳng già!
Trơ trơ đứng giữa lớp đồi-ba!
Chỗ người đi đến cây cằn lại,
Khi nước lui rồi đá nẩy ra.
Giấc tục chầy kinh khua tỉnh dậy!
Hồn ai, tiếng hạc thoảng bay qua!
Hộ-thành tên ấy nguyên là trấn,
Luống để đề thơ với thưởng hoa!

Thức đêm

Hay lo lt ngủ, khổ đêm dài!
Chán chẳng buồn ngâm, bỏ nửa hoài!
Thôi cái chữ này rồi cũng hết!
Mà con người ấy sống còn dai!
Trăm năm mộng lớn nguyên là tớ,
Một ngọn đèn con biết với ai!
Mong sáng đi chơi may có thú,
Trò đời trông thấy được nhiều vại!

Nông-Sơn

Đề ảnh một người mỹ-nhân ngồi thêu trong vườn

Êm-ả chiều xuân dưới bóng cây,
Gượng sầu kim chỉ mượn làm khuây.
Dừng tay trăm đoạn tơ lòng rối!
Ngoảnh lại buồng thêu cách nước mây!

* * *

Ngoảnh lại buồng thêu cách nước mây!
Tơ tằm vấn-vít gỡ sao đây!
Muốn đem lụa bạch cùng tơ thắm,
Thêu cả tình kia lẫn cảnh này!...

Mạnh-Mai

Tiền-đề

Kìa cảnh vườn xuân, nọ nỗi mình,
Chỉ kim ai dễ gượng mần thinh.
Tơ duyên bao đoạn đà vương rối,
Thêu dệt thêm chi mãi chữ tình!

Hạc-Thần

Nhớ ai

Một chuyến thu sang một nhớ-nhung,
Nhớ-nhung tri-kỷ cách non sông!
Nhớ khi say tỉnh vui câu chuyện,
Nhớ lúc đầy vơi tỏ nỗi lòng!
Nhớ nước sông Đằng lai-láng tưởng,
Nhớ mây non Tản ngẩn-ngơ trông!
Ai về nhắn bảo ai ai nhé,
Một tấm tình thu có nhớ không?

Cuối thu

Cúc vàng trắng xóa hạt sương gieo,
Cái cảnh thu tàn vắng vắng teo!
Sao-sác bên trời đàn nhạn lạc,
Ngàn mây man-mác mộng-hồn theo!

Hỏi quán

Trần-ai nhắn hỏi khách tri-âm:
Có biết ra đời đã mấy năm?
Ai đó, vẫn-vơ chi lắm mấy?
Tám mươi tuổi nữa ấy đầy trăm.

* * *

Tám mươi tuổi nữa ấy đầy trăm,
Bác ngẫm đời xem bác có căm?
Mặn, nhạt, chua, cay chi xiết kể?
Tâm tình soi tỏ một vừng trăng.

* * *

Tâm-tình soi tỏ một vừng trăng,
Trăm mối tơ sầu buộc nhịt-nhằng.
Ừ! kẻ ngoài vòng coi ngẩn nhỉ?
Hỏi người trong cuộc múa tay chăng?

* * *

Hỏi người trong cuộc múa tay chăng?
Sóng bắt-bình kia có gạt bằng?
Xe ngựa bụi hồng nô nức nhỉ,
Riêng ai man-mát tấm lòng băng!

Thọ-vực Nguyễn-Xuân-Đài

Thu cảm

Vắng-vặc đêm thu bóng nguyệt lồng,
Mà ta thơ-thẩn chốn phòng không!
Lấy ai làm bạn bi thu nhỉ?
Thấy cảnh thu sang những bận lòng!

Trông trăng nhớ bạn

Trông vừng trăng bạc khuất ngàn dâu,
Nhớ bạn xa-xôi ruột héo rầu.
Ngày tháng đăm đăm tin nhạn cá,
Mối sầu riêng trút lại cho nhau.

Vĩnh-tuy, Lê-Hoàn-Phúc.

Đề ảnh

Người đâu nhỉ, đa tình lắm tá?
Ta với mình vốn lạ nhau đâu.
Bốn phương cùng chí cung dâu,
Những mong cùng sống sang giầu vẻ-vang.
Ta với mình da vàng một giống,
Mình với ta Tiêu-động một nhà.
Cõi đời mình mới bước ra,
Sáu mươi hai lẻ năm, ta với mình.
Cuộc nhân-thế vinh-vinh nhục-[nhục,
Đường sinh-nhai dọc-dọc ngang-[ngang,
Đầu xanh đã điểm hơi sương,
Nghĩ mình mình lại thêm thương nỗi [mình!
Ta với mình chung hình chung ảnh,
Mình với ta ai tỉnh ai mê?
Mặt trời đã gác non tê,
Vòng trần lẽo-đẽo đi về có nhau.
Cảnh phù-thế bể dâu biến cải,
Mảnh gương trong đứng lại với đời,
Trăm năm ta lánh cõi đời,
Nghìn năm cuộc thế mình ngồi mình xem!...

Đào-Xuân-Hải
Nguyên Hà-nam Hội-viên

Thành Hà-nội

(Độc vận)

Nùng Nhị từ xưa mở đất cõi,
Nghìn năm vượng-khí nơi đô-hội!
Nếp đất phồn-hoa trải mấy triều;
Phố-xá rộng dài ở chật-chội.
Nhà ngói bát úp, đường bàn cờ,
Đèn điện sao sa, nước mây giội.
Người đủ hạng người, trò đủ trò,
Đua nhau thanh-lịch cũng lắm lối!
Mốt vận dài ngắn hợp thời-trang,
Gấm vóc rợp trời, vàng đỏ đỏi!
Trừ ra trai mấy bọn phu xe,
Là không bộ cánh, áo rách-rưới!
Trừ ra gái mấy bọn hàng than,
Là không son-phấn mặt đen đủi!
Dù đâu mất mùa kém bao nhiêu,
Ở đất ăn chơi chẳng biết đói!
Dù người như đất hiền bao nhiêu,
Ở lâu tập-nhiễm rồi cũng sỏi!
Người khôn của khó lúc đua chen,
Đủ ngón mau chân âu mới giỏi!
Xem trong tám Hộ bấy nhiêu đường,
Kẻ đi người lại ai cũng vội!
Các quan các tỉnh thường về chơi,
Khi bổ khi thăng hoặc khi đổi.
Công, tư to nhỏ mấy mươi trường,
Thầy thầy trò trò nhộn hai buổi!
Người đi làm việc kẻ làm công,
Mỗi người một nghề chẳng ai rỗi!
Trước ga xe hỏa, trên bến tầu,
Hàng-hóa lên xuống phu bối-rối!
Đồng-xuân chợ họp đông cả ngày;
Hàng-giấy khách chơi vui về tối!
Cà-phê, chả-cá, hiệu cao-lâu,
Chớp-ảnh, tuồng-tầu, rạp hát bội.
Lên cao trông xuống bọn người đi,
Thật là chen-chúc trong đám bụi!
Nếu không danh-lợi dắt nhau vào,
Ai chịu đua chen, sống mấy nỗi!
Suy ra cho rộng cuộc doanh-hoàn,
Đại-đề cũng như thành Hà-nội!...

Nông-Sơn

Các câu hát vặt

Đêm thu chợt tỉnh giấc nồng,
Cố-nhân xa vắng, thư-phòng một ai!
Canh khuya ra tựa hiên ngoài,
Trông trăng, trăng khuất, nhớ người, [người xa.

...

Chiều thu bóng đã sế tà,
Có kia cắp nón, quê nhà nơi đâu?
Cớ chi liễu ủ hoa rầu?
Hay nhân-duyên lỗi, mà sầu chăng ai?

...

Nước xanh, xanh biếc một dòng,
Trông dòng nước biếc mà lòng cảm thương!
Thương ai lẽo-đẽo dặm trường,
Cánh bèo tan-hợp bước đường lưu-ly!

...

Khúc sông khi lở khi bồi,
Mà lòng đen bạc con người không phai.
Bắc thang lên hỏi ông trời,
Bầy chi ra cái trò đời bạc đen?

Mịt-mờ thăm thẳm phương trời,
Phương trời thăm-thẳm nhớ người tình-chung.
Trách ai xa mặt xa lòng,
Mảng vui phong-cảnh Nhị Nùng quên ai?

Vĩnh-tuy, Lê-Hoàn-Phúc
(Haiphong)

Răn anh nghèo lấy vợ giầu

(Hát sầm)

Ai ôi, đừng thích lấy vợ giầu, dúc vào đống của để nó cưỡi đầu cho xem! Của bao nhiêu đây anh cũng không thèm, tham đồng bạc trắng để nhọ-nhem thân đời! Đạo thất-gia ta cốt kén mặt người, dẫu cho mặt của bằng mười đây anh cũng chẳng ham. Có muốn giầu thì ta xẽ hay làm, chớ hòng ăn sẵn mà ta tham lấy giầu. Cái thói đời chín đụn mười trâu, hẳng đem luân-lý để lộn đầu xuống chân. Ai ôi, nên trọng cái thân!

Tự thuật

(Hát-nói)

Anh hùng vị ngộ, xoay nghề nho-nhỏ kiếm ăn chơi. Còn công-danh ta sẽ đợi thời, này hồ-thỉ bốn phương trời là chí-khí. *Thiên-địa sinh ngô chung hữu ý*, nếu vô tình khi Thao-thủy (1) đã đi đời. Thôi đi đâu chẳng biết cơ trời, muốn đại thụ hãy dìm chơi cái đã. Kìa hào-kiệt như ông Y ông Lã, cũng trải qua Vị-tân Sằn-dã mới nên đời. Còn non còn nước còn dài.

Quảng-hiên Dương-Hoàng-Khuếch

(1) Khi tôi du học ở sông Thao, ra tắm sông suýt chết đuối.

Bài tựa dẫn truyện « Bức-tranh lòng-son »

Phàm những truyện gì mà quan-hệ cho phong-hóa của xã-hội, đều là bài học sác-thực của ta cả, hay thì ta khích-khuyến, dở thì ta răn; cho nên truyện cổ nên xem, sử-ký nên đọc, vì truyện cổ và sử-ký là bức truyền thần của người xưa. Đến như truyện cổ và sử-ký của nước mình thì gương thiện-ác lẽ thị-phi lại càng gần càng đích hơn, mà nhất là sử vịnh truyện diễn ca, thì tình-tình lại càng dễ cảm-động hơn nữa.

Này như lịch-sử của Trọng-Thủy và My-Châu ở nước ta, sự tích thật là cổ. Nay xem My-Châu kén chồng để toan việc nhà, ấy là đem tình làm hiếu; Trọng-Thủy lấy vợ để toan việc nước, ấy là đem tình làm trung. Trọng-Thủy từ biệt là nặng vì nghĩa; My-Châu tin chồng là nặng vì tình. My-Châu cam tâm chết trước mặt cha khi đường cùng để tạ tội với nhà và nước, là tình duyên đã đoạn vì trung hiếu mà quyên sinh; Trọng-Thủy đã táng My-Châu cũng lăn xuống giếng, là trung hiếu đã toàn, vì tình duyên mà tuẫn nạn. Trải bao nhiêu nghịch-cảnh, bao nhiêu biến-cố, mà luân-lý vẫn toàn. Chỉ vì vua Triệu ham lòng về sự khai-thác, vua Thục chắc mình ở sự hoang-đường, để đến nỗi Trọng-Thủy mang tiếng bạc tình với vợ, My-Châu mang tiếng phụ nghĩa với cha. Cái khổ-tâm ấy đáng trọng, đáng thương; đáng ngâm-nga vịnh thán mà không quên. Sử-ký chép lại truyện, đức Dực-Tôn vịnh ra thơ, cũng vì lẽ thế.

Nhưng mà những bản sách ấy đều bằng Hán-tự, không phổ-thông cho mọi người. Nếu không dịch ra quốc-văn, thì không mấy người biết. Nếu không diễn thành ca-điệu, thì không mấy người thích xem. Truyện người thiên cổ mà không mấy người biết, không mấy người thích xem, thì tâm-sự người thiên-cổ vẫn u-uất mà không tỏ giải ra được. Tiếc thay! Bức tranh thiên cổ đã lòa, bút hoa trang-điểm ấy là những ai!

Vậy xin đem lịch-sử hai người thiên cổ ấy diễn làm ca, chia ra hồi tiết; gọi là *Bức-tranh-lòng-son*, để cho tấm lòng khó giải tỏ ra mấy nghìn năm về trước, đến nay giải tỏ ra mấy nghìn năm về sau. Bức tranh này như cỏ, như hoa, như sông, như núi, như mặt trăng mặt trời, để người ta xem chung mà soi chung.

Ấy là cái thiển kiến của tôi vì phong-hóa mà nghĩ thế. Nào có phải khinh bàn truyện cổ, tự sinh văn-chương đâu. Xin hải-nội quân-tử thể-tất mà thứ lượng cho.

Nông-sơn, Nguyễn-Can-Mộng

Tiên phàm vấn đáp ca

(Tiên phàm vấn đáp ca này, là một áng văn đã hơi cổ: điển-tích dùng toàn điển tích nước Tàu, tư tưởng toàn là tư-tưởng ngày xưa. Tuy câu chuyện không có gì làm vui, lời văn không lấy gì làm đẹp, song cũng có ngụ một ý-nghĩa hay, có thể bổ-ích đôi chút cho nhân-tâm phong-hóa. Vậy xin sao lục ra đây, để cung độc-giả thưởng-thức nhân-lãm)

Đề-từ

Mười phần đã chắc hẳn hơn ai,
Tâm-tình xem ra cũng nực cười.
Một giọt nghĩ rằng sâu quá bể;
Nửa gang mong những với lên trời.
Dại chưa đổi tóc may mà biết,
Khôn chẳng ghi lòng nữa lại sai.
Lấy chữ khiêm kia trừ chứng ấy,
Thuốc tiên đây có một bài thôi.

Nghìn năm trong áng trần-ai,
Dở hay cũng tự linh-đài mà ra.
Nhớ xưa có bực tài hoa,
Tên là *Tự-Đắc* họ là họ *Kiêu*.
Khôn ngoan biết đủ trăm điều,
Ở nơi cao-quí nói điều hào-hoa.
Nghĩ mình trời đất sinh ra,
So tài với thế thực là thông-minh.
Ở trong ai kẻ biết mình,
Vậy nên sắm sửa nghi-hình bước ra,
Giơ tay vừa đụng nóc nhà,
Cất chân năm thước ai là không kinh.
Mắt trông lên tận trời xanh;
Nói thời nói chuyện vông-vênh hơn người.
Đến đâu ai cũng chịu lui,
Nghĩ rằng trên đất dưới trời một ta.
Cơ-duyên thực cũng khéo là!
Có người nội-trợ họ *Khoa* cũng hiền.
Không ai thổi mà cứ lên,
Chồng in tính vợ, vợ in tính chồng.
Có khi khép cánh loan-phòng,
Chung xe đến áng bụi hồng dong chơi.
Bỗng đâu vừa gặp một người,
Xấu khuôn tai mắt nhạt mùi đai cân.
Tên là *Khiêm-Tốn đạo-nhân*,
Trước xe đón rước ân cần hỏi-han:
« Nhờ duyên được thấy tiên-nhan
Dám xin ngó lại trần-gian gọi là. »

— Rằng : « Nay đã biết có ta,
Vui chân thử bước qua nhà cũng hay »
Cùng nhau ngắm nước trông mây,
Thảnh-thơi mấy bước đến ngay thảo-đường.

Chính-trung một sập sẵn-sàng,
Chào ông rồi lại mời nàng bước lên.
Đạo-nhân lui xuống một bên,
Chắp tay cung-kính thưa lên mấy lời :
— « Bán-thiên mừng gặp hội dời,
Non sông hun đúc ra người tinh-anh.
Bấy lâu khát-mộ đại-danh,
Chưa hay tài-trí thông-minh nhường nào? »

— Rằng : « Đây nhờ đức nhân-đào,
Sinh ra cũng được tài cao nết lành.
Kể chơi một chuyện học-hành,
Gần xa cũng chịu rằng mình là hay.
Hai mươi tờ học thuộc ngay,
Văn làm độ quá nửa ngày đã xong.
Bách-gia chư-tử đều thông,
Viết ra nét chữ địch cùng tam-vương.
Hai mươi tuổi đã đỗ hương,
Hai mươi mốt tuổi bảng vàng treo tên.
Nhờ vua ban chức vi-viên, (1)
Phỏng vài năm cũng được lên kinh-đường !

Đạo-nhân nghe nói tỏ-tường,
Khen rằng : « Thực đã rất đường tài-hoa !

Lấy tôi thiển-ý coi ra,
Cổ-nhân cũng kém huống là kim-nhân!
Nhớ xưa đại-tướng Trương-Tuần,
Sách chi liếc mắt một lần không quên.
Giả-Hoàng-Trung đỗ Trạng-nguyên,
Năm lên mười tuổi tiếng khen là tài.
Cam-La tuổi mới mười hai,
Giữ quyền tướng-quốc trong ngoài một tay.
Mấy người kể cũng là hay,
Nhưng mà so với ngài đây kém nhiều.
Dám xin hỏi hết mọi điều,
Liệt-tiên trước ở trong triều quan chi? »

— Rằng : « Đây gia-thế cũng kỳ,
Cao tằng về trước thiếu gì quan-thân,
Có Tiến-sĩ có Cử-nhân,
Đời xa Bố-chính, đời gần Thị-lang.
Anh ta Tri-phủ ngoại-phương.
Em ta hàn-uyển cũng hàng Biên-tu.
Y-quan khắp chốn hoàng-đô,
Ai ai cũng phải chịu thua nhà này ».

— Thưa rằng : « Đất phát cũng hay,
Trung-hoa có họ xưa nay nối dòng.
Khan-hoa chen bước non bồng :
Giáp-khoa tính đốt độ trong một nghìn,

Trước sau mười tám Trạng-nguyên;
Phát ba Tể-tướng nối liền cha con.
Gần xa đã rậy tiếng đồn,
Nhưng mà so với cao-môn thấm gì.
Quá thương tới phận ti-vi,
Dốn ngồi xin hỏi một khi cho tường.
Vả người là bậc giàu sang,
Gác son độ mấy, kho vàng bao nhiêu? »

— Rằng : « Đây tư-sản không nhiều,
Một năm đến tối ăn tiêu cũng thừa.
Ruộng tư kể thực bây giờ,
Hơn nghìn mốt mẫu tính vừa năm mươi.

Trên thành-phố ngói bầy nơi ;
Nhà quê gianh-lá được vài mươi gian.
Còn như tiền bạc chan-chan,
Bỏ đi một lúc mấy ngàn như chơi.
Bạn quen khi gặp những người,
Trâu dê sắm sửa tiệc vui lạ thường.
Mấy nhà phú-hộ trong làng,
So đây như đá với vàng thấm chi. »

— Rằng : « Tôi nhớ chuyện xưa kia,
Phạm-công tiếng để làm bia trên đời.
Ruộng vườn kể biết mấy mươi,
Bớt ra nghìn mẫu để nuôi họ-hàng.
Thạch-Sùng xem cũng vẻ-vang,
Dèm châu chắn gió, cửa vàng che mây.
Còn như Lưu-Nghị cũng hay,
Có tiền trăm vạn một ngày tàn đi.
Hà-Tăng của chẳng thiếu gì,
Nấu canh bằng ngọc để khi ăn thường,
Mấy nhà tuy vẫn giàu sang,
Kể ra chưa dễ sánh ngang với người.

(Còn nữa)

Nguyễn-Thượng-Huyền sao-lục

(1) Là chức Nội-các.

N° 1

TÙY-ĐƯỜNG DIỄN-NGHĨA

NGUYỄN-BÍNH-GIAI *dịch thuật*

HỒI THỨ I

Về đời Lưỡng-Tấn, thiên-hạ chia ra làm Nam, Bắc-triều. Nam-triều thì Lưu-Dụ lấy Tấn đổi ra Tống, rồi đến Tề (Tiêu-đạo-Thành), Lương (Tiêu Diễn), Trần (Trần-bá-Tiên) đều là thiên-an miền Giang-tả. Bắc-triều thì bị năm rợ Hồ là Hán-chủ Lưu-Uyên, Triệu-chủ Thạch-Lặc, Trần-chủ Bồ-Kiên, Yên-chủ Mộ-dung-Côi và Ngụy-chủ Thác-bạt-Khuê vào chiếm-cứ ; Ngụy lại chia làm Đông, Tây-Ngụy ; rồi Đông-Ngụy thì con Cao-Hoan là Cao-Dương lấy nước, đổi là Tề, Tây-Ngụy thì Vũ-văn-Thái đổi ra Chu. Sau Chu diệt Tề, miền Giang-bắc lại thống-nhất. Giữa lúc ấy, ở đất Họa-âm, quận Hoằng-nông nước Chu, có Dương-Trung là cháu thứ bầy đời Dương-Trấn quan Thái-úy đời nhà Hán, trước theo Vũ-văn-Thái khởi-binh có công được phong làm Tùy-công và tử-tính Phổ-lục-già, sinh một con giai đặt tên Dương-Kiên, tiểu-tự La-duyên. Nguyên khi sinh, thì mẹ Dương-Kiên nằm mộng thấy con thương-long đến phủ rồi sinh ; lúc sinh ra, thấy Dương-Kiên trạng-mạo khôi-ngô, mắt sáng quắc như sao, bàn tay có ngấn hình chữ « vương » ; hai vợ chồng Dương-Trung mừng thầm là con mình có tướng phi-thường. — Sau có một vị sư-già bảo với mẹ Dương-Kiên rằng :

— Đứa con bà đây, ngày sau sẽ được cực-quí ; nhưng số nó lúc bé phải ở xa cha mẹ mới nên người được. Sư-già nguyện xin nhận về nuôi giúp.

Vợ chồng Dương-Trung thấy nhà-sư nói thế, cũng tin lời, liền gửi con nhờ sư-già đem về chùa nuôi. Nguyên sư-già ở giữ chùa đó, chỉ có một mình ; mỗi khi có việc đi đâu, lại phải nhờ hàng-xóm sang trông nom hộ. Một hôm, nhà-sư đi vắng, nhờ bà lão láng-giềng sang coi giúp ; bà lão đương ẵm Dương-Kiên, bỗng thấy đầu Kiên mọc ra hình hai cái sừng, toàn thân nổi vân lên như vẩy rồng ; bà-lão thất-kinh, kêu rầm lên, liền tay quẳng Kiên xuống đất, rồi bỏ chạy... Sư-già về, thấy thế, ẵm Kiên lên nâng-niu và phàn-nàn rằng :

— Hừ ! Hắn phải bữa sợ, lại làm hắn chậm mất mấy năm làm Hoàng-đế..... !

Nuôi ít năm, Dương-Kiên nhớn lên, sư-già giao lại giả vợ chồng Dương-Trung ; rồi nhà-sư thì về sau mây bay hạc lánh, nhẹ gót vân-du... Chẳng bao lâu Dương-Trung quyên-trần ; Dương-Kiện được tập-tước của cha là Tùy-công. Vua Vũ-đế nước Chu thấy Kiên trạng-mạo khôi-vĩ, đem lòng nghi-kỵ, thường sai các thầy tướng đến xem tướng Kiên ; các thầy biết Kiên là người có phúc-tướng, nên đều chu-toàn che-chở cho cả. Dương-Kiên xem ý, biết nhà-vua có lòng nghi mình, bèn dẫn-dà tiến một mỹ-nữ vào dâng Thái-tử để làm kế cố-sủng. Sau Vũ-đế băng-hà, Thái-tử lên nối ngôi, kỷ-nguyên Tuyên-đế. Dương-Kiên bấy giờ là quốc-trượng, Tuyên-đế rất tín-dụng, thường khi có tuần-hạnh phương ngoài, tất ủy-thác Dương-Kiên chức lưu-kinh. Tuyên-đế

vốn dung-nọa sàm-nhược, quyền-chính ở cả một tay Dương-Kiên ; nên Dương-Kiên vây cánh ngày càng dầy, sau thừa-cơ cướp ngôi, đổi quốc-hiệu Chu ra Tùy, kỷ-nguyên Khai-hoàng.

Tùy-chủ lên ngôi, phong Độc-cô-thị lên làm Hoàng-hậu, Thế-tử Dũng làm Thái-tử, Thứ-tử Quảng làm Tấn-vương ; và một lòng chăm lo việc nước, lại được Độc-cô Hoàng-hậu là người có mâu ghen lạ đời, nên nhà-vua cũng không đam-mê nữ-sắc được, buổi sơ-chính lại càng siêng-cần lắm ; gia-dĩ trong triều : văn có Lý-Đức-Lâm, Cao-Cảnh, Tô-Uy ; Vũ có bọn Dương-Tố, Lý-Uyên, Hạ-nhược-Bật, Hàn-cầm-Hổ phụ-tá. Gặp được vua hiền tôi giỏi, quốc-gia có cơ hưng-thịnh ; Tùy-chủ bèn có chí muốn thừa dịp tính việc hỗn-nhất thiên-hạ. Mà về bên Giang-nam (Nam-triều) thì nhân-chủ toàn-thị là túng-lạc kiêu-xa, không nhiệm-dụng hiền-tài, chẳng chăm-nom quốc-chính. Trần-chủ là Thúc-Bảo, cũng bậc thông-minh trác-việt, song hiềm sinh vào Nam-triều, nhiễm quen cái khí-tập phù-hoa văn-nhược, chỉ chăm bề ngâm-vịnh xướng-ca ; lại thêm thân-cận hai quan Đông-cung Phụ-đạo là Khổng-Phạm và Giang-Tổng cũng bậc văn-nho, không phải người cốt-ngạch. Những lúc thanh-nhàn vô-sự, hết ngâm-vịnh lại rượu chè, rượu chè chán lại quay ra sắc-dục, rồi má tô-điểm lâu dài, sửa-sang vườn-dược, miệt-mài trong cuộc, kịp thời vui chơi. Đến lúc lên ngôi, lại càng túng-tứ, liền đem Giang-Tổng giữ chức Bộc-sạ, Khổng-Phạm làm quan Thượng-Thư, vua tôi một duộc, chơi chán cung mây, yến tiệc vịnh ca, trọn ngày hết tháng ; dưới ngôi Cung-quí-tần, lại kén thêm được Trương-lệ-Hoa, mặt hoa mày ngọc, mây thua nước tóc, tuyết nhường mầu da, nhan-sắc tuyệt vời, lại khéo bề my-duyệt, thường tiến-dẫn thêm những hậu-cung đề hiến-mỹ. Trong cung nào là Cung, Khổng, Vương, Lý, Trương, Tiết cùng Viên-thiệu-Nghi, Hà-tiệp-Dư, Giang-tu-Dung, Phổ-Đức đều là những bậc quốc-sắc, nghiêng-nước nghiêng-thành ; Trần-chủ bấy giờ, chỉ say đắm trong vòng sắc-dục, ngoài ra không còn thiết cái gì ; một đôi khi có giờ đến chương tấu ra coi, thì bên cạnh đã có Trương-lệ-Hoa dự bàn đoán-định. Bọn nội-thị nhân đó thừa-gián đưa của dút làm càn, Khổng-Phạm cũng thừa-cơ kết làm anh em với Khổng-tâu để cố-sủng chuyên-chính. Bấy giờ việc nước đều ở tay bọn quyền-gian ngang dọc, đến nỗi đương-thời chỉ biết có họ Giang, họ Khổng, không ai còn biết Trần-chủ là gì ! Mà Trần-chủ thì vẫn chỉ một mực đêm ngày chăm lo những việc vui chơi, cùng-xa cực-dục, đem của mồ-hôi nước mắt của dân-chúng phung-phí như đất bùn ! Bọn tiểu-nhân như Thi-văn-Khánh, Thẩm-dung-Khanh, Dương-huệ-Lãng, Từ-Triết và Tuệ-Cảnh thừa-gián tàn hại sinh-linh để tìm hết cách hiến-mỹ. Trước điện Quang-chiếu lại dựng thêm ba tòa cao-các là Lâm-xuân, Kết-ỷ, và Vọng-tiên, đều cao và mươi trượng, rộng và mươi gian, làm toàn bằng gỗ trầm, khảm tinh-thị châu-báu, rất mực tráng-lệ huy-hoàng ; lại lấy những kỳ-thạch ở tận Thái-hồ, Linh-bích, Lưỡng-Quảng về làm núi giả ; lấy đá hoa cuốn bờ hồ, lấy đá trắng xây cầu cống ; vườn ngự-uyển thì kỳ-hoa dị-thảo lấy ở các nơi về giồng không thiếu thức gì . . . Trần-chủ ngự ở gác Lâm-xuân, Trương-lệ-Hoa ở gác Kết-ỷ, Cung-tân và Khổng-tân thì ở gác Vọng-tiên ; ba nơi đều làm bắt-vần có lối đi lại thông, quanh

ngày suốt đêm, yến-ẩm ca-vịnh ; ngoài thì Khổng-Phạm, Giang-Tổng và bọn văn-sĩ thường-thị Vượng-Tha ; trong thì bọn nữ-học-sĩ Viên-đại-Sa, chau yến. Mỗi cuộc rượu, nhà-vua lại sai bọn thị-yến làm thơ xướng-họa, vua cùng Lệ-Hoa chấm và cho thưởng, rồi chọn những bài hay phổ vào nhạc-khúc ; mỗi lần yến, tuyển bảng hai ba nghìn cung-nữ, chia phiên ca-vịnh, suốt sáng thâu canh. Trần-chủ từ đó say mê chìm đắm, miệt mài trong cuộc truy-hoan, không còn tưởng gì đến việc chính-trị nữa.

Tùy-chủ dò biết được tình-hình bên Trần như vậy, liền có ý muốn đánh Trần ; bọn Cao-Cảnh, Dương-Tố và Hạ-nhược-Bật cũng dâng kế. Vua tôi đương bàn-soạn, thì Tấn-vương Quảng vào xin tình-nguyện đem quân sang đánh Trần và tâu rằng :

— Trần-chủ vô-đạo, sinh-dân lầm-than ; nay Bệ-hạ đem quân sang đánh, thừa gió bẻ măng, chắc là thành-công dễ ; nếu ta không kịp lúc này mà đánh ngay đi, sợ rằng để thiên-diên, Thúc-bảo (Trần-chủ) khuất đi, họ lại có lệnh-chủ lên nối nghiệp, bấy giờ mới cất quân sang đánh, e lại thêm khó lòng cho ta. Kẻ hạ-thần dám xin quyết rằng ta thừa dịp này sang đánh kẻ bạo-quân kia mà thống-nhất thiên-hạ, thì thật không còn điều chi là khó lòng cả. »

Nguyên Tấn-vương với Thái-tử Dũng là anh em đồng-mẫu ; khi Độc-cô sinh Tấn-vương, lúc lâm-sản nằm mộng thấy hào-quang đỏ rực nhà, trong bụng thấy có tiếng như sấm truyền, rồi con kim-long từ bụng ra, bay thẳng lên không, càng bay càng to, tới lưng chừng trời giuỗi móng giương vây, đương bay vòng-quanh, thì thốt-nhiên trời nổi trận cuồng-phong, con kim-long chợt rơi xuống đất, vẫy đuôi mấy cái, rồi thâu hình lại, một lát, xem kỹ thì hóa ra hình con chuột già, to bằng con trâu-mộng. Hoàng-hậu kinh-hoảng, giật mình tỉnh dậy, rồi sinh Tấn-vương. Tùy-chủ thấy điềm lạ, đặt tiểu-tự cho Tấn-vương là Át-ma, lấy nghĩa lúc sinh có mộng thấy kim-long bay lên lưng chừng trời ; và đặt tên cho là Anh ; sau lại đổi đặt là Quảng, lấy nghĩa là vua thủ-thành thì cần ở khoan-quảng vậy.

Độc-cô hoàng-hậu rất thương yêu Tấn-vương, thời thường kể lại những mộng-triệu lúc sinh cho nghe. Tấn-vương yên-chí như vậy, bèn manh lòng ngang dọc, tự nghĩ : « Mình cùng Thái-tử là anh em, một mai Thái-tử lên nối ngôi, thì phận là vua tôi, mình phải giữ lễ triều-bái, cái đó là việc nhỏ chẳng hề chi đã đành ; chỉ e rằng còn khi mình lỡ một lầm hai, tính mạnh chắc là cầm ở trong tay người, thì sao chỗ đó ? Nếu mình không sớm liệu đi, cứ đành thủ-phận, những sợ hãi thừa-thuận suốt một đời thì còn chi là chí-khí bình-sinh nữa ! Bây giờ trừ phi ta phải lập kế thế nào mà tranh được ngôi Đông-cung, thì mới đắc-chí được ; nhưng hiện nay ta không có công-lao gì với miếu-xã, thì lấy gì mà tranh vị cho nổi ! » Nghĩ đi nghĩ lại, bèn được một kế, là nhân Độc-cô hoàng-hậu có tính ghen, phàm triều-thần ai có vợ lẽ con thêm, đều bị Hoàng-hậu ghét và khuyên vua đuổi đi hết ; Thái-tử vì thương-yêu người tiểu-thiếp là Vân-triêu-Huấn, nên cũng bị Hoàng-hậu ghét-bỏ ; Tấn-vương liền thừa-cơ, ngoài mặt thì giả làm hiếu-thuận, mà trong thì âm khiến những người chân tay, soi-mói những điều lầm lỗi của Thái-tử, và xưng-giương những nết hiếu-hạnh của mình ; lại tình-nguyện xin đem đại-quân sang đánh Trần để lập công,

thì lại tiện dịp binh-quyền ở tay để kết-giao với ngoại-thần cho dầy vây cánh. May được Tùy-chủ vốn hay nghi-ky, đương phân-vân lưỡng-lự, không muốn đem binh-quyền ủy-thác cho thần-hạ ; nay thấy Tấn-vương quả-quyết tình-nguyện xin đi, thì cả mừng, và mạnh ngay cho chức Hành-quân binh-mã Đại-nguyên-súy, Dương-Tố chức Phó-nguyên-súy, Cao-Cảnh chức Trưởng-sử phủ Nguyên-súy, Lý-Uyên chức Tư-mã phủ Nguyên-súy. Cao-Cảnh người ở Bột-hải, tự là Triêu-huyền, vốn là người lắm trí nhiều mưu, sở-trường về việc binh ; Lý-Uyên người ở Thành-kỷ, tự là Thúc, ở bụng có ba vú, trước đã phá giặc ở Long-môn, bắn 72 phát tên giết chết được 72 quân giặc ; lại có thêm hai viên Tổng-quản là Hạ-nhược-Bật và Hàn-cầm-Hổ, đều tay tàn-sát, uống máu người không biết tanh, đi làm tiên-phong, từ huyện Lục-hợp khởi-hành ; còn Dương-Tố thì đi từ Vĩnh-yên, do đường ngược đi giở xuống. Một đại-quân tất cả 90 Tổng-quản và 600.000 quân, đều thuộc mạnh-lệnh Tấn-vương ; các ngả đều đồng-thời xuất-quân, đông giáp tới biển, tây tiếp Xuyên-thục, tinh-kỳ rợp trời, chiêng trống vang sông, binh-thuyền trầy đi kéo dài giăng-giặc hàng nghìn dặm. Các tướng dồn-thủ của Trần thấy vậy, dâng sớ cáo-cấp, song Thi-văn-Khánh và Thẩm-dung-Khanh trầm đi không tâu, quan Bộc-sạ Viên-Hiến cũng dâng sớ xin phái thêm quân ra trấn-thủ hai nơi Kinh-khẩu và Thái-thạch, cũng bị Giang-Tổng ngăn-trở. Trần-chủ nói rằng :

— Hai nơi đó là nơi vượng-khí trung-tụ, trước kia quận Tề ba lần, quân Chu hai lượt, kéo đến đánh rồi lại thua bỏ đi ; bây giờ có lo gì, họ đến thì đến, làm gì được mà sợ !

Khổng-Phạm cũng kiếm lời phùng-nghênh, tâu rằng :

Trường-giang là nơi thiên-hiểm, trời hạn bắc, nam ; quân Tùy trừ-phi có cánh bay thì mới sang nổi ! Chẳng qua lại chỉ bọn biên-tướng muốn cầu-công, nói bịa đặt ra làm vậy, chứ đã việc gì mà nguy-cấp....

Thi-văn-Khánh cũng tâu :

— Đương lúc mùa đông tháng rá người ngựa còn lo chết cóng ; quân Tùy tài nào mà dễ đã tới nơi ngay được.

Khổng-Phạm lại tâu :

— Hạ-thần chỉ còn lo nỗi không khéo tự-nhiên lại chết rét lây đến binh-mã của ta nữa !

Trần-chủ lấy làm phải, cả cười và phán bảo bọn Viên-Hiến là bọn vô-dụng. Rồi lại cứ việc yến-tiệc đàn-hát như thường.

Giữa buổi tết Nguyên-đán, đình-thần vào chầu đông-đủ ; bữa giạ-yến, Trần-Chủ quá say, bất-tỉnh nhân-sự, mãi đến tận chiều tối hôm sau mới tỉnh giấc, thì ra ngày hôm ấy chính là bữa quân Hạ-nhược-Bật tự Quảng-lăng kéo tới, đã sang được qua sông ; Hàn-cầm-Hổ cũng đem thêm 500 tinh-binh từ Hoành-giang thẳng tới Thái-thạch. Viên tướng trấn-thủ ở đó là Từ-tử-Kiến thấy vậy, liền một mặt thảo sớ về triều cáo-cấp, một mặt sửa-soạn đem quân ra giữ. Song quân lính ngày tết, anh nào anh ấy đều quá chén say khướt, không còn lấy một người cầm nổi khẩu súng ! Tử-Kiến thấy sự-thế nguy-cấp, vội bỏ cả quân, một mình đi thuyền về thẳng Thái-thạch cáo-cấp ; về đến nơi, Trần-chủ đương còn say rượu chưa tỉnh, phải chực mãi đến triều tối mới được vào yết-kiến. Sáng hôm sau họp triều-thần bàn định việc xuất-quân, suốt một ngày chỉ những bàn ra luận vào, chẳng được việc gì ; mãi đến ngày mồng bốn mới sai bọn Tiêu-ma-Kha, Lỗ-quảng-Đạt chia đường đem quân ra cự-chiến. Tiêu-ma-Kha bàn nên thừa lúc Hạ-nhược-Bật mới đến Trung-sơn, chưa kịp sửa-soạn phòng-bị, thì ập tới đánh ngay ; Nhiệm-Trung thì bàn nên đem 10.000 tinh-binh và 300 chiến-thuyền đóng chặn lối sau. Trần-chủ nhất-khái không nghe chước nào cả. Đến sáng ngày mồng 8 đốc-thúc các tướng ra trận ; bấy giờ duy có một mình Lỗ-quảng-Đạt là chịu xuất tử-lực ra đánh thôi ; quân của Khổng-Phạm vừa giao-chiến với toán quân 300 thủ-hạ của Nhược-Bật được một hồi, thì liền thua bỏ chạy ; Tiêu-ma Kha bị quân địch bắt, còn Nhiệm-Trung chạy thoát chốn về triều được. Trần-chủ thấy Nhiệm-Trung thua về, cũng không trách-phạt gì, lại ban cho hai hòm vàng bạc, khiến mộ thêm quân ra trận. Không ngờ Nhiệm-Trung lần này đem quân đi, đến núi Thạch-tử gặp Hàn-cầm-Hổ, liền đem ngay quân ra đầu-hàng, rồi lại dẫn lối cho Cầm-Hổ tiến đánh kinh-thành nữa. Bấy giờ dân-sự trong thành sôn-sao kinh-sợ, ai nấy sớn-sác tìm đường chạy trốn, mà Trần-chủ vẫn không ngờ, vẫn điềm-nhiên ngồi ngáy trên điện ngóng tiệp-âm ! Mãi sau, biết là quân Tùy đã tiến đến kinh-thành, mới thất-kinh, hốt-hoảng bỏ cả ngai vàng chạy trốn. Viên-Hiến thấy vua cuống-quít chạy trốn, bèn ngăn lại và tâu rằng :

— Tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ cứ trỉnh-túc y-quan, ngự trên điện, thì chắc rằng dẫu muôn một có thế nào nữa, hắn cũng không khi nào dám phạm đến thánh-thể !

Trần-chủ bấy giờ càng sợ cuống lên mà rằng :

— Không xong ! không thể được ; quân Tùy đã kéo đến nơi rồi, ngồi sao cho yên !...

Vừa nói vừa chạy xộc vào hậu-cung, tìm Trương-phi và Khổng-tân mà rằng :

— Bây giờ quân Tùy kéo đến đánh thành, sự-thế đã nguy-cấp lắm ! Hai ái-khanh phải đi theo trẫm để kiếm nơi cùng ẩn-nấp mới được, không nên chạy tán-loạn mỗi người mỗi nơi !...

Nói vậy, rồi tay tả liền dắt Trương, tay hữu dắt Khổng lật-đật tất-tả cùng chạy... vừa chạy đến bờ giếng Cảnh-dương, thì nghe thấy tiếng địch-quân kéo đến ầm ầm từ-phía, sợ rối lên mà rằng :

— Thôi hỏng ! hỏng ! không chạy thoát rồi ! nguy mất !...

Đoạn, toan dắt nhau nhảy cả xuống giếng, thì lại có người ngăn cản, Trần-chủ xô-đẩy mãi mới nhảy thoát cả xuống giếng. Cũng may, hồi đó đương vào đầu xuân, giếng cạn không có nước, nên không đến nỗi chết đuối. Hậu-chủ (Trần-chủ) khi đã xuống giếng, nói với Trương, Khổng rằng :

— Này, dẫu ta ẩn dưới này, may mà thoát nạn ; nhưng đã xuống đây, cũng khôn đường mà lại lên được nữa đâu !

Ba người đứng dưới giếng, bấy giờ nghe thấy tiếng quân Tùy đi sục các cung-nữ và châu-báu ồn-ào ; chúng đi lùng khắp nơi, chỉ thấy Chánh-cung là Thẩm-thị, vẫn ngồi chễm-chện trong cung và Thái-tử đóng cửa ngồi một mình trong lầu, không thấy Trần-chủ đâu cả. Lúc đó có kẻ cung-nhân nói rằng :

— Hồi nãy vừa thấy nhà-vua chạy ra bờ giếng, có dễ nhảy xuống giếng tự-trầm rồi, cũng nên !...

Chúng nghe vậy, liền kéo nhau ra giếng, dòm xuống xem, thì thấy dưới giếng tối om, hình như thấp-thoáng có bóng người ; chúng bèn vần đá

tảng lăn xuống, xem nông sâu thế nào, để liệu cách xuống bắt. Hậu-chủ thấy chúng ném đá xuống, kinh-hoảng kêu rầm lên :

— Thôi ! các ngươi không việc gì phải ném đá xuống ! Cứ lấy thừng dòng xuống, là ta tự lên ngay ! . . .

Chúng vội-vàng lấy thừng dòng xuống giếng, dài đến 10 trượng mới tới nơi ; mãi nửa ngày trời, sau mới thấy tiếng Hậu-chủ nói lên rằng :

— Hễ các ngươi dòng được ta lên, ta sẽ có trọng-thưởng ; nhưng, các ngươi phải làm cho vững-chãi cẩn-thận, chớ để lên đến nửa chừng nhỡ mà lại rơi xuống thì nguy mất !

Khi đầu chúng cho hai người gia sức kéo không chuyển ; lại cho bốn người hết sức kéo cũng vẫn không chuyển. Mãi sau chúng phải xúm đông lại, reo hò cố sức kéo mãi mới lên được, thì té ra cả Hậu-chủ và Trương, Khổng một xâu ba người bíu vào đầu thừng cùng lên ! Chúng thấy vậy cười rầm lên. Khi đã kéo lên, liền đem Hậu-chủ đến nộp Hàn-cầm-Hổ ; buổi chiều, Hạ-nhược-Bật vào thành, lại mời Hậu-chủ vào hỏi, Hậu-chủ thấy Nhược-Bật uy-phong lẫm-liệt, có ý run-sợ, Nhược-Bật mỉm cười mà rằng :

— Hậu-chủ hà-tất phải thế ; bây giờ rồi cũng là một vị qui-mạnh Hầu, có can chi mà phải sợ !

Rồi để Hậu-chủ và các cung-nhân tạm-trụ tại điện Đức-giáo, cắt lính canh-gác bên ngoài rất cẩn-mật. Bấy giờ Tấn-vương kéo quân đi sau, sai Cao-Cảnh và Lý-Uyên đi hiểu-dụ an-phủ dân-gian và nghiêm-cấm quân-lính không được cướp phá nhũng-nhiễu. Cao-Cảnh và Lý-Uyên vâng lệnh vừa đi tới Kiến-khang, đương phủ-dụ dân-chúng, cấm-ước quân-sĩ, bắt những kẻ loạn-chính nước Trần ; thì thấy Tấn-vương sai con Cao-Cảnh là Cao-đức-Hoằng đến truyền bắt Trương-lệ-Hoa đem về. Nguyên Tấn-vương xưa nay là người đĩnh-đạc, không hề thấy đam-mê nữ-sắc bao giờ; nay đi xa nhà, nghe Trương-lệ-Hoa là người nhan-sắc, liền sai người đi bắt ; thấy vậy, Cao-Cảnh lấy làm nghĩ, mà rằng :

— Tấn-vương làm quan Nguyên-súy, phụng-mạnh đi đánh kẻ tàn-bạo để cứu lũ dân lành, bây giờ há lại nên lấy việc nữ-sắc làm đầu sao ?

Nói thế, rồi không cho đem Lệ-Hoa về nộp Tấn-vương, Cao-đức-Hoằng thấy vậy, liền thưa rằng :

— Thưa cha, Tấn-vương binh-quyền ở tay, nay có một việc thế mà cha không chiều cho được đẹp ý ngài, con e rằng chẳng kẻo ngài đem lòng hờn-giận, thì lại thêm khó ra .....

Lý-Uyên nói với Cao-Cảnh rằng :

— Thưa ngài, hai nàng Trương, Khổng hồ-mỵ làm mê-hoặc Trần-chủ, trộm quyền loạn chính, đến nỗi Trần phải diệt-vong, ta há nên dung-túng hai con yêu-quái ấy để lại làm ô-uế nước Tùy ta nữa sao ? Chi bằng bây giờ giết quách cả đôi đi cho rồi ! Như thế thì lại tuyệt được cả cái tà-niệm của Tấn-vương nữa, càng là hay lắm.

Cao-Cảnh gật đầu mà rằng :

— Tướng-quân nói phải lắm, ấy ngày xưa ông Thái-công sở-dĩ che mặt không nhìn nàng Đát-Kỷ, cũng là vì nếu lưu Đát-Kỷ thì sợ hắn lại làm hoặc vua loạn nước đó thôi ; ta ngày nay lại còn nên lưu Lệ-Hoa để làm hoặc Tấn-vương sao ?

Hai người quyết định, liền sai đem cả Trương, Khổng ra chém. Cao-đức-Hoằng cố sức can ngăn không được.

Trương, Khổng đã bị giết, Đức-Hoằng tức-ngữ trở về ; về đến hành-doanh, Tấn-vương vừa trông thấy vội mừng hỏi rằng :

— Trương-lệ-Hoa cũng về đó chứ ?

Đức-Hoằng có ý sợ, bèn kiếm cớ thoái-thác, đổ cả lỗi cho Lý-Uyên mà rằng :

Tâu Điện-hạ, kẻ hạ-quan vâng lệnh Điện-hạ ra Kiến-khang, phụ-thân kẻ hạ-quan được lệnh Điện-hạ truyền, thì tức-thời sửa-soạn xe kiệu và tuyển thêm 10 người tân-ngự thật đẹp nữa để cùng với Lệ-Hoa về dâng Điện-hạ. . . .

Tấn-vương nghe chưa dứt lời, liền cả cười mà rằng :

Ừ, nếu ta không sai nhà-ngươi đi, thì cứ những một Cao-Cảnh vị-tất đã biết làm được vậy !

Đức-Hoằng lại vội nói tiếp luôn rằng :

— Nhưng, tâu Điện-hạ, chỉ chướng vì có Lý-Uyên ngăn-trở ! Hắn nói : « Cái yêu-quái không nên lưu lại để di-họa về sau ! » rồi đem cả Trương và Khổng ra chém mất rồi !...

Tấn-vương nghe nói, liền nổi giận mà rằng :

— Ô hay ! Thế sao cha ngươi lại để hắn làm càn như vậy ?

Đức-Hoằng thưa :

Kẻ hạ-quan cùng phụ-thân đã hết sức ngăn cản, mà hắn nhất-khái không chịu nghe, lại còn trách cha con kẻ hạ-quan là dùng mỹ-nhân-kế để làm hoặc Điện-hạ . . . . .

Tấn-vương cả giận mà rằng :

À, thế ra Lý-Uyên vô-lễ thật ! Hắn vốn là đứa rượu chè giai gái, chắc rằng vì hắn thấy hai nàng Trương, Khổng nay về tay ta, hắn tức, không được ăn liền đạp đổ, giết đi cho bõ, nên mới nỡ hạ độc-thủ giết hại người ta ! . . . Nhưng, cũng là tại ta không nghĩ chín, ta vội quá, giá ta cứ để yên, chậm lại một vài bữa, thân-hành đến Kiến-khang truyền lệnh bắt cả Trần-thúc-Bảo (Trần-chủ) và gia-thuộc giải cả về, thì khi ấy còn ai dám ngăn-cản, mà ngăn-cản sao được, túng sử Lý-Uyên có can-ngăn nữa, ta một mực không nghe, thì hắn làm gì nổi ! Thôi ! Sự đã lỡ rồi ! Chẳng qua là tại ta không tính ra ! Là thất-sách tự ta ! Thương hại ! Làm cho hai mỹ-nhân thác-oan ! Thế là ta chẳng cầm gươm giết Lệ-Hoa, nhưng Lệ-Hoa chính vì ta mà bị hại đó ! Thế nào ta cũng phải giết được Lý-Uyên để giả thù cho hai oan-hồn, thì mới nghe, thì mới hả ! . .

Tấn-vương bấy giờ tuy trong lòng buồn-bực căm-tức, mà ngoài mặt vẫn phải làm ra vẻ ung-dung như thường ; hôm mới thoạt đến Kiến-khang, liền cho đòi Thi-văn-Đạt, Thẩm-khách-Hữu, Dương-tuệ-Lãng, Từ-Thệ và Chiêm-Cảnh là năm đứa nịnh-thần, dua-nịnh, tham-nhũng, mạn phép, hại dân, đều sai đem ra trước thạch-quan chém đầu ; lại đem bọn Khổng-Phạm, Vương-Tha đầy ra nơi biên-duệ, để yên-uỷ lòng oán-giận của họ Ngô ; rồi sai viên Thư-ký Súy-phủ là Bùi-Củ thâu giữ các sổ sách giấy má và niêm-phong các kho-tàng, không tơ-hào lấy thứ gì, để giữ tiếng. Lại trọng-trách Hạ-nhược-Bật vì lỗi trái quân-lệnh ; dâng

sở hặc Lý-Uyên trễ-biếng, không giữ hết chức-sự và xin bắt về triều trất-vấn.

Tùy-chủ vốn biết Hạ-nhược-Bật có công đánh được Trần, và Lý-Uyên là người trung-trực, nên đều sá cả. Lại cho vời Nhược-Bật về trước và ban thưởng cho rất hậu.

Bấy giờ còn các châu quận nào chưa hàng-phục, thì triều-đình sai các Tổng-binh, Đốc-quân đem quân đi dẹp yên. Xuyên-thục, Kinh-sở, Ngô, Triệu, Vân, Qui đều qui-hàng, thiên-hạ lại nhất-thống. Duy còn Lĩnh-nam chưa phụ vào đâu, có mấy quận tôn Cao-kinh-quận Thạc-long phu nhân là Tầy-thị lên làm chủ; phu-nhân là vợ Phùng-Bảo người nước Trần mà là mẹ Phùng-Bộc, nghe nói Tùy đánh được Trần, liền nổi quân giữ bờ-cõi, đắp thành để phòng-thủ, dân miền ấy gọi phu-nhân là thánh-mẫu mà gọi thành là phu-nhân-thành. Tùy thấy thế, sai quan Trụ-quốc là Vy-Quang ra an-phủ Lĩnh-ngoại, phu-nhân đem quân chống cự không cho tiến; sau Tấn-vương phải nói với Trần-chủ viết thư đưa cho phu-nhân, dụ lấy lẽ nước Trần đã mất, thì nên về hàng phục Tùy... Phu-nhân nhận được thư của Trần-chủ, liền họp các tướng-tá đến vài nghìn người, than-khóc suốt ngày, quay mặt về phía bắc lạy tạ; rồi sai cháu là Ảng đem quân ra đón vào Quảng-châu, phu-nhân mặc áo giáp, cưỡi ngựa, che tàn gấm, dẫn các kỵ-vệ đi theo chiếu-thư, xưng là sứ-giả vâng mạnh đi tuyên-dụ đức-ý triều-đình. Phu-nhân đi phủ-dụ khắp ngoại mười châu quận, đi đến đâu, đấy đều qui-hàng, được tất cả 30 châu, 100 quận, 400 huyện. Ảng được phong làm Nghi-đồng tam-tư; phu-nhân được sách-phong là Tống-khang-quận Thái-phu-nhân và được ban cho huyện Lâm-trấn làm thang-mộc-ấp, một năm một lần tiến-cống, ba năm một lần triều-cận. Phu-nhân hưởng-thọ ngoại bát-tuần; trí, dũng, phúc, thọ kiêm-toàn, thật là một vị cổ-kim đệ-nhất nữ-tướng.

Nói về tháng ba năm ấy, sau khi đã đánh được Trần, dẹp yên đâu đấy, Tấn-vương lưu Vương-Thiều ở lại giữ Kiến-khang; rồi Tấn-vương tự đốc đại-quân, đưa Trần-chủ và các tôn-thất, tân-ngự nhà Trần cùng văn-vũ bách-quan từ Kiến-khang trở về; đến tháng tư về tới Trường-an, làm lễ hiến-phu ở Thái-miếu xong, được tiến làm Thái-uý và được ban lộ-xa, cổn-y, huyền-ngọc, bạch-bích; Dương-Tố được phong Việt-công; Hạ-nhược-Bật, Hàn-cầm-Hổ đều tiến chức Thượng-trụ-quốc và Nhược-Bật được phong Tống-công, còn Cầm-Hổ nhân có lỗi dung-túng quân-sĩ vào nhiễu-loạn Trần-cung, nên không được phong tước; Cao-Cảnh được gia chức Thượng-trụ-quốc, tiến-tước Tề-công; Lý-Uyên thăng chức Vệ-uý thiếu-khanh, là vì nhân Tấn-vương có ý bất-bình, không cho liệt vào hạng có công, nên chỉ được thưởng soàng như vậy. Lý-Uyên được vậy cũng không có ý phàn-nàn chi cả, chỉ mừng thầm rằng thật may Tấn-vương lại được phụng-chỉ ra trấn-thủ Dương-châu ngay, không hay thời-thường được ở gần Tùy-chủ mà gièm-bàng. Duy có một điều, Tấn-vương uy-quyền ngày càng lớn, mạc-khách rất nhiều, mà toàn là những tay kiệt-sĩ cả. Nên chi cái lòng âm-mưu của Tấn-vương ngày càng sốt-sắng; lại được trong có Độc-cô hoàng-hậu phù-trì, ngoài có Vũ-văn-Thuật bày mưu lập kế, thì còn lo gì mà việc chẳng làm xong.

(Còn nữa)

NHAN SẮC GIẾT NGƯỜI

(Cảnh-thế luân-lý tiểu-thuyết)

« *Coong! Coong!* » Đồng hồ đã đánh hai giờ chiều, mà cửa phòng số 30 ở nhà *săm* kia vẫn đóng im-ỉm. Thằng bé con bồi-săm đập cửa gọi khách dậy, mà hồi lâu trong phòng vẫn không ai thưa. Gọi mãi không được, chủ săm bèn phải bảo cậy cửa phòng vào xem.

Cửa phòng vừa mở toang ra, thì một cái cảnh-tượng rất là gớm-ghê đã bày ra ở trong phòng: một người khách-lai nằm sóng-sượt trên giường, con dao nhọn cắm suốt cổ-họng, máu chảy đầm-đìa, quanh cả cái thây, mùi tanh-hôi sực lên. Chủ săm kinh hồn mất vía khép ngay cửa phòng lại, rồi đi trình sở Cảnh-sát.

Quan Cảnh-sát hỏi thì người chủ săm khai rằng: « Đêm hôm qua, khi xe hỏa Haiphong lên được một lát thì một người đàn ông và một người đàn bà đến thuê cái phòng ấy. Người đàn bà thì khăn vuông chùm kín mặt, không rõ là người thế nào. Độ quá bốn giờ sáng, người đàn-bà ra về, người đàn-ông ở lại, cửa phòng vẫn đóng kín. Hai người hành-khách đó, tưởng cũng như mọi cặp trai gái khác thuê phòng xưa nay, không có gì là lạ cả. Không ngờ đến trưa nay cửa phòng đóng mãi, cậy cửa vào thì thấy như vậy. Còn cái thìa-khóa cửa thì mất, có lẽ người đàn-bà ra khóa lần ngoài lại, rồi đem thìa-khóa đi... »

Khám biên xong, quan Cảnh-sát cứ chiếu trong cái tờ khai (1) của người chết khai khi đến thuê phòng mà tư ra Haiphong gọi thân-nhân người chết lên nhận.

(1) Bulletin à remplir par chaque voyageur.

Song người ấy vì sao mà bị giết, thì đó còn là một sự rất bí-mật, không ai đoán ra. Hung-thủ là người con gái kia chăng? Không lẽ một cặp trai gái đã thuận tình đi với nhau, mà gái lại cả gan giết tình-nhân được. Hay là có người đàn-ông khác nữa vì sự ghen-tuông mà hạ độc-thủ chăng? Tuyệt-nhiên từ khi hai người đến thuê phòng thì không ai thấy có người đàn-ông nào khác lai vãng đến đó cả. Người đoán thế này, kẻ đoán thế khác, không biết thế nào là đúng cả. Các thầy mật-thám hết sức do-thám mà cũng không biết mành-mối tự đâu.

* * *

Người bị giết trong săm đó là một người khách-lai có cửa hiệu buôn bán ở Haiphong. Sau khi người khách-lai bị giết được một hôm, thì nhà sế cửa hiệu hắn là nhà một thầy Thông mới chết được vài tuần-lễ, cũng xảy ra một cái án-mạng bí-mật, tức là việc cô Giáo vợ thầy Thông tự-nhiên không đau ốm gì mà chết.

Quan Cảnh-sát đến khám biên, hỏi mụ vú-già là người nhà cô Giáo, thì mụ khai rằng mấy hôm trước cô Giáo đi Hanoi, đến sáng hôm sau về, trông người xanh-xám mà có dáng hoảng-hốt, cả ngày âm-thầm, không ăn uống gì cả. Đến tối hôm sau đi sắm sửa đồ lễ, rồi đêm khuya lễ ở bàn thờ thầy Thông. Khi sắp lễ, cô Giáo đuổi mụ xuống nhà dưới ngủ, rồi cô đóng cửa lại để lễ. Đến sáng ra, cửa cứ đóng mãi, đạp cửa vào xem, thì thấy cô Giáo nằm gục ở trước bàn thờ, mình

mặc tang-phục chỉnh-tề, tay cầm một cái chén, y như cảnh-tượng lúc trình quan đến khám.

Cái chén ấy, quan thầy thuốc xét nghiệm ra còn dấu thuốc độc, biết rằng cô Giáo đã uống thuốc độc tự-tử.

Tuy vậy, cô Giáo vì sao mà tự-tử, vẫn chưa ai đoán ra. Có người tinh ý cho rằng sự tự-tử này có liên-can với việc người khách-lại bị giết ở săm Hanoi. Song liên-can thế nào cũng không biết rõ.

* * *

Chiều hôm đó, khi đám ma cô Giáo sắp khởi-hành, có một cái xe ở ga kéo đến, một người thiếu-phụ lật-đật trên xe bước xuống, khóc than rất thảm-thiết. Người thiếu-phụ ấy tuổi độ hai mươi, người rất xinh, nét mặt hao-hao giống cô Giáo, ai cũng biết đó là em gái cô vậy. Duy có một điều ai nấy đều phải lấy làm lạ, là em cô lấy chồng ở tỉnh khác, sao cô mới chết buổi sáng, không ai đánh giây thép gọi, mà em cô đã biết tin kịp đến ngay như thế ? Hỏi thì người thiếu-phụ ấy nói rằng buổi sáng có tiếp được một bức thư tuyệt-mệnh của cô Giáo gửi từ hôm trước, cho nên vội-vàng phải đi chuyến xe chiều ra ngay.

Vừa nói, người thiếu-phụ ấy vừa sụt sùi, tay móc túi chìa ra một bức thư cho mọi người đều xem.

Thư như sau này :

« Em ơi ! Khi em tiếp được thư này, « có lẽ chị đã xa lánh cõi trần rồi, « em ạ ! Nghe câu ấy, hẳn em phải « lấy làm ngạc-nhiên, phải lấy làm bồi-« hồi trong dạ, song xin em cứ yên-« tâm để chị nói cho mà nghe ; chị « nay chết đi, linh-hồn thực được mát-« mẻ, chứ không còn có điều gì đáng « hối-hận đáng phàn-nàn nữa đâu.

« Chị cùng anh Thông kết duyên « hơn một năm trời nay, phận xướng-« tùy rất là êm đẹp, cũng mong đồng-« tâm một giải, ân-ái trăm năm. Chẳng « ngờ đến cuối tháng trước anh Thông « cảm sốt loàng-soàng thế thôi, mà « bỗng lìa trần-thế ! Tuy sự sống chết « của người ta vẫn do thiên-mệnh, « song anh Thông mất đi, cái duyên-« cớ thực cũng không phải là không « tại chị, mà nói cho đúng hơn là tại « cái nhan-sắc chẳng ra gì của chị ! « Nói thế, tất em lấy làm lạ. Không « phải chị lấy cái nhan-sắc của chị « mà giết anh ấy đâu, song chính vì « cái nhan sắc của chị mà có người « giết anh ấy dấy !

« Ngày năm ngoái em ra chơi với « chị, hẳn em từng đã thấy người « khách-lại trẻ tuổi ở sế cửa nhà chị « mà vẫn đi lại chơi với anh Thông. « Ấy dấy, chính là đứa giết anh Thông « dấy ! Tên khách-lại ấy lúc bé là bạn « đồng-học với anh Thông, cho nên « sau này hai người chơi với nhau « thân thiết lắm. Nhưng hắn vốn là « một đứa kém giáo-dục, chỉ thắng « cái bộ công-tử-bột để dong chơi ; « bắt cứ vợ con ai, hễ hơi có chút « nhan-sắc, là hắn liền thả ngón quyến « oanh dủ yến, không từ ai hết. Hắn « đi lại với anh Thông sở-dĩ thân-mật « có lẽ cũng vì hắn thèm-thuồng cái « nhan-sắc của chị. Nhiều lần hắn tỏ « ý lả-lơi, chị đã nghiêm-sắc mà cự « lại ; vì mình dẫu chẳng dám nhận « rằng có đức-hạnh gì cho lắm, song « nhờ cha mẹ ma đã theo đòi được « đôi chút học-vấn, bao giờ mình « cũng phải giữ lấy thân mình cho « tuyết sạch giá trong, khi nào lại chịu « để cho những cái bộ cánh hào-« nháng, những lời nói đường mật « nó làm cho mất cả phẩm-giá, thương « đến luân-lý được. Chị cũng lại « thường khuyên anh Thông nên xa « con người ấy ra, vì nó đã có cái tâm « bất-lương, mà mình còn thân-thiết « mãi, thì có khi không khỏi cái họa « rước voi dầy mồ. Nhưng anh Thông « vốn là người quá thực thà, một mực « cứ tin ở cái cách khôn khéo bề ngoài « của hắn, mà không nghĩ đến những « biến-cố có thể xảy ra, thường gạt lời « khuyên của chị đi mà cứ thân với « hắn mãi. Cũng lại còn một cớ nữa « khiến cho hắn ngày một thêm thân, « là một đôi khi trong nhà túng tiền « cần có việc tiêu, thì hắn sẵn lòng « giúp đỡ một cách tử-tế, nên anh « Thông lại càng không tuyệt được « hẳn lắm. . .

« Trung-tuần tháng trước, anh Thông « bị đau ; tuy cũng là ốm soàng mà thôi ; « song hắn đi lại trông nom săn-sóc « lắm. Trong khi đó chị cũng không « ngờ. Biết đâu khi săn-sóc ấy chính « là khi hắn toan mưu hại bạn cướp « vợ ! Ấy cũng mãi đến sau khi anh « Thông mất rồi, chị mới xét ra « như thế. Cảm-sốt soàng không lẽ đã « chết ngay được ; thì ra trong khi « thuốc thang nước-nôi, hắn thừa cơ « mà bỏ thuốc độc vào cho anh Thông « uống. Nếu không thế, thì sao đương « tỉnh-tao lại thốt nhiên chết liền, mà « khi chết rồi, diện-sắc vẫn còn tươi-« tốt ?.. Biết đích rằng vậy, mà phải « cắn răng đành chịu, vì nếu trình báo « ra, thì ắt không khỏi được sự mổ « thày khám nghiệm lôi-thôi, mà cái « tội-ác ấy cũng khó truy ra được, có « lẽ lại lỗi ở mình nữa. Nghĩ vậy, chị « đành phải nuốt cay ngậm đắng mà « mang một cái tội tự-nhiên, chỉ đợi « cơ hội báo thù thời mới hả giận.

« Từ đó, bụng chị không lúc nào là « không căm tên khách ấy, cũng không « phút nào là không nghĩ cách báo « thù. Anh Thông mất rồi, hắn cũng « vẫn thời-thường đi lại, hắn lại táo « gan đến thư giấy cho chị nữa. Ý « hẳn hẳn nghĩ rằng chị đương tuổi « trẻ đầu xanh khó mà đứng vậy được, « và hắn lấy bạc vạng mà mua chuộc « thì chị tất phải siêu lòng. Nhưng « cách ấy thì ra với những gái kém « đường giáo-dục, đội lốt văn-minh, « hoặc là những ả buôn phấn bán « hương, họa chăng có được, chứ dạ « này đã quyết không đâ chuyển, thù « kia lại chẳng đội trời chung, thì hắn « dẫu xoay xở trăm khoanh, cũng chỉ « càng thêm làm trò cười vô-ích.

« Thôi vậy chị không ra mặt cự-« tuyệt, mà phải giả dạng bằng lòng, « vì đó chính là cái cơ hội rất may « cho sự báo thù mà chị đã định liệu « vậy. Hắn thấy chị bằng lòng thì « mừng rỡ lam. Chị lợi dụng ngay « cái cơ một tỉnh mười mê của hắn « một cách rất diệu, là dủ hắn cùng « đi chơi Hanoi mấy hôm. Hắn rất « lấy làm thích chí. Chị bèn đi sắm « ngay một con dao găm rất sắc, để « dao này sẽ liệu với ai sau này.

« Hôm sau hai người cùng đi chuyến « xe tối lên Hanoi. Đến nơi, lên cao-« lâu chè chén, xong rồi đi thuê một « cái săm. Hắn tưởng phen này hẳn « được thỏa cái chí-nguyện bấy nay, « liền toan những hoa kia nguyệt nọ. « Nhưng chị đã giữ không để cho hắn « phạm được đến mình, vì khi ở cao-« lâu chị đã khuyên mời cho hắn « uống thực nhiều rượu say lử đi, « khi vào săm chị lại ngọt ngào khuyên « han hẫy nằm nghỉ yên một lát, rồi « chị ngồi bên vỗ-về làm cho hắn phải « ngủ đi, để tiện việc mình. Hắn cũng « nhân mệt và say mà ngủ quên đi « thực. Chị bèn rút ngay dao trong « lưng ra đâm vào giữa cổ-họng hắn

« một nhát rất mạnh... máu chảy vọt « ra, ấng-ặc mấy tiếng, thế là con « người gian-ác ấy đi đời... Chuyện « người khách mới bị giết ở trong « săm mà ở Hanoi đương huyên-truyền « mấy hôm nay là chuyện ấy đó.

« Bây giờ thù kia đã rửa sạch, thân « này vẫn giữ trong ; đối với lương-« tâm với luân-lý, chị cũng có thể cáo-« vô-tội rồi. Song chị nghĩ chỉ vì một « chút hồng-nhan mà sinh ra bao « cái thảm-kịch thì chị lấy đời làm « ghê gớm quá ; bỏ đời mà đi, cũng « không còn cái gì đáng thương đáng « tiếc nữa... Thôi ! Chào em ! »

Nguyễn-Thượng-Huyền

NƯỚC CỨU-SINH

Ngày xưa có một ông vua ốm sắp thăng hà. Vua có ba người con rất là yêu quí.

Một hôm ba người ngồi chơi trong vườn đương than-thở thì có một ông lão già đến hỏi vì cớ gì mà buồn rầu thế. Ba người nói cho ông lão ay biết là vì vua ốm nặng, thuốc-thang chẳng có công-hiệu gì, có lẽ không qua khỏi được.

Ông lão ấy nói rằng :

— Tôi có biết một thứ thuốc là nước cứu-sinh. Nếu vua uống thì sẽ khỏi ngay, nhưng nước ấy không dễ tìm đâu.

Ông Hoàng cả nói :

— Tôi sẽ tìm được.

Rồi ông đến chỗ vua nằm, xin phép đi tìm thứ thuốc ngự-dụng ấy. Nhưng vua bảo rằng thà chịu chết còn hơn để cho con phải dấn mình vào sự nguy-hiểm để đi tìm thứ nước ấy. Ông xin mãi rồi vua cũng phải bằng lòng. Ông bụng bảo dạ rằng : « Nếu ta lấy được nước ấy về cho cha ta thì ta sẽ được yêu quí hơn cả, rồi được truyền ngôi nữa ».

Nghĩ vậy rồi lên đường, đi một quãng đã lâu thì gặp một thằng lùn nó hỏi đi đâu mà vội thế. Ông ra dáng kiêu-ngạo mà trả lời rằng :

— Thằng lùn quái-ác kia, việc người ta không can-dự gì đến mày cả.

Nói thế rồi lại đi luôn. Nhưng thằng lùn cắm cầu trả lời ấy, bèn làm cách chơi khăm. Một lát thì ông Hoàng ấy đi vào hai quả núi, đường hẻm khe núi thu lại chật quá đến nỗi đi lên không được, mà quanh lại cũng không. Muốn đặt chân xuống đất cũng chịu phép nốt, thành ra hãm vào một chỗ mất ngóc-ngách nữa. Vua ở nhà đợi mãi mà Hoàng-tử chẳng về.

Bấy giờ ông Hoàng hai lại xin vua cho phép đi tìm nước cứu-sinh. Trước vua còn không thuận, nhưng sau rồi cũng lại phải cho đi.

Hoàng-tử này cũng đi một đường lại cũng gặp thằng lùn đón đường và hỏi đi đâu mà vội thế.

— Thằng lùn quái-ác kia, việc người ta không can-dự gì đến mày cả.

Ông trả lời thế rồi lại cắm cổ đi luôn.

Nhưng thằng lùn cũng chơi khăm cho một miếng, ông cũng lại bị như anh phải hãm vào trong một cái khe

núi không ra được nữa. Thế là đáng kiếp cho những người kiêu-ngạo.

Ông Hoàng ba thấy hai anh không về, lại xin phép vua cha cho đi tìm nước, vua cũng cho đi.

Ông cũng lại gặp thằng lùn, song khi nó hỏi đi đâu vội thế thì ông dừng ngựa lại, rồi trả lời một cách tử-tế rằng :

— Tôi đi tìm nước cứu-sinh, vì cha tôi đã gần hấp-hối.

Thằng lùn lại hỏi rằng :

Thế ông có biết tìm ở đâu không?

Hoàng-tử trả lời :

— Không.

— Để tôi bảo chỗ cho, rồi tôi bảo cả cách làm thế nào thì đến đó được, vì ông là người có lễ-độ hơn các anh ông. Nước cứu-sinh chảy ra tự một cái giếng ở trong sân một cái lâu-đài phù-thủy. Không có cái gậy thần-sích bằng sắt và hai cái bánh mà tôi sẽ cho ông này thì ông không vào được đấy đâu ! Lấy gậy ấy đập vào cửa lâu đài ba lần thì cửa tự mở ra ; vào đến trong ông sẽ thấy hai con sư-tử nó chực vồ ông, ông vứt cho mỗi con một cái bánh thì nó sẽ nằm yên, rồi ông phải đi lấy mau ngay nước cứu-sinh, trước khi đồng-hồ đánh mười hai tiếng, vì lúc ấy cửa sẽ đóng thì ông sẽ bị nhốt đấy.

Ông Hoàng ba cảm ơn tử-tế rồi cầm gậy thần-sích và bánh, lại đi. Đi đến nơi thấy quả như lời thằng lùn bảo trước cả. Gậy đập ba lần thì cửa mở ra, vứt bánh cho sư-tử rồi thì Hoàng-tử vào trong lâu-đài. Ông lại vào trong một cái phòng to trần-thiết rất là sang trọng, có các ông Hoàng bị phép phù-thủy ngồi đó. Ông tháo lấy những nhẫn ở ngón tay các ông kia, lại lấy một cái bánh và một thanh kiếm trông thấy ở đó.

Ông lại thấy ở trong một cái phòng khác có một vị công-chúa tươi đẹp nhìn rất sướng mắt, ông hôn rồi nói rằng đã trừ bỏ được cái nghiệt-kiếp nó hãm hại công-chúa.

Công-chúa bảo Hoàng-tử trong một năm nữa lại đến, thì bấy giờ sẽ làm lễ cưới, rồi Hoàng-tử sẽ được nước.

Rồi công-chúa lại chỉ cho biết chỗ có nước cứu-sinh và bảo phải lấy mau mau trước khi đồng-hồ đánh mười hai tiếng. Hoàng-tử đi mãi rồi đến một cái phòng, thấy có một cái giường. Nhân mệt quá, Hoàng-tử muốn nằm nghỉ một lúc. Nằm rồi ngủ đi mất. Khi trở dậy đồng-hồ đã đánh mười một giờ ba khắc. Hoàng-tử dậy, vội-vàng chạy ra giếng. Nhân có cái bình đựng nước để đó, bèn múc nước rồi vội trở ra về. Đi đến cửa thì đồng-hồ vừa đánh mười hai tiếng, cửa đóng lại mạnh quá đến nỗi kẹp mất phăng một miếng gót chân.

Nhưng may đã lấy được nước cứu-sinh rồi, Hoàng-tử lên đường đi về, rồi lại qua chỗ thằng lùn. Trông thấy thanh-kiếm và cái bánh, lùn bảo Hoàng-tử rằng :

— Ông lấy được những cái này thực là hay lắm, dùng thanh kiếm ấy sẽ phá được các quân-đội và cái bánh này không bao giờ hết cả.

Ông Hoàng ba không muốn về đến bên cạnh cha mà không có hai anh, bèn nói :

— Ông ơi, ông không thể bảo cho tôi biết các anh tôi ở đâu ư? Các anh tôi đi tìm nước cứu-sinh trước tôi mà không thấy về.

Lùn trả lời rằng :

— Hai người ấy bị hãm ở trong hai

quả núi kia, ấy cũng vì kiêu-ngạo nên tôi hành thế đấy.

Ông Hoàng ba kêu van mãi, thằng lùn mới thả cho hai anh ra, nhưng hắn bảo rằng :

— Ông đừng có tin họ, vì bụng họ xấu lắm.

Trông thấy hai anh, ông Hoàng ba rất là mừng rỡ, rồi kể nỗi dọc đường cho hai anh nghe : Nào là đã tìm thấy cái giếng nước cứu-sinh rồi lấy một bình đầy, nào là đã phá được cái nghiệt-kiếp nó hãm hại một vị Công-chúa, mà vị Công-chúa ấy đợi một năm nữa thì sẽ lấy mình và cho mình một nước lớn.

Ba người cùng trở về, đi qua một nước đương có việc binh-đao và nạn cơ-cận, vua nước ấy tưởng nếu trong nước cứ khổ nạn thế mãi thì mình cũng đến vong-thân.

Ông Hoàng ba bèn đến tận nơi vua nước ấy, đưa cho cái bánh nuôi được khắp cả nước và thanh-kiếm, nhờ có nó mà đánh được quân cứu-địch. Khi cái hòa-bình hạnh-phúc đã trở lại rồi, Hoàng-tử lại lấy lại cái bánh và thanh-kiếm, rồi ba anh em lại cùng lên đường đi về.

Nhưng qua hai nước nữa cũng lại có nạn binh-đao và cơ-cận. Cứ mỗi ông vua, Hoàng-tử lại đưa cho mượn cái bánh và thanh-kiếm, thế là cứu được cả thảy ba nước.

Rồi ba anh em xuống tầu, đi đường bể về.

Khi đi bể, hai anh bảo nhau rằng em ta đã tìm được nước cứu-sinh thì cha ta tất sẽ truyền nước cho nó. Nghĩ thế không thể chịu được, bèn định làm hại em. Đợi lúc em ngủ say, hai anh bèn lấy mất nước cứu-sinh ở trong bình rồi múc nước bể thay vào.

Về đến nhà, ông Hoàng ba đem nước để vua cha uống, nhưng vua uống mấy giọt nước mặn vào thì lại đau thêm hơn trước. Ông Hoàng em đương than-thở thì hai anh đến.

Hai anh vu cho em định đánh thuốc độc vua cha, và mình đem nước cứu-sinh thực đến dưng để vua uống. Vua vừa uống nước ấy vào thì khỏi hết cả đau, lại khỏe mạnh như lúc trai-trẻ.

Hai anh lại chế nhạo em và bảo em rằng :

— Em tìm được nước cứu-sinh thực, nhưng em chỉ uổng sức mà hai anh đây lại được thu công; đáng lẽ em phải tinh-khôn và cẩn-thận hơn mới được: chúng anh đã lấy nước của em lúc em ngủ trong khi đi bể đấy. Một năm nữa thì một người trong hai anh đây sẽ đến tìm vị công-chúa tuyệt-sắc kia. Nhưng những câu em nghe đấy em phải giữ chớ nói ra, vì cha không tin em đâu. Vả lại, nếu em tìm cách phản anh thì em sẽ mất đời, mà cứ im đi thì được yên thân.

Vua cha tưởng rằng con bé mình định làm hại mình thực, lấy làm giận lắm. Vua vời đình-thần hội-nghị định rằng bắn chết ông Hoàng ba một cách bí-mật. Một tên đầy tớ của vua phải đi cùng ông Hoàng ba đi săn, rồi vào trong rừng thì bắn.

Nhưng đến khi sắp bắn, Hoàng-tử trông thấy người vua sai đi cái việc ghê-gớm ấy có dáng buồn rầu, thì lấy làm lạ lắm, hỏi rằng :

— Ngươi làm sao mà buồn thế ?

Người ấy trả lời :

— Tôi không thể nói được.

— Cứ nói, ta tha lỗi trước cho.

— Than ôi ! tôi phải đi để bắn đức-ông, Hoàng-thượng truyền lệnh như vậy.

Hoàng-tử buồn rầu mà bảo người kia rằng :

— Ta cho anh bộ áo Hoàng-tử này, anh đưa áo của anh cho ta.

— Xin vâng ; tôi cũng không khi nào có cái can-đảm mà bắn đức-ông được.

Hai người đổi áo cho nhau, rồi đầy tớ thì về cung, còn Hoàng-tử thì vào rừng.

Cách đó đã lâu, ở nhà vua có ba cái xe kéo đến chở đầy vàng ngọc để tặng ông Hoàng-ba. Ấy là ba ông vua nhờ có thanh-kiếm của ông Hoàng-ba mà nước đã qua nạn và cái bánh mà dân đã phong-túc, nay muốn tỏ lòng nhớ ơn đó.

Vua nghĩ : « con ta có lẽ vô-tội ? » rồi bảo với quần-thần rằng :

— Chao ôi ! giá mà Hoàng-ba còn sống nhỉ, ta tiếc rằng đã sai giết nó đi.

Tên đầy-tớ nói rằng :

— Ông ấy còn sống, tôi không thể nào giết ông ấy được.

Rồi hắn kể cho vua nghe đầu đuôi câu chuyện thế nào.

Lòng vua như rất gánh đầy đổ đi, rồi vua sai yết lời dụ khắp mọi nơi rằng ông Hoàng-ba có thể về nước được, vua lại nhận tử-tế.

Nhưng khi ấy vị Công-chúa kia đã sai làm ở trước cung một con đường lát toàn vàng ngọc và dặn những lính canh rằng hễ người nào phóng ngựa đi giữa con đường ấy thì chính là người chồng bà chờ đợi, phải cho vào cung, còn những người đi bên đường thì phải đuổi ra.

Gần một năm sau khi ông Hoàng-ba đã vào đến chỗ vị Công-chúa kia, thì ông Hoàng-cả lên đường đi để tự nhận mình là người cứu Công-chúa.

Trông thấy con đường quí-hóa như thế, ông tự nghĩ : « Dẫm chân lên đây thực là tai hại » rồi bẻ cương ngựa đi sang bên cạnh đường. Nhưng đến cửa lính canh bảo trở ra, vì không phải là người Công-chúa chờ đợi.

Ít lâu nữa ông Hoàng-hai lại đến cũng nghĩ như ông Hoàng-cả rằng dẫm hỏng con đường đẹp như thì thực là sự hại lớn, cũng bẻ cương ngựa đi sang ven đường. Ông này đến cung-môn cũng lại thấy lính canh của Công-chúa bảo rằng không phải là người bà chờ đợi thì xin đi ra.

Vừa-vặn hết một năm, thì ông Hoàng-ba ở rừng ra để đi đến với tình-nương. Bụng ông chỉ chăm-chăm nghĩ đến ai, rồi khoái chí quá không trông thấy con đường trang-hoàng rực-rỡ kia nữa; cho nên cứ để cho ngựa phi giữa đường, rồi thấy cửa cung mở rộng ra.

Công-chúa ra nghênh-tiếp rất là vui-vẻ, gọi là người tế-độ cho mình và chúa-tể trong nước mình.

Sau khi hôn-lễ đã làm xong một cách rất sang-trọng rồi, Công-chúa bảo với Hoàng-tử rằng vua cha đương với ông về và đã tha lỗi cho ông rồi. Hoàng-tử về với vua cha rồi kể cho vua nghe những chuyện hai anh phản mình thế nào và mình vẫn chịu im không nói.

Vua định làm tội hai ông Hoàng anh, nhưng hai ông đã xuống tầu đi, không lại thấy đâu nữa.

Nguyễn-Thượng-Huyền dịch-thuật

NÊN ĐẾN HỘI-CHỢ HANOI
Mà tỏ rõ ra rằng xứ Nam-kỳ cũng có nhiều kỹ-nghệ.
CÁC NGÀI NÊN GIỮ LẤY GIAN HÀNG

THỜI-ĐÀM

Hội-đồng Chính-phủ

Chiều theo chỉ-dụ ngày 20 Octobre, các quan-chức bản-xứ có tên sau này cử vào Hội-đồng Chính-phủ :

Nghị-viên thực-thụ :

S.E. Tôn-Thất-Hân, Hình-bộ Thượng thư đại-biểu xứ Trung-kỳ ;

S.E. L'oknha Chakrey Ponn, Binh-bộ kiêm Học-bộ Thượng-thư, đại-biểu xứ Cao-mên ;

M. Lê-văn-Trung, nguyên Nghị-viên Hộng-đồng quản-hạt, đại-biểu xứ Nam-kỳ ;

S.E. Hoàng-Trọng-Phu, Tổng-đốc Hà-đông, đại-biểu Bắc-kỳ ;

M. Chao Erony Ratcadanay, thủ-hiến tỉnh Bassac, đại-biểu Ai-lao.

Nghị-viên dự-khuyết :

Hoàng-Thân Douphanouvong, Thủy-bộ kiêm Nông-bộ Thượng-thư, đại biểu xứ Cao-mên ;

M. Lê-Quang-Hiển, Nghị-viên thực-thụ tại Hội-đồng Tư-mật đại-biểu xứ Nam-kỳ ;

S.E. Ng-Hữu-Bài, Lại-bộ Thượng-thư, đại-biểu xứ Trung-kỳ ;

M. Lê-Trung-Ngọc, Tổng-đốc tòa Thượng-thẩm, đại-biểu xứ Bắc-kỳ ;

M. Chao Pretsrash Ratsap-kinay đại-thần Luang-Prabang, đại-biểu Ai-lao.

Hội-đồng quan lại ái-hữu

Ngày 29 Octobre, hội Quan-lại ái-hữu đã họp Đại-hội-đồng ở nhà hội Khai-trí-tiến-đức. Đúng 8 giờ sáng thì quan Hội-trưởng bắt đầu khai hội-đồng, các quan Thủ-hiến các tỉnh phủ, huyện, châu, hậu-bổ các nơi và các nha-lại về rất đông, ước chừng 200 người. Đoạn xong, quan Hội-trưởng Phạm-đại-nhân đọc một bài diễn-văn thật là cảm-khích, và ngài có lời cảm-ơn quan Thống-sứ, quan Tissot, quan Thiếu-Hoàng, và quan Thượng-Lê đã hết sức nhiệt-thành giúp Hội, và cảm-ơn tất cả hội-viên đã có lòng tin cậy. Khi đọc xong, cử-tọa đều vỗ tay.

Kế đến quan Thượng-Lê đại-nhân đọc các công việc trong Hội đã làm trong ba tháng nay, và các điều thỉnh-cầu về việc bảo-toàn danh-dự của quan huyện Hải-An (Hải-dương) đọc xong thì cử tọa đều vỗ tay. Rồi đến ông Thư-ký Hoàng-Hữu-Đôn đọc các điều thỉnh-cầu của ông xin và tuyên đọc các điều thỉnh-cầu của quan-lại các nơi gửi về, và việc xin tưởng-lệ các quan-lại làm những việc công-ích cho quốc-dân v. v.

Đến 3 giờ chiều thì Hội-đồng lại soạt phiếu bầu cử các quan, ai được trúng bầu xin kể sau này ;

Đến sáu giờ chiều hội mới giải tán.

Chánh hội-trưởng : quan Hoàng-Trọng-Phu, Tổng-đốc Hà-đông 175 phiếu.

Phó-hội-trưởng : quan Lê-Trung-Ngọc, Tổng-đốc tòa Thượng-thẩm 224 phiếu.

Quan Phạm-Văn-Thụ, Tổng-đốc Nam-định 128 phiếu.

Thủ-quĩ : ông Đỗ-Bình-Thuật, Đô-thống hưu-trí 342 phiếu.

Thư-ký : quan Hoàng-Hữu-Đôn, tri-huyện Yên-phong 221 phiếu.

Quan Phạm-Hoàng-Lãm, thương-tá hưu-trí, 78 phiếu.

Trị-sự : 1/ Quan Từ-Đạm, Tổng-đốc Hải-dương 124 phiếu.

2/ Quan Trần-Văn-Thông, Tổng-đốc tòa Thượng-thẩm 124 phiếu.

3/ Quan Nghiêm-Xuân-Quảng, Án-sát Ninh-bình, 208 phiếu.

4/ Quan Nguyễn-Đình-Quí, Tuần-phủ Kiến-an, 188 phiếu.

5/ Quan Lê-Văn-Đính, Án-sát Hà-đông 160 phiếu.

6/ Quan Nguyễn-Năng-Quốc, Tuần-phủ Hưng-yên 148 phiếu.

7/ Quan Lê-Nhiếp, Tuần-phủ Hà-nam, 147 phiếu.

8/ Quan Bùi-Huy-Tiến, Tuần-phủ Phúc-yên 131 phiếu.

9/ Quan Nguyễn-Hữu-Đắc, Tổng-đốc Hưu-trí, 127 phiếu.

10/ Quan Nguyễn-Tất-Tế, Thương-tá Hà-đông 126 phiếu.

Hội-đồng Tư-vấn Trung-kỳ

Hội-đồng Tư-Vấn Trung-kỳ đã hội-nghị chiều ngày 16 Octobre 1922, hồi 3 giờ tại Di-Luân-Đường, trần-thiết rất là long-trọng, có quan Khâm-sứ Pasquier đến chủ-tọa và quan Đồng-lý d'Elloy, quan Công-sứ Thừa-thiên Cottez, Cụ Võ-hiển Tôn-Thất-Hân, Cụ Đông-các Nguyễn-Hữu-Bài, Cụ Học-bộ Thượng-thư Thân-Trọng-Huề Cụ Công-bộ Thượng-thư Hồ-Đắc-Trung, đến dự hội. Quan Khâm-sứ có đọc bài diễn-văn thường-lệ khai hội-đồng như sau này :

Thưa các ngài,

Khi mở hội-đồng Tư-vấn thứ ba ở Trung-kỳ này, trước hết tôi xin cảm tạ các ngài đến được đông-đảo mà đem cái ý-kiến cùng lời chỉ-bảo hay mà giúp cho Bảo-hộ Chính-phủ.

Hôm nay tôi không muốn làm một bài diễn-thuyết dài, sợ mất thì giờ quí-báu của các ngài để bàn tính cho có ích và thấu đáo những vụ sở hành gian tiện và mau mắn. Theo lời thỉnh-cầu của qui Hội-nghị Hội-trưởng, tôi đem kê trình quyển dự-toán ngân-sách năm 1923 và các bản kê của các Nha-viện tóm biên hiện-tình công-vụ đã làm thành bấy lâu nay đều dịch ra quốc-ngữ đưa cho các ông Hội-viên mỗi người một bản. Cứ theo đó thung-dung xét nghĩ mà chiếu theo cái trí luyện-đạt của các ông và điều các ông kiến-thức ở nơi dân-tình thiết-mộ mà trù-nghĩ.

Trong năm nay có một điều rất quan-trọng không có lẽ bỏ qua đi, ấy là việc đức Khải-Định Hoàng-đế ngự-giá như Tây. Kể trong lịch-sử tự cổ chí kim, ấy là lần đầu hết vị Đế-vương Nam-Việt ly quốc mà thân-hành qua Thượng-quốc để tỏ bầy cái lòng kính-ái của dân Nam-Việt và đưa Hoàng-Tử là đức Đông-Cung Hoàng-Thái-Tử sang ký-thác cho nhà-nước Bảo-hộ giáo-dục.

Theo cái kiến-thức thâm-đạt của đức Cao-Hoàng ngày trước, Hoàng-đế muốn làm cho anh-nghĩa cái sự giao-hữu của Nam-Việt với Đại-Pháp càng ngày thêm bền chặt. Theo gương hiền-rạng của Tiền-thánh mà tỏ bầy ra cho thiên-hạ biết sự theo đường tấn-bộ cũng không chi trái phạm với cựu điển nước nhà, và cái vận tương-lai của nước Nam cũng không có điều chi đối-phản với tiền-đồ.

Sự tôn-kính thành-thực nghinh-tiếp Ngài ở bên Thượng-quốc đó là chứng cái việc nước chúng tôi không quên cái phận của người nước Nam dự-trợ vào trong cuộc chiến-tranh và lòng yêu-mến bền vững liên-kết hai nước với nhau.

Thời thịnh-vượng cho nhà nước Bảo-hộ đã tương-bảo và chăm-điểm

cổ-động cái ý tưởng-tự của Annam nhờ theo ý-tứ tư-tưởng huynh-đệ của Pháp.

Nay tôi mở Hội thường-lệ.

Đoạn rồi quan Khâm-sứ có giao cho hội-đồng bàn việc sao ngân-sách Trung-kỳ năm 1923 và có hai vấn-đề cốt-yếu hỏi ý-kiến hội-đồng giải-quyết là vấn-đề tăng thân-thuế và vấn-đề chỉnh-đốn lại dân thuế bộ.

Đến 3 giờ rưỡi thì quan Khâm-sứ đứng dậy lui về qui-phủ và các Cụ Cơ-mật trở ra về, thì ông Nghị-trưởng Mai-trọng-Đức có đứng nói mấy lời cảm tạ các ngài đến dự lễ hội-đồng.

Quan Khâm-sứ có cử quan Đổng-lý phủ Khâm-sứ đại-diện ngài trong mấy ngày hội-nghị.

Công việc bàn tại Hội-đồng như sau này:

Nói về việc học ở Trung-kỳ

Theo lòng dân nguyện trong mấy năm vừa rồi, nhà-nước Đại-Pháp đã lập thêm nhiều trường ở trong xứ Trung-kỳ này và dạy người ta ai ai cũng có thể học cho nên người cho dễ đường sinh-hoạt.

Công trình trong năm 1922 không kém gì mấy năm trước, nhiều trường mới đã lập ra và số học-sinh tăng lên nhiều lắm.

Nhà trường. Trung-học Pháp-việt chia ra làm ba hạng:

Thứ nhất là trường Sơ-đẳng kiêm-bị. Trường kiêm-bị là trường quan-trọng hơn và thường lập tại tỉnh-ly và các nơi lớn trù-mật. Mỗi trường có đủ năm lớp, gọi là trường kiêm-bị: lớn nhứt là lớp trên, lớp nhì là lớp trung-học, lớp ba là lớp tiểu-học, lớp tư là lớp sơ-học, và lớp năm là lớp đồng-ấu.

Trong năm 1920-1921 mới có 16 trường mà năm 1921-1922 đã tăng lên thành 21 trường rồi, số học-trò năm trước chỉ có 5152 tên mà năm nay đã đến 6300 tên có tỉnh đến bốn trường kiêm-bị.

Thứ hai là trường Sơ-đẳng yếu-lược. - Các trường này chỉ có ba lớp, theo bậc lớp ba, lớp tư, lớp năm, của các trường kiêm-bị, và lập tại các nơi ít quan-trọng hơn các nơi trên kia. Năm 1921 thì mới có 88 trường mà năm 1922 thì đã tăng lên số 97 trường rồi. Còn số học-trò thì năm trước được 6.519 tên mà năm nay thì đã tăng lên 7.826 tên. Từ ngày 19 tháng 12 năm 1921, quan Khâm-sứ đã nghị định bắt ngân-sách Trung kỳ chịu tiền chi-phí các lớp tư lớp năm trong các trường tiểu-học và kiêm-bị thì các làng đã được nhẹ bớt trong khoản cấp liễm.

Thứ ba là trường Ấu-học. Trường Ấu học là trường các làng chung nhau cấp-liễm chi-phí. Có nhiều trường lập tại các làng ít dân đinh thì nhà trường lại phải họp nhiều lại làm một, lập ra tại nơi trung độ hàng tổng hoặc ở nơi hàng xóm nào trù-mật để giảm bớt gánh nặng cho dân, cha mẹ học-trò cũng không phiền-hà gì, vì cái số học-trò cũng in như vậy.

Nhà-nước cũng lo lập trường học ở các miền sơn-phận nơi Mọi, Mường ở. Ngân-sách đã xuất tiền để lập thành trường Ấu-học tại các xứ ấy. Hiện nay ở tỉnh Komtum và Banmêthuot đã có trường để cho học-trò ăn học luôn trong trường, số lưu-học-sinh ở Komtum hiện nay được 113 tên mà Banmêthuot được 99 tên.

Thầy giáo. - Hiện nay không thiết chi sự lập trường mới, chỉ thiết lo việc lựa thầy, nhà nước đang chú-ý về việc ấy lắm. Trường Quốc-học ở Huế hiện có một lớp dạy học-trò để lựa ra làm trợ-giáo và một lớp Sư-phạm năm đầu đã mở ra tại trường ấy từ tháng 9 năm 1921.

Về việc học chữ nho. - Tuy rằng cái việc học chữ nho dạy ở các trường tiểu-học không bắt buộc ai, chỉ để tùy tình, nhưng vậy trong cái nghị-định quan Khâm-sứ ngày mùng 7 tháng ba năm 1922 đã canh-cải cách dạy trẻ-con biết chữ cốt-yếu cho hiểu sự luân-lý và tờ giấy trong gia-sự.

Trường Bách-công. - Trường Bách-công lập ra tại Huế để tạo-thành thợ kiểu cần kíp. Như hạng thợ làm máy, người đánh xe hơi, thợ rèn, thợ mộc, và thợ chạm. Trong trường ấy năm nay được 99 tên học-trò, mà cái số các nơi xin người làm càng ngày càng nhiều, mà trường ấy cũng phải tất lực chu-tất cả.

Trường Cao-đẳng học. — Đây nên nói cho Tư-vấn hội biết rằng nay đang lập một lớp Cao-đẳng học-hiệu, trường ấy lập tại Huế và thuộc về Nam-triều Chánh-phủ.

Trường này cốt để đào-trú học trò để sau sung bổ các ngạch quan bên triều cho biết cái bổn-phận cốt-yếu của mình. Ngoài sự học tập trong các trường Pháp, dạy thêm cho biết các sự cốt-yếu về điều luân-lý tục-lệ.

Chắc rằng cái trường ấy sau sẽ toại lòng ước-nguyện của dân mà tạo-thành ra được những quan-trường có kiến-thức rộng, biết được muôn việc trong bổn-xứ và sự cách-trí bên Thái-tây.

Nói về Y-chánh-viện

Thần hiệu y khoa của Pháp nay đã rõ, đã chữa được nhiều bệnh, ngày nay dân bản-xứ không ai còn hồ-nghi gì nữa. Y-chánh viện có trợ-tế cho càng ngày càng nhiều người được hưởng năng-lực thuốc ấy.

Y-trợ viện. — Số nhà trường đã làm thêm nhiều ra hiện nay ở Trung-kỳ có 18 sở, một sở nhà thương nhớn ở Huế, bốn sở trung-hạng ở tại thành-phố đô hội, như là Thanh-Hóa, Vinh, Faifo, Qui-nhơn đương trù nghĩ làm nhiều nhà to như là nhà Hộ sinh ở Huế, nhà bệnh cho đàn bà ở Hà-tĩnh, ở Quảng-ngãi và Phan-rang. Thiết-lập nhà Hộ-sanh.

Từ ngày 1 tháng sáu năm 1921 đến ngày 31 tháng 5 năm 1922 số người đến khám-bệnh được 798.962 người và số người ở dưỡng-bệnh tại nhà thương được 41.848 người, xem số đó thì rõ rằng Y-khoa Pháp đã cứu trị được nhiều bệnh và dân-gian có lòng tin cậy.

Vệ-sinh và sự bảo-tồn về sức khỏe của công-chúng. — Y-chánh-viện chẳng những chỉ khu-khu chữa những bệnh đã phát ra mà thôi đâu, lại còn hết sức làm bớt số bệnh-nhân, tìm kiếm mà sắp đặt khắp mọi nơi cho hiệp cách vệ-sinh để trừ bệnh-hoạn, nhờ sự ăn ở sạch-sẽ, các công-cuộc tinh-khiết hoặc biết trị những người đã lâm bệnh thì tránh khỏi được nhiều bệnh.

Tư-vấn-hội nên theo cái chủ-nghĩa ấy mà lưu-tâm về khoản bảo-tồn cho sức khỏe của công-chúng. Dân sự dần dần phải nên tuân theo cách thức của các quan thầy thuốc Pháp truyền bảo thì có thể làm cho bớt được cái số bệnh-nhân nhiều lắm. Cũng có lẽ những công việc đang làm, thoạt xem không can-thiệp gì với bệnh muốn trừ, tuy vậy là cốt-yếu, xem như những việc lấp ao, hồ tù hãm, trừ muỗi cũng là một phương-châm rất hiệu-nghiệm, cách ấy nay đã rõ là đã trừ được bệnh xương-hàn nó đã làm hại biết bao nhiêu ở xứ Trung-kỳ này.

Thuốc Ký-ninh nhà nước : — Đang lưu-tâm về cái nghị-định của quan Toàn-quyền ngày 30 tháng sáu và cái nghị-định của quan Khâm-sứ ngày 6 tháng 12 năm 1921 tuyên-bố về việc dùng thuốc Ký-ninh. Nhiều nơi mới thiết ra để trữ thuốc ấy để dùng trị bệnh xương-hàn : nào là ở nhà kẻ buôn bán. Nhất là ở các tiệm-bài rượu và thuốc-phiện. Nhiều nơi dân đã rõ được cái năng-lực của Ký-ninh mà đã biết chắc rằng dùng thuốc ấy thì kiến-hiệu. Vậy càng ngày càng nên ban-bố sự dùng thuốc ấy cho rộng thêm ra, để nhất là những nơi rừng rú để trừ bệnh xương-hàn trướng-khí.

Bà-đỡ : — Trong năm 1921 và năm 1922, quan trên đã cho nhiều học-trò bà-đỡ vào học-tập ở nhà hộ-sinh hoặc ở nhà thương các tỉnh. Học tập thành-thuộc rồi, khi về nhà-nước cho đủ đồ thiết-dụng và thuốc cần kíp để dùng đỡ cho những người sinh-đẻ, khi ai sinh-sản thì nên cho các bà-đỡ ấy, người ta đỡ cho thì trẻ con mới sinh ra đỡ chết.

Cách-trí nhãn viện. — Từ năm 1920 quan Toàn-quyền Albert-Saraut đã thiết lập ra ở Huế một viện chữa mắt. Viện ấy lấy danh-hiệu ngài mà đặt tên. Viện này chỉ chuyên về chữa bệnh đau mắt mà được kết-quả đã nhiều. Nhiều thứ thuốc đã giao cho các viên giáo sư và đã chỉ cách cho các viên ấy để chữa cho những học-trò đau mắt. Trong xứ Trung-kỳ này bệnh ấy phát ra nhiều lắm.

Cách trị thuốc chó dại thì vẫn hiệu-nghiệm, là nhờ cái thứ thuốc tiêm, he bệnh mà khai với quan thầy thuốc cho kịp hạn thì chữa được lành cả.

Biên-ký về việc lý-tài.

Việc canh-nông, việc buôn bán, việc kiểm-lâm, việc thuốc thú-vật. — Mấy năm trước đây, dân Annam đã được lên con đường thịnh-lợi, là nhờ vị được nhiều những tiền thu về thóc gạo.

Việc buôn bán. — Ai có xem cái sổ hàng-hóa xuất-cảng nhập-cảng của nhà Trương-chính kê biên ra từng năm thì mới biết rõ cái sự thịnh-lợi và mới nhận biết được cái số tiền lời mỗi năm mọi thêm.

Trong Annam mà bây giờ xuất-cảng được nhiều hơn thủa trước, là vì những mùa-màng sinh sản của dân dùng mỗi ngày mỗi thừa ra nhiều. Có lẽ mà nhập-cảng cũng nhiều nữa. Nhưng mà phải ghi biết rằng những đồ sản-vật xuất-cảng, thì phần nhiều là những đồ cần dụng nhất, mà những đồ hàng nhập-cảng thì chỉ là đồ khí-dụng mới, có tiền thì sắm chơi như khi xưa thì kể ra đồ thừa không sắm.

Xem như những đồ mà những người Annam gửi mua ở các nước thì biết rõ ngay rằng những người Annam bây giờ trừ ra những đồ thiết-dụng phải mua không kể, mà lại còn có dư tiền mà mua những đồ không cần, đó l biết cái sự thịnh-lợi dân Annam bây giờ hơn thủa trước. Nếu mà đường-xá sửa-sang cho tử tế và đường xe-lửa sang Tầu mà làm xong thì sự buôn bán bên nhà-nước Bảo-hộ và nhất là sự buôn bán bên Annam thì có thể mở mang lớn-lao nữa, mà thôn-dân thì năm được mùa vận-tải thóc gạo đi bán cũng dễ, khi đói kém thì cũng có thể đi đong thóc gạo rẻ các nơi. Rồi sau dần dần quen biết mà đi lại buôn bán không những với những nơi gần quê mình, mà đi lại buôn bán cả với những tỉnh xa. Thế thì khỏi phải mua lại của những người buôn khác như bây giờ mà để người ta ăn lận nhiều.

Việc canh-nông. — Thóc lúa là một thứ cây trồng nhiều ở trong Trung-kỳ, mà các sở Canh-nông thì vẫn ra sức làm cho các thứ thóc lúa sinh-sản cho nhiều. Cái đại-lợi ấy thì còn đợi làm các công-cuộc lấy nước vào ruộng. Tuy vậy, song cũng nên lấy phân bón mà bồi-dưỡng cho các thứ lúa trồng đã mà lấy hơn lên mỗi mẫu ít nhiều hoa-lợi nữa.

Cái đó thì ở trong Trung-kỳ đã có thí-nghiệm rồi, mà các sở canh-nông ở Huế hiện đang thử, song khi nào mà các sở canh-nông ở đấy có đủ người làm việc thì giúp đỡ dạy bảo cho người canh-nông Annam có lẽ chắc là thành-hiệu.

Trừ ra các thứ thóc lúa thì còn có những thứ : Cau, dừa, lúa ngô, đậu, lạc, sắn, khoai-nước, đậu-xanh, thuốc lá, trè v. v. cũng phải chăm chút mà trồng. Bởi vì các thứ hoa-lợi ấy cũng có thể bù đỡ cho dân khi mất mùa lúa, vả lại cũng có khi nó sinh được lợi nhiều trong khi bán đổi thật là những thứ hoa-lợi hiện đang mở mang khắp cả các tỉnh hạt.

Việc Kiểm-lâm. — Những người Kiểm-lâm không phải là những người chỉ đi tìm thuế rừng như là những người dân như xưa nay vẫn cứ thường thế. Cái công việc của những người Kiểm-lâm thì phải ra sức mà giữ gìn cây rừng và lập lại những chỗ bỏ hoang, xưa nay dân làng không ai giữ gìn.

Rừng không phải tự nó mà sinh ra được nhiều gỗ, người ta phải gìn-giữ nó mà phải điều-độ nước mưa, nước sông cho có hạn ngữ vừa vặn. Những chỗ rừng mà mất đi là vì nước lụt to làm lụi bại. Những cây nó không ngăn giữ được nước rồi những đất chung quanh gốc cây bị nước mưa phải lở cả, rồi thì gỗ trôi đi mất cả.

Bởi vậy cái sự làm bậy phải nên nghiêm-cấm mà dần dần bỏ hết vì là làm bậy thì rồi ra hại cả một xứ.

Việc thuốc thú-vật. — Nước Nam có nhiều trâu bò, song thường hay bị dịch-tễ, thứ nhứt là trong những tỉnh về phía bắc, những công việc các sở thuốc thú-vật, nào là trồng đậu, nào là ngăn ra những chỗ bị dịch-tễ thì cũng có thành-hiệu, song những công việc đó thì phần nhiều chưa có đắc lực. Vì là dân chưa hiểu rằng những điều cấm ước đặt ra đó đều là vị lợi cho dân, tuy là lúc đầu cũng có bận bực một chút song dân cũng cứ phải khai báo cho quan biết những bệnh có nghi ngờ trong những trâu-bò và các thú-vật mới mắc phải.

Nói về sở Công-chính

Tuy rằng sở công-chính đã làm nhiều việc ở sứ Trung-kỳ này, thế mà phẩm công việc sở ấy hãi còn quảng-đại lắm. Vẫn hay rằng đất Bảo-hộ Trung-kỳ đường xá có nhiều mà kém thua các xứ lân-cận như Bắc-kỳ và Nam-kỳ về đường khoán dẫn-thủy nhập-điền, kênh và xe-lửa ; phải gắng sức lo liệu để bù cái thời giờ mất đi lúc trước đặng mà lo việc mở-mang tài-chính ở xứ này, hiện đã ra sức khởi-hành và qua năm 1923 cứ mực thước ấy mà làm theo.

A. — Đường mà phí-tổn về Đông-Pháp ngân sách phải chịu.

Đường cái quan. Thiên-lý lộ số I. Cộng 1500 kilomètres. — Trong con đường cốt yếu này thông xứ Bắc-kỳ và Xiêm-la, còn phải đắp một đoạn 90 kilomètres ở xứ Trung-kỳ trong hạt Phan-răng và Phan ri. Việc công-tác năm 1923 trừ làm 34 km. khoảng ấy, có lẽ đoạn khuyết đó đến năm 1924 hoặc năm 1925, tùy tài-sản ngân-sách thì biến mất đi được.

Sở Công-chính lại còn thu xếp mà làm cầu để bớt đò ngang. Qua năm 1923 thì có lệ bớt đò Lý-hòa Quang-trị, Phước, Bà-ren, Bà-thạch, Đông-hà và Cam-lộ, vậy thì cuối sang năm còn ba cái đò ngang.

Đường từ Luang Prabang tới Vịnh đi qua Hương-sơn và Cửa-rào — Thiên-lý-lộ số 7 cộng 215 kilomètres. Nhằm khi tạnh ráo đường đi xe được tới Cửa-rào, cái bề rộng chữa vừa mới được nửa phần lát đá mà còn nhiều chỗ hay lụt. Phải cần một số tiền hơn 4000.00 nữa để tu-bổ con đường ấy mới đi lại được xuốt năm. Đường từ Viêntiane tới Nghệ đi qua Bansot và Napé đường thiên-lý lộ sẻ 8.112 kilomètres. — Lúc tạnh gió đi đến Napé được nhưng mà cần phải xửa sang nhiều lắm, muốn cho lúc nào đi lại cũng được thì còn phải tốn đến 2000.00 nữa và phải thêm 3000.00 làm cầu mà thế đò ngang.

Đường từ Vientiane tới Huế đi qua King-kabao và Đông-hà. — Thiên-lý-lộ số 9. — 88 kilomètres, con đường này kể từ đầu cho đến kilomètre 41 thì tốt lắm, từ số 41 tới số 60 thì kém thua nhưng mà đi được. Từ đó sắp lên khúc đường mới giao cho nhà Công-chính Trung-kỳ thì đương trù định, rồi bất nhật cũng khởi công làm. Qua năm 1924 có lẽ xong được.

Đường tắt ngang — Đường tắt ngang qua Lào thì có Ngã-đào núi Da và hạt Hà-tĩnh Đồng-hới và ngả Trà-khê về hạt Phú-yên và Koutum (đường mà phi tổn về ngân-sách Trung-kỳ chịu) Mục Công-tác năm 1923 trừ làm thêm đường trong các tỉnh hạt, đường nào chưa gấp lắm thì hãi tạm hoãn lại, để tiền mà làm những nơi tối quan-thiết như những nơi sau này:

Đường số I. — Từ Thanh-hóa tới Vạn-mai, đường số 120. — Lối lên hòng mát trên Bana, đường 128. từ Mộ-đức tới Ba-tơ hạt Quảng-ngãi, đường số 195. — từ Qui-nhơn lên Koutum đường số 153. — Từ Tuy-hòa lên Cung-sơn, Đường số 157. — Từ Ninh-hòa lên Banméthouot kể từ tháng sáu năm 1920 những con đường tỉnh hạt của xứ Trung-kỳ này tổng-cộng được 50.050 kilomètres trong số ấy thì 750 kilomètres đã trải đá rồi, 2.100 kilomètres chưa trải đá mà đi xe hơi được, 2.200 kilomètres thì ba tháng đi không được, mỗi năm thì có thể trải đá được 2.00 kilomètres mà làm thêm được 200 kilkmètres.

Việc dẫn-thủy nhập-điền

Việc này trong năm ngoái đã khởi đầu quan-sát mấy địa hạt tỉnh Quảng-ngãi, Quảng-trị, Quảng-bình, ấy là việc lớn sẽ giao nhà dẫn-thủy nhập-điền, người ta có thể trông vào đó mà đổi cái hạnh-phúc tương-lai cuộc tài-chính xứ Trung-kỳ.

Công-cuộc sắp khởi-hành là những việc này:

1. — *Việc đào sông ở hạt Tuy-hòa về tỉnh Phú-yên.* — Đây lấy nước sông Đà-giang mà dẫn vào một cánh đồng ước chừng 20.000 mẫu Tây. Việc dự-toán kể trù đã xong rồi, qua năm 1923 thì sẽ khởi hành được.

2. — *Việc đào sông ở tỉnh Thừa-Thiên.* — Đây lấy nước ở sông Tả-trạch đem về tới 8.000 mẫu tây bên hữu ngạn sông Hương-giang: Hiện nay đương xét trù

3. — *Việc đào sông ở Quang-nam.* — Kể từ sông Tu-bồng thì tới được 34.000 mẫu tây, nay hiện đương xét trù. Trong ba việc ấy mỗi việc phải đến 3, 4 hoặc 5 năm mới xong được. Phi-tổn về các công việc đó ngân-sách Đông-pháp chịu.

Sông và Đê

Đê ở tỉnh Thanh-hóa. Một món tiền phụ-cấp là 100.000 mới lấy trong Ngân-sách Đông-pháp năm 1922 để mà bồi-bổ vào đê trong tỉnh ấy cho vững bền. Cái số tiền ấy không đủ, có lẽ sang năm không cấp nữa. Bởi vậy trong sổ dự-toán ngân-sách Trung-kỳ có trù một số tiền 6.000 để chi khoản ấy, vì tài-chính của Bảo-hộ không thể làm sao hơn được.

Vét kênh từ Ninh-bình tới Tân-giản, Ngân-sách Trung-kỳ định chuẩn 5000 piastres.

Nhà-công

Việc làm nhà mới cho các Nha-viện và việc tu-bổ nhà đã hiện có, mỗi năm tổn đến nhiều lắm.

Qua năm 1923 Ngân-sách Đông-pháp chịu phi-tổn về khoản làm thêm nhà mới, hiện nay đương trù cho Học-chính, Y-chánh và Cách-trí-viện ở Nha-trang, còn bao nhiêu công việc khác thì Ngân-sách Trung-kỳ chịu lấy.

Nói về sự tiến của xứ Trung-kỳ

Nhà nước Đại-pháp gắng sức lo-liệu để cho nước Đại-Nam được thêm thịnh-vượng, dân được thêm sung-túc, thì ắt phải tốn-kém nhiều lắm, ai ai cũng biết vậy.

Nào là việc đem nước vào ruộng, đào kênh, xây đắp đường xe-lửa, nào là việc làm các con đường mới đi đứng chắc-chắn vững-vàng, nào là việc làm cầu chỗ này chỗ khác để thế đò ngang đi bất tiện, nào là lập trường nuôi thầy dậy học, nào là làm nhà thương bổ thầy thuốc, và y-sanh để trị bệnh, những công việc như thế tốn-kém nhiều lắm. Nhưng công việc ấy làm cho xứ này tương-lai được bền vững. Song làm tốn-kém bao nhiêu về sau ít năm mới bù lại được.

Hễ khi trù làm việc gì mới mà có một đôi người trí-thức ngu-xuẩn chê bai và chống-cự, thì cũng mặc họ, không cần chi mà tìm cho biết cái nguyên-do ấy, cái lòng phản-đối ấy. Những người như thế thì chỉ ưng thấy các việc làm gấp ngay mà lại sợ bổ thêm sưu thuế.

Họ quên nghĩ rằng tuy có chịu thêm sưu-thuế một ít thì về sau nghề nông nghệ thương lại càng được hưởng sự dễ dàng. mau mắn.

Họ không hiểu rằng có vãi giống thì mới có lúa mà gặt, muốn ăn trái thì phải trồng cây.

Cốt phải biết cách hao-tổn tiêu-dùng thì tương lai mới được lợi nhiều mới được sung-túc.

Các công nghiệp đã làm song ra đó thì cũng phải sự lầm tưởng của những người ấy.

Còn các ông Hội-viên hội Tư-vấn trong lúc lộ-trình từ các xứ về đến Kinh-đô thì cũng đã mục-đích một phần công-nghiệp của nhà-nước đã làm xong ra đó.

Lúc trước nếu các ngài có đi đường, thì phải dùng cáng hoặc võng mà đường thì xa phải đi nhiều ngày. Từ khúc đường này qua lối đường khác, đi đứng mệt nhọc biết là bao. Hai bên đường thỉnh-thoảng chỉ có mấy cái trạm-xá để nghỉ-ngơi mà thôi. Đi đứng như vậy thì khó nhọc mà có sự nguy-hiểm, bởi vì lúc ấy còn có những thú dữ, và trộm cướp nhiều hại các tỉnh hạt.

Chớ nay thì còn đâu như thế: người đi thì xe-lửa, kẻ đi thì xe-điện, chải làng này qua làng khác, đi đứng bình-yên vô-sự. Khi đến Huế mắt đã

ừng thấy Kinh-đô vua, rất đẹp đẽ hơn, đã lên một thành-phố lớn. — Thấy vậy liền trở về tỉnh nhà, thì có thể nói lại cho dân-sự biết rằng : công-nghiệp nhà-nước Đại-pháp đã làm xong như vậy, thiệt là hay, thiệt là tốt, thiệt là ích-lợi chung cho mọi người.

Từ khi ấy đến nay Chánh-phủ bảo-hộ đã làm hoàn-toàn công-vụ của mình mà chẳng hề tăng thuế cho dân.

Trước khi biểu dân chịu hao-phí thêm, thì nhà nước muốn bầy tỏ cho dân biết trước những sự thành-hiệu ích-lợi sẽ ra nhường nào. — Vì mỗi năm có thêm những sự tiêu phí mới, nên phải xin ngân-sách Đông-pháp phụ-cấp cho càng thêm càng nhiều hơn.

Tức như sang năm là năm 1923 thì ngân-sách Đông-pháp sẽ phụ-cấp cho ngân-sách Trung-kỳ một số là 2.450.500 p. mà nhờ có thế thì chi-tiêu mới đủ được.

Song không có lẽ cứ thế mà xin mãi được, vì nói cho phải ra thì người Trung-kỳ nên chịu một phần lớn trong số tiêu dụng đó, vì là tiêu-dụng cho người xứ ấy mà thôi, mà đã hưởng được một phần rồi. Bây giờ có gánh chịu bao năm cũng không túng rối gì, vì người xứ Trung-kỳ bây giờ đã giầu có hơn lúc trước.

Hãi xem cái gương của các xứ Nam-kỳ, Bắc-kỳ và Cao-mên trong mấy năm nay họ đã bằng lòng chịu thêm thuế lên mà không hề kêu nài gì cả.

Nay dẫu Trung-kỳ chịu thêm ít nhiều, thì cũng không bao lâu đâu, song phải có thêm mới đúng.

Các ngài Hội-viên hội Tư-vấn Trung-kỳ này, các ngài là đại-diện cho những hạng người khôn-ngoan, quyền-thế trong vòng dân, các ngài nên hiểu-dụ cho dân biết các sự ích-lợi mà chúng chưa hiểu rõ.

Các ngài nay cũng nên suy nghĩ mưu kế gì để tăng thêm của cải cho ngân-sách Trung-kỳ, là cần kíp lắm. Các ngài ưng thế nào thì hãy tỏ cho Chính-phủ biết.

Cái sự quan-yếu trong việc đó, không khỏi tay các ngài được, vì các ngài có đủ tư-cách mọi bề mà trình ý-kiến thông-đạt để làm các việc ấy.

Ngân-sách Trung-kỳ 1928.

Ngân-sách Trung-kỳ năm 1923 tổng cộng là 8160. 858p. 33.

A. *Mục chi-tiêu.* — Số chi-tiêu trong năm 1923 thì nhiều hơn năm 1922 là 554.995p. 83.

Nên ghi nhớ rằng số tiền phụ-cấp cho ngân-sách Nam-triều cao lên 89.000p.

Tiền dự trữ của Nam triều không còn gì hết.

Mục chi-tiêu cho khoản ích-lợi về việc lý-tài thì thêm ra 156.000p.

Chi tiêu về việc ích-lợi xã-hội thêm ra 263.000p.

Chi tiêu về việc Chánh-trị và việc ích-lợi chung thêm ra 51.000p.

Chi tiêu về việc Hộ thêm ra 153.000p.

Tổng-cộng là 574 000p.

Trong số tổng-cộng ấy phải trừ ra 20,000p.

Số bạc ấy 20.000p. năm 1922 thì thêm vào mục « Crédit provisionnel » tiền để tạm mà qua năm 1923 thì giảm đi, giá bạc trong ngân-sách định 6fo0 thì hạ hơn giá bạc thường.

Về mục chi-tiêu các việc ích lợi về lý-tài về xã-hội thêm nhiều lắm như là :

Mục chi-tiêu về việc ích-lợi lý-tài. — Về món tiền trù làm công việc lục-lộ thì thêm đến... 68.000p.

Mà 11.000 p. để chi cấp cho người làm việc còn 57.000 p. thì để làm việc.

Về việc canh-nông thì thêm 15.000 p.

Để chi cấp cho người làm việc.

Về việc kiểm-lâm. 50.000 p.

Mà 34.000 p. thì để cho người làm việc 16.000 p. để làm việc kiểm-lâm.

Việc thú-y thì thêm... 14.800 p.

Mà 12.500 p. để cho người làm việc và 2.300p. thì để mua vật hạng.

Mục chi-tiêu về việc ích-lợi xã-hội. — Về việc Y-Chánh thì thêm 125.000 p.

Mà 80.000p. để cho người làm việc, 54.000p. để mua vật-hạng.

Về việc Học-Chánh thêm 137.000 p.

Để chi cấp cho người làm việc.

Số tiền trữ để làm các công-tác cộng lại, cao lên đến 1.131.730 p.

Mà phân ra như sau này :

	Bạc	Nộp cộng	Qui cộng	Nhiều hơn năm 1922	Ít hơn năm 1922
	—	—	—	—	—
Tiền phí chưng.	45.500 p.	»	45.500 p.	»	7.000 p.
Tiền tu bổ đường	80.400	109.282	194.682	41.000 p.	»
Tiền đắp đường mới. . .	268.400	113.885	382.285	»	14.000
Đào sông và đào kênh để thông-thương	31,700	28.745	60.445	15.000	»
Lấy nước vào ruộng . .	23.000	2.088	25.088	»	400
Tu-bổ nhà cửa.	56.500	5.700	62.200	2.600	»
Làm nhà cửa mới. . . .	149.980	500	150.480	9.000	»
Công-tác thành-phố. . .	177.550	5.500	184.050	16.000	»
Mua vật hạng đồ đạc-điền	20.000	»	20.000	»	5.000
Tiền tổng-phí để chi ruộng đất	7.000	»	7.000	»	»
Cộng	865.030 p.	266.700 p.	1.131.730 p	83.600	26.400 p.

Hơn năm ngoái. . . . . 75.200 p.

C. Mục thu-nhập.

Số tiền thu nhập thêm vào để bù sự chi phí nhiều công được. 554.995 p. 33. Số tiền tăng thu đó là phần nhiều tính vào thuế chính ngạch được 475,500.

Chia ra như thế này :

Thuế điền-thổ thêm. .	19.500 p.
Thuế đinh ta thêm. .	270.000
Thuế công-ích.	162.000
Thuế thân khách thêm.	20.000
Thuế Mọi thêm. . . .	1.500
Thuế môn-bài thêm. .	3.500
	475.500 p.

Vả lại kiểm-lâm trù-thâu thêm được là. . . . 107.500 :
Thuế nhà cửa đất thêm ra. 5.000
Các thuế hạng thuế lĩnh chưng thêm được. . . 3.500
Các hạng tạp thuế mới thêm khoản thứ năm được là. 15.000

Số tiền thêm đó là bởi sự bán giấy căn-cước, tiền thu nhập của các trường, thuế xe tay, xe chở đồ. Trù các khoản thêm đó là tùy các năm trước mà tính.

Thế mà trong số tiền về khoản « fonds de concours »

Tiền giúp đỡ thì phải bớt đi. 35.000

Trong số ấy có 25.000 thì hai năm trước liên vào ngân-sách để làm việc tầu bay, đạc-điền ở tỉnh Nghệ. Các xã thôn chịu 50.000 p. để làm việc ấy thì đã khỏi sự thâu.

Số tiền ngân-sách Đông-pháp phụ-cấp cho bớt đi. . 21.500

D. So-sánh — Cân-nhắc

Làm ra như thế mà ngân-sách còn thiếu. 2.450.500 p. 00

Số tiền các thuế chính ngạch và tạp thuế thì thiệt cao lên đến. . 3.360.358. p. 33

Lấy tiền kho dự trữ thêm vào. . . . . 350.000 p. 00

Cộng là. . . . . 5.710.358 p. 33

Song số tiền chi tiêu hết. . . . . 8.160.858 p. 33

Vậy nên thiếu đến. . 2.450.500 p. 00

Nói về nhơn-thế xứ Trung-kỳ

Trong xứ Trung-kỳ nay không có cái gì là nhân-thế bộ cho người bản-xứ cả. Sự ích-lợi về việc bầy cái bộ ấy ra lựa phải bầy tỏ làm gì nữa. Có nhiều người bản-xứ không biết tên họ mình, tuổi mình và con cái nhà ai, cái thế-tình ấy đối với sự dân-trí mở-mang trong xã-hội ngày nay không hợp.

Nhân-thế-bộ là cái sổ biên những sự quan-hệ của người trong đời, tất như: sinh-tử, giá-thú. Cái nhân-thế-bộ làm cho mọi người có căn-cước chắc-chắn không chối cãi được; giữ được cả quyền-lợi cho mọi người. Khi trong gia-đình, tộc-thuộc xảy ra có việc gì, hoặc việc điền-thổ gia-tài, thì để xử-đoán cái việc ấy tương-lai ở xứ Trung-kỳ này thường hay xảy ra làm cho quan trên xử-đoán rất khó, vì không có cái nhân-thế bộ cho nên tông-tích sinh nguy. Như trong việc cấm phòng thì xã-hội cũng nhờ đó mà giữ phòng đẳng gian-phi; như việc gian căn-cước mà khó thì những tội-nhân không mấy đứa mà lọt khỏi đảo âu.

Trong xứ Trung-kỳ này xưa nay vẫn có một thứ gần như là nhân-thế-bộ là cái « gia-phả ». Gia-phả là một thứ sổ của những nhà khá làm ra để ghi chép đời nọ qua đời kia, chuyền-tử lưu-tôn. Nên ước mong sao tới cái thực ấy công dụng cho cả toàn dân trong làng và cái sổ khi trước làm riêng trong từng họ thì đem ra làm chung trong cả làng. Như là sổ nhân-thế hội của cả đồng dân. Lời ấy cũng đã làm thử. Trong mấy kỳ hội-thương với các quan Phụ-chánh trong tháng năm tháng sáu năm 1912 quan Khâm-sứ đã bàn về sự ích-lợi và cần-kíp mà lập thành nhân-thế bộ. Bây giờ các ngài đã gia ý để duyệt-y cái việc nghĩ lập đó là tối quan-thiết trong đời người. Song để phòng những nhời di-nghị của dân, thì bây giờ các ngài chỉ trù lập nhân-thế-bộ nơi các thành-phố mà thôi, để thử rồi sau sẽ ban-bố thi-hành nơi các thôn-hương, ấy là chính cái nghị-định lục ra ở trong tờ dụ ngày 20 tháng 12 năm 1912, cứ đầu năm thì giao sổ cho các làng hoặc phố nào thuộc trong thành-phố mới thu hai quyển để biên chép ngày sinh ngày tử và sự giá-thú đến cuối năm thì làng nộp lại một bản để lưu-chiểu tại tỉnh còn một bản thì làng giữ.

Ngày sau ai muốn xin sao cái giấy sinh-tử giá-thú của mình thì phải nộp mỗi bản hai hào (0 p. 20). Nếu người xin đó làng giữ bộ ấy xin thì số tiền ấy làng thâu, nếu do quan tỉnh mà xin thì số tiền thâu vào Nam-triều Ngân-sách.

Nhân-thế-bộ lập ra tại các thành phố, mà dân chịu thuận nhận ngay không cách trở kêu nài gì, là vì họ biết rằng cái việc không can-thiệp gì đến thuế má, song có lẽ rằng công việc ăn làm cũng chưa được chạy cho lắm vì rằng những người chức-dịch chuyên-biện không tường-tận sự-vụ của mình phải nên hiểu-thị cho họ biết phận-sự cái người thủ chấp nhân-thế bộ quan-trọng là nhường nào.

Năm 1916, các khoản điều-lệ trong dụ-chỉ ngày 20 tháng 12 năm 1912 đã đem ra thi-hành khắp các làng trong tỉnh Phan-rang. Việc thi-hành ấy đã được kiến-hiệu, trừ một đôi chút sai lầm và khi những lý-trưởng không đủ học-thức, không biết rõ bổn-phận mình, thế nhưng mà cũng nên cho các việc lập nhân-thế bộ ở tỉnh ấy hiện nay thừa hành tử-tế. Cách ít lâu về sau trong tỉnh Nha-trang cũng đã đem thi-nghiệm thi-hành việc ấy.

Năm 1919 đã thông-tư cho các quan-sứ các tỉnh hỏi xem có thể thi-hành việc lập nhân-thế-bộ trong các hương-thôn, ngoài nơi thành-phố được không.

Thử thời nhân-tâm còn chưa hiểu rõ sự ích-lợi về việc cải-lương ấy để mà đem thi-hành ngay cho được.

Đầu năm nay có hỏi lại các quan thủ-hiến các tỉnh thì phần nhiều các ông ấy ý thuận, ít nữa cũng thử thi-hành trong các xã-thôn chung quanh thành-phố là chỗ hiện đã có sẵn rồi.

Buổi bây giờ đã nên thi-hành chưa? Nên làm thế nào? Phải làm sao mà dạy các chức-dịch chuyên-biện chức chấp nhân-thế-bộ, trong phận-sự mới có nên chi công cho họ tiền bạc như thế nào? Cái sổ nên làm thứ kiểu như thế nào?

Đó là những vấn-đề phải biên trước khi thi-hành việc cải-lương ấy. Nói tóm lại mà nghe, những cái vấn-đề quan-trọng này đem ra mà bàn-luận, không phải là đem trong trí cố-quyết nhất định làm cho được. Nhưng thiết-yếu là cứu nghĩ và đem thi-hành các cái thể-lệ nhận sác thực là một điều tiến-bộ có ích.

* * *

Cái việc lập nhân-thế-bộ đã đem ra hỏi Tư-vấn hội-đồng, kỳ hội ngày 28 tháng 9 năm 1920 thì hội-đồng đã nghị như sau này: Trong các thành-phố mà hiện đã thi-hành rồi, thì phải chiếu theo y như thể-lệ nhà-nước đã định ra mà làm. Còn như những nơi hiện chưa có thi-hành thì các việc ấy chưa quyết hành được, vì không có người kham dữ được sổ nhân-thế-bộ.

Bây giờ hội-đồng lại xin hãy để việc ấy hoãn lại cho đến ngày nhà nước định cải-lương việc chính-trị trong hương-thôn, lựa chức-dịch đặt hương-thôn hội-đồng, thì bấy giờ sẽ đem nhân-thế bộ ra thi-hành.

Tăng tiền cước xe-lửa

Trong kỳ Hội-đồng Chính-phủ Thường-trực ngày 27 Octobre trước, quan Toàn-quyền đã ký nghị-định tăng cả tiền cước xe-lửa ở miền phía Bắc và Trung-kỳ Trung-ương, kể từ ngày 15 Novembre trở đi.

Đối với giá cũ thì cái giá mới này cao hơn trước nhiều.

Nay xin trích lược mấy đoạn cốt-yếu sau này:

Giá tiền vận-tải hành-khách, như sau này:

1/ *Vé lấy trả tiền ngay ở các Ga và vé lấy giấy của nhà-nước cấp cho,*

Mỗi người và mỗi kilomètre là :

Hạng nhất.	0 p. 06
— nhì	0 p. 04
— ba trong 50 km. . .	0 025
từ 51 đến 200 km . .	0 022
quá 200 km	0 018
— Tư trong 50 km . .	0 012
— từ 51 đến 200 km.	0 010
quá 200 km	0 008

Hành-khách hạng tư được dùng ghế dài để nằm nhưng phải trả gấp bốn chỗ ngồi.

2/ *Vé lấy trên xe ở những chỗ đỗ xe.*

Vé lấy trên xe, ở những chỗ có đỗ xe mà không có nhà phát vé thì tính cũng như là lấy ở tại một nhà La-ga.

Trẻ con

Ba hạng trên. — Từ ba tuổi trở xuống nếu ngồi trên đùi người lớn thì không phải trả tiền.

Từ 3 đến 7 tuổi thì trẻ con trả nửa tiền. Trên 7 tuổi thì phải trả cả tiền.

Từ 3 đến 7 tuổi nếu lấy vé trên xe mà ở những chỗ đỗ xe không phải là ga có phát vé thì mới được trả nửa tiền.

Hạng tư. — Dưới ba tuổi không phải trả, trên ba tuổi trả cả tiền.

Phàm các quan võ đi hạng nhất, nhì mà có giấy phép thì được giảm nửa tiền.

Các hạng hạ-sĩ quan Tây Nam, các hàng cai lính tây cùng các đội khố-xanh đi hạng nhì hạng ba cũng được giảm một nửa.

Các hàng cai đội Annam cùng các hàng cai đội khố-xanh Annam đi hạng ba cũng được giảm một nửa.

Phàm đi xe phải lấy vé. Vé ba hạng trên thì cứ nội trong một ngày hễ có chuyến xe thì đi được.

Còn vé hạng tư thì chỉ phát chuyến xe nào là đi được chuyến xe ấy mà thôi.

Hành-khách muốn ngồi lên toa trên hạng của mình lấy vé thì phải bảo cho người kiểm-soát tầu biết. Và phải trả thêm tiền về cái quãng đường mình đi. Lại phải thêm một số tiền thuế nữa là 0p.50.

Hễ lên trên tầu mà không bảo trước thì sẽ phải trả thêm xuốt cả dọc đường mình đi.

Lại phải trả thêm những khoản thuế sau này :

1. Ở ba hạng dưới lên hạng nhất 2p.50.

2. Ở hạng ba lên hạng nhì, hay là ở hạng tư lên hạng nhì hạng ba 1 p.50.

Hành-khách muốn đi quá cái ga biên trong vé của mình thì chậm lắm là trước khi đến ga, hay là người kiểm-soát xe-lửa biết và phải trả thêm tiền. Tiền trả thêm cũng tính như giá đã nói ở trên kia. Lại phải trả một khoản tiền thuế tính như sau này :

Ba hạng trên	0 p. 30
Hạng tư, ...	0 p. 15

Nếu đi quá ga của mình phải xuống mà không bảo trước những người làm sở xe-lửa thì các khoản tiền thuế nói trên kia lại đổi như sau này :

Hạng nhất	2 p. 50
— nhì.	1 p. 50
— ba	1 p. 00
— tư	0 p. 50

Ngoài các khoản tiền ấy, người hành-khách không theo lệ có thể lại phải phạt theo như luật nữa.

Đỗ trước ga xuống. — Hành-khách có thể xuống một ga chưa đến cái ga biên trong vé mình cũng được, nhưng mà vé ấy sẽ phải thu lại không dùng được nữa.

Chỉ hành-khách hạng ba đi ít ra cũng 100 kilomètres thì mới có thể được xuống ga chưa đến ga biên trong vé của mình một lần mà thôi, mà không phải trả thêm tiền gì cả song lúc xuống ga ấy và lúc đi phải trình vé cho nhà la-ga biên vào. Nhưng không bao giờ được đứng lại quá 24 giờ.

Nếu không theo như đã nói trên ấy thì vé không dùng được nữa.

Hành-khách lên một chuyến xe mà chuyến xe ấy không đi hết đến ga biên trong vé thì phải xuống cái ga cùng tận của chuyến xe ấy hay là cái ga ở cuối đường của mình rẽ sang đường khác về lối mình đi.

Một tin quan-trọng cho cõi Đông-Pháp. — Trong diện-báo Paris ngày 7 Novembre vừa rồi có nói rằng quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư Albert-Sarraut đã đệ trình phòng Thương-mại bản dự-án về việc cho phép xứ Đông-Pháp một phần thứ hai về trái-khoản 90 triệu đã được phép ngày trước. Trong bản dự án ấy có thay đổi lại các khoản chi-tiêu về việc thực-hành cái chương-trình kế-hoạch trong năm 1898, mà sau đã thành giảm bớt như sau này: Việc thủy-lợi: 1.500.0. 0 f. đạo-lộ 8.913.000 f. nối thêm đường hỏa xa Hanoi Nha-tram: 49.859.000 làm lại trường Quốc-học và các trường học 1.500.000 f. việc y-tế; 2.000.000, đặt sở Vô-tuyến-điện Saigon 368.000 f.

Hội-chợ Hanoi hoãn lại

Ngày 25 Novembre 1922 hồi 10 giờ sáng, hội-đồng Hội-chợ đã họp đại-hội-đồng định hoãn đến ngày chủ-nhật 17 Décembre 1922 thì mở cửa Hội-chợ và đến chiều 31 Décembre thì đóng cửa, để cho những gian hàng mới làm kịp làm xong và để cho nhiều nhà dự cuộc được vừa ý, vì còn đợi những sản-vật ở bên Tây đương sang chậm vì cuộc thủy-thủ đình-công ở Marseille.

Cuộc sổ số của các hội tương-tế

Hôm thứ sáu 3 Novembre 1922 hồi 9 giờ tối, các Đại-biểu mấy hội tương-tế được phép mở cuộc sổ số, họp tiểu-hội-đồng lần thứ tư tại nhà hội-quán hội tương-tế nông công thương tây, số 91 phố Paul-Bert; hiện-diện có ông Thibault và Foursaud, đại-biểu hội Ái-hữu Công-Thương; Quan thanh-tra dám-binh hưu-trí, Lambert và ông Rigault đại-biểu của hội Anciens Tonkinois; ông Welkin và Sigala, đại-biểu của hội Anciens Légionnaires; ông Henry de Massiac và Calendruccio đại-biểu của hội Médaillés militaires; ông Nguyễn-Huy-Hợi và Lê-Ngọc-Giản đại-biểu của hội Công-thương đồng-nghiệp ta.

Đúng chín giờ ông Thibault là chủ-tọa khai hội-đồng nói rằng : « Nay có năm hội ta đây được riêng dự quyền-lợi cuộc sổ số, vậy mấy kỳ hội-đồng trước đã bàn về sự chia tiền lợi về cuộc sổ số, nay xin các đại-biểu cho biết đã ưng-thuận về việc quân-phân chưa? » Các đại-biểu đồng-thanh đáp đã ưng-thuận, nghĩa là số vé bán đã hết rồi, trừ tiền các *lots* được, tiền phí-tổn, còn thừa bao nhiêu chia ra làm năm, một phần cho hội Công-thương đồng-nghiệp Annam. Còn bốn phần bốn hội chia nhau.

Sự chia đã ổn-thỏa cả rồi, thì ông Thibault đọc bức thư của hội-đồng cuộc sổ số Nam-kỳ phúc thư của ông. Hội-đồng cảm ơn ông Thibault đã đứng ra xin phép được sổ số cho các hội tương-tế Bắc-kỳ, và lại hỏi được cách thức hành-động của cuộc sổ số Nam-

kỳ, hội-đồng xin theo cách-thức ấy mà làm, chỉ sửa đổi lại ít nhiều thôi.

Ông chủ-tọa Thibault nói : Nay các công việc đã gần đến lúc thi-hành rồi, vậy xin hội-đồng bầu lấy ban trị-sự. Các đại-biểu xin cử ông lên làm chủ-tọa ban trị-sự, song ông không nghe có ý khiêm-từ. Vậy hội-đồng bỏ vé kín. Có 10 ông đại-biểu thì ông được tám vé bầu, còn hai vé bầu ông Wilkin. Ông Thibault cảm ơn các đại-biểu và xin nhận chức chủ-tọa ban trị sự. Sau hội-đồng đồng-thanh bầu ông Lambert làm thủ-quĩ, ông Henry de Massiac làm thư-ký, ông Sigala và ông Nguyễn-Huy-Hợi làm kiểm-soát ủy-viên. Đoạn ông Thibault đọc bản thảo bức thư đệ trình quan Thống-sứ xin cho phép bắt đầu bán vé số, hội-đồng ưng-thuận. Trong bức thư ấy, điều cốt-yếu là nói rõ ràng, sự chia đã nói ở trên, có ý để sau này không hội nào được dự quyền mà dị-nghị nữa. Ông Lambert nói có lẽ chỉ trong vài ba tháng thì bán hết số vì người bản-xứ cũng thích chơi cuộc sổ số lắm. Ông Lê-Ngọc-Giản nói : « Có lẽ chỉ trong ba tháng thì bán hết, vì hội-viên hội chúng tôi đã tới hơn hai nghìn người rải-rắc khắp ba kỳ, trong mười hai chi hội, và báo Hữu-thanh của hội chúng tôi đã cổ-động cuộc sổ số này đã hai tháng nay, hễ được phép rồi, thì chúng tôi bán cũng được nhiều lắm. » Ông Thibault nói : Thực vậy, cả Bắc-kỳ này chỉ có một hội Công-thương đồng-nghiệp Annam xem ra phát-đạt hơn cả các hội, xem các báo tây đăng đại hội-đồng thành-lập các chi hội của hội ấy luôn, và có vẻ thân-ái và rực-rỡ lắm. » Ông Nguyễn-Huy-Hợi tiếp theo rằng : « Hội chúng tôi mới lập có hai năm, nay số hội-viên đã tới hai nghìn, từ Vân-nam cho đến Trung Nam Bắc-kỳ đều có chi hội, có lẽ một vài năm nữa số hội-viên hội chúng tôi sẽ lên gấp năm gấp bảy số hiện thời » Ông Thibault nói : « Thực không ngoa chưa từng thấy hội nào có vẻ hưng-thịnh bằng hội Công-thương đồng-nghiệp Annam. » Các đại-biểu đều cho là phải. Nhân theo như cuộc sổ số Nam-kỳ nên ông Nguyễn-Huy-Hợi đưa cho hội-đồng xem cái vé số của các hội Nam-kỳ có một chữ ký in và một chữ ký bằng tay. Ông Lambert nói nếu vậy thì ông phải ký hàng vạn cái thì bận cho ông quá. Song hội nói các đại-biểu phải chia nhau ra mà ký và vé thì in tại nhà Viễn-đông-ấn-quán (I. d. E. O.) cho chắc chắn.

Đúng 10 1/2 hội-đồng giải-tán.

Quốc-văn khảo biện

Quyển *Quốc-văn-khảo-biện* của ông Nguyễn-Ưng, *cuốn thứ nhất* đã xuất-bản vừa rồi, nay ông lại mới xuất-bản tiếp theo *cuốn thứ hai* giá mỗi quyển là **0p.20**.

Ông có gửi lại tặng bản-chí một quyển, vậy xin kính tạ và xin giới-thiệu cùng các bạn độc-giả.

HỠI CÁC NHÀ KỸ-NGHỆ
Ở NAM-KỲ VÀ CAO-MÊN !
Các ngài nên đem hóa vật đến mà bán
TẠI HỘI-CHỢ HANOI
(Từ ngày 17 đến ngày 31 Décembre)

Công việc hội Công-thương đồng-nghiệp

CHI HỘI TOURANE

Trong bài « Kỷ-niệm đệ-nhị chu-niên hội Công-Thương đồng-nghiệp » của ông Chánh Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi đăng ở tạp-chí Hữu-Thanh số 29 vừa rồi có một đoạn nói về chi hội Tourane rằng : « Chi-hội Tourane cũng mới thành-lập. Ông Ưng-hạ và các anh em nhiệt-thành cổ-động, chắc hội-viên ở các tỉnh gần cũng sẽ noi theo đó mà lập nên các chi-hội khác nữa, thì từ chốn kinh-sư thiếu gì người có nghĩa-khí ưa việc công-ích mà không ra tay tán-thành cho một giải các chi-hội Công-Thương đồng-nghiệp từ Bắc chí Nam thành nên một nhà anh em ruột thịt ». Thực quả như vậy, thành-phố Tourane là một nơi đô-hội lớn ở xứ Trung-kỳ, sở Công-Thương đã nhiều, bạn Công-thương cũng lắm, cái thế-lực bành-trướng của hội Công-Thương đồng-nghiệp ta có thể mong nhiều ở nơi địa-hạt đó vậy.

Theo bức thư ngày 28 Octobre 1922 của ông Ưng-Hạ, tạm-thời Hội-trưởng chi hội Tourane, giữ ra Hội-chánh thời các nhà sáng-lập ra chi hội đã đệ đơn lên quan Đốc-lý để nhờ ngài chuyển-đệ lên xin quan Khâm-sứ Trung-kỳ cho phép lập-thành chi hội. Tiếp được tin đó, anh em ta ai ai cũng ngày đêm mong-ngóng đến ngày mà anh em ta có thể đem bốn chữ « Công-Thương đồng-nghiệp hò-reo ở vùng Nam đất Trung-kỳ, ghi-tạc với non sông chốn cửa Hàn đến ngàn thu một cái sự-nghiệp vĩ-đại là sự-nghiệp của hội ta.

Vui sao ! Ngày 9 Novembre mới đây ông Ưng-Hạ lại viết thơ ra báo tin mừng rằng quan Khâm-sứ Pasquier đã ký nghị-định cho phép ông lập-thành chi-hội Tourane, và đính theo một bản sao bức nghị-định đó đăng nguyên-văn như sau này :

Le Résident Supérieur en Annam
Chevalier de la Légion d'Honneur

Vu le décret du 20 Octobre 1911 portant fixation des pouvoirs du Gouverneur de la Cochinchine et des Résidents Supérieurs.

Vu la circulaire ministérielle — Intérieur — du 20 Décembre 1889,

Vu la décision No 1933 du Résident Supérieur au Tonkin en date du 31 Juillet 1920 autorisant la création d'une Société dite « Association Amicale des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie au Tonkin »

Vu la demande en date du 28 Octobre 1922 formulée par Monsieur **Ưng-Hạ**, Président du Comité provisoire à Tourane.

DECIDE :

ART. 1er. — Est autorisée la création à Tourane d'une Section de l'Association Amicale des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie au Tonkin »

ART. 2 La présente autorisation est donnée à titre essentiellement révocable et toute modification qui pourrait être ultérieusement apportée aux statuts obligera la section intéressée à se pourvoir d'une autorisation nouvelle.

ART. 3 — L'Administrateur Résident-Maire de Tourane est chargée de l'exécution de la présente décision.

Huê, le 31 Octobre 1922
Signé : P. PASQUIER

Pour amplication :
P. le Chef de Cabinet
Signé : DESTENAY.

P. C. C
L'Administrateur chef du 1er Bureau
Signé : Illisible

Vẻ vang thay! Quan Khâm-sứ Pasquier đã yêu chủ-nghĩa hội ta mà cho phép lập thành chi-hội như vậy, thời từ nay chi-hội Thanh-Hóa và chi-hội Tourane sẽ là hai nơi địa-đầu trong xứ Trung-kỳ mà nối giây « Hữu-ái » liền một giải từ Bắc chí Nam, kết thành một cái đoàn-thể rất lớn rất mạnh, gánh vác các công việc với đời, để chung công góp sức vào việc làm cho nước nhà được đến nơi văn-minh cực điểm.

Chi hội Tourane mà thành-lập thì sẽ là một cái trung-tâm-điểm của một vùng từ núi Ngự sông Hương cho chí dòng Cửu-long đảo Phú-quốc, mái trèo « hữu-ái » sẽ vẫy vùng từ trên sông Cửu-Hàn mà vượt khắp nơi gần nơi xa, cổ-động trong đồng-bào ở vùng Nam vào hội càng ngày càng đông thời cái nghĩa tương-ái tương-thân, tương-bảo, tương-trợ mới càng được thi-hành một cách rất hoàn-bị vậy.

Chi hội Tourane mà thành-lập, thực là một cái công-lao rất lớn của ông Ưng-Hạ vậy. Cái tấm lòng nhiệt-thành của ông đã cảm được các bạn Công-Thương trong thành-phố, nên bước tiến-đồ của chi-hội đã thấy có rực-rỡ huy-hoàng. Các anh em sáng-lập ra chi hội, không nề khó nhọc, coi việc chung cũng như việc nhà, thời thành-phố Tourane còn mở-mang, hội Công-thương còn phát-đạt, cái công-nghiệp của các ông đối với hội cũng còn mãi mãi.

Các viên-chức trong Tòa Trị-sự Hội-chánh chúng tôi kính chúc các ông trông làm nên hiệu-quả, để anh em mình được hưởng cái khoái-lạc êm-đềm xưa nay ít có là thường thường được tưởng-nhớ đến nhau một nhà xum-họp tuy xa cũng gần.

Vậy chúng tôi xin nối lời với hai nghìn anh em trong hội mà chúc-mừng câu : « Công-Thương đồng-nghiệp hội chi-hội Tourane vạn vạn tuế! » Xin các ông hết dạ tỏ nhiệt-thành hết lòng làm nghĩa-vụ cho khỏi phụ bụng quan trên rộng phép, cho khỏi phụ công anh em chờ mong

NGUYỄN-THỐNG

HỘI CHÁNH HANOI

Biên-bản kỳ tiểu-hội-đồng ngày 2 Octobre 1922

Hiện-diện họp tại nhà Hội-quán số 58 phố hàng Bông Hanoi, có những ông :

Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Nguyễn-Thống, Lê-Ngọc-Giản, Bùi-Thiện-Nhân, Nguyễn-Thượng-Huyền, Phan-Văn-Điền, Nguyễn-Duy-Nho.

Vắng mặt có giấy kiếu, MM. Nguyễn-Bá-Thiệu, Tạ-Công-Viết, Nguyễn-Long, Nguyễn-Tiến-Ân, Lệ-Đình-Khoa, Lê-Sĩ-Mão, Lưu-Đức-Khang, Bạch-Thái-Sơ, Đào-Trinh-Nhất, Đào-Thao-Cảnh.

Vắng mặt không có giấy kiếu, MM. Trần-Quang-Huy, Nguyễn-Mạnh-Bồng.

Đúng tám giờ ông Hội-trưởng khai Hội-đồng bàn các việc theo chương-trình như sau này.

1/ Cắt việc làm Hữu-Phả.

2/ Xét về bức thư trong Nam-kỳ gửi ra về việc M. Trần-Quang-Huy.

3/ Xét về việc quĩ.

4/ Các việc vặt.

1. *Việc « Hữu-phả ».* — Hội-đồng cử một ban tiểu-hội-đồng trị-sự trông nom việc làm Hữu-phả, có những ông: Trần-Đình-Quang, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Thống, Nguyễn-Long, Nguyễn-Duy-Nho, Bùi-Thiện-Nhân mà ông Trần-Đình-Quang là Trưởng-ban, ông Nguyễn-Thống làm Thư-ký.

2/ *Việc bức thư trong Nam-kỳ gửi ra về việc M. Trần-Quang-Huy.* Ông Nguyễn-Huy-Hợi đọc bức thư ngày 7 Septembre 1922 của ông Trần-Khắc-Cẩn ở chi-hội Lộc-ninh, nói rằng ngày 26 Juillet 1922 đã gửi ra cho M. Trần-Quang-Huy một cái mandat số 159-139 là tiền nguyệt-cấp của các Hội-viên chi-hội Lộc-ninh.

Hiện ngày 16 Septembre 1922, Hội-chánh đã viết thư hỏi M. Trần-Quang-Huy rồi, song không thấy trả lời. Hội-đồng lại định viết một cái thư nữa xem sao, rồi sẽ quyết-định.

3/ *Xét về việc quĩ.* Ông Phó-thủ-quĩ Lê-Ngọc-Giản trình Hội-đồng sổ quĩ. Hội-đồng xét thấy một số tiền là 301p.00 còn gửi tại ông Lệ-Đình-Khoa. Hội-đồng định đem ngay ra gửi nhà Ngân-hàng.

4/ *Việc kế-toán.* Ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi trình hội-đồng rằng : Quan Maurice Chapat, Payeur de la Trésorerie, Expert-comptable près les Tribunaux có lòng muốn giúp hội Công-Thương Đồng-Nghiệp về việc giảng dạy khoa kế-toán-học cho các Hội-viên, Ngài có hứa sẽ diễn-thuyết cho hội một buổi về khoa-học kế-toán và viết các bài kế-toán đăng báo để các Hội-viên xem cho rộng đường kiến-thức. Cả hội-đồng đồng-thanh nhờ ông Nguyễn-Huy-Hợi chuyển đệ lời cảm-ơn của toàn-thể hội lên quan Chapat vì ngài đã có hảo tâm đối với hội như vậy.

Đúng 1 giờ hội-đồng giải-tán.

Le Président,
Nguyễn-Huy-Hợi.

Le Sécrétaire
Nguyễn-Thống.

Biên-bản kỳ tiểu-hội-đồng bất-thường ngày 11 Octobre 1922. Hiện-diện có những ông : Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Nguyễn-Tiến-Ân, Nguyễn-Thống, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Duy-Nho, Nguyễn-Thượng-Huyền, Phan-Văn-Điền, Lưu-Đức-Khang.

Vắng mặt có giấy kiếu : MM. Bùi-Thiện-Nhân, Đào-Thao-Cảnh, Nguyễn-Mạnh-Bồng.

Vắng mặt không có giấy kiếu : MM. Nguyễn-Bá-Thiệu, Lê-Đình-Khoa, Tạ-Công-Viết, Lê-sĩ-Mão, Đào-Trinh-Nhất, Bạch-Thái-Sơ, Nguyễn-Long, Trần-Quang-Huy.

Đúng tám giờ tối ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi khai hội-đồng bàn những việc theo chương-trình như sau này :

1 Trình về việc sổ số.

2 Xét đơn các ông mới xin vào hội.

3 Các việc vặt.

1/ *Trình về việc sổ số.* — Ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi trình hội-đồng về việc ông cùng ông Lê-Ngọc-Giản làm đại-biểu phái-viên cho hội đi dự kỳ hội-nghị các đại-biểu các hội «Tương-tế» để bàn về việc chia tiền về các cuộc sổ số sau này. Ông trình rằng tại kỳ hội-nghị đó, các hội đã thỏa thuận với nhau rồi, sẽ chia riêng cho hội Công-Thương Đồng-nghiệp ta một số tiền nhất-định là một phần chia năm 1/5) về số tiền lãi của các cuộc sổ số, mỗi năm chừng được sáu, bảy nghìn bạc, còn bốn phần (4/5) thời mặc các hội khác chia với nhau. Hội-đồng trị-sự đều ưng-thuận như thế, và lại cử ông Nguyễn-Huy-Hợi, ông Lê-Ngọc-Giản làm Đại-biểu đi quyết-định với kỳ Hội-nghị sau về vấn-đề đó.

2/ *Xét đơn các ông mới xin vào hội.* — Ông Phó-hội-trưởng Trần-Đình-Quang trình hội-đồng đơn xin vào hội của ba ông tòng-sự sở Hỏa-xa Vân-Nam là MM. Ngô-Đình-Thái, Ngô-Sĩ-Lan, Nguyễn-Đình-Liên. Cả hội-đồng đều ưng-thuận hoan-nghênh các ông hội-viên mới vào hội.

Các việc vặt

2/ *Chỉnh-đốn lại tòa Trị-sự.* — Ông Nguyễn-Huy-Hợi nói : hiện nay trong ban Trị-sự phần nhiều các viên hay bỏ sơ-khoáng việc hội, vậy phải chỉnh-đốn lại mới được. Ông Lê-Ngọc-Giản nói : Nên mời các ông hội-viên trong hội nhiệt-thành mà mẫn-cán để bổ-khuyết vào các ông đã lâu không đến hội-đồng. Ông Nguyễn-Huy-Hợi và ông Nguyễn-Thống giới-thiệu cùng hội-đồng ông Trương-Cao-Động để mời vào giúp việc hội. Cả hội-đồng đều chuẩn-y.

Ông Nguyễn-Thống trình hội-đồng bức thư của ông Nguyễn-Mạnh-Bồng xin từ chức Thư-ký vì bận nhiều việc riêng. Cả hội-đồng đều chuẩn-y cho ông Bồng từ chức. Ông Nguyễn-Thống lại trình công việc trong tòa Thư-ký hiện nay bề-bộn rất bận, một mình ông không làm xuể được, vậy xin hội-đồng cử cho một ông Thư-ký nữa để giúp việc ông. Ông Trần-Đình-Quang giới-thiệu ông Nguyễn-Đình-Liên, kế-toán tại sở Hỏa-xa Vân-nam. Cả hội-đồng đều chuẩn-y để viết thư mời ông Liên vào nhận chức Phó-thư-ký, còn việc Tổng-thư-ký thì cử ông Nguyễn-Thống tạm giữ.

Hội-đồng không còn điều gì bàn định nữa, 9 giờ rưỡi thời giải tán.

Le Président,
Nguyễn-Huy-Hợi

Le Secrétaire
Nguyễn-Thống

Biên-bản kỳ tiểu-hội-đồng thường-nguyệt ngày 6 Novembre 1922

Hiện-diện có những ông : Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Nguyễn-Long, Nguyễn-Thống, Bạch-Thái-Sơ, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Thượng-Huyền, Đào-Trinh-Nhất, Bùi-Thiện-Nhân, Phan-Văn-Điền, Nguyễn-Đình-Liên.

Vắng mặt có giấy kiếu : MM. Nguyễn-Tiến-Ân, Nguyễn-Duy-Nho, Nguyễn-Bá-Thiệu, Lê-Sĩ-Mão, Lưu-Đức-Khang.

Vắng mặt không có giấy kiếu : MM. Lê-Đình-Khoa, Tạ-Công-Viết, Đào-Thao-Cảnh, Trần-Quang-Huy.

Đúng tám giờ ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi khai hội-đồng bàn những việc theo chương-trình như sau này :

1/ *Hoan-nghênh ông Trương-Cao-Động và ông Nguyễn-Đình-Liên vào tòa Trị-sự.* — Ông Trương-Cao-Động vắng mặt hội-đồng hoãn đến kỳ khác. Hội-đồng đồng-thanh công-nhận ông Nguyễn-Đình-Liên làm Phó-thư-ký cùng với ông Nguyễn-Thống, ông Đào-Trinh-Nhất giúp việc Thư-ký trong tòa Trị-sự Hội-chánh, và xin ông hết sức làm việc cho hội. Ông Liên cảm ơn hội-đồng đã cử ông giữ trọng-trách cho hội, và xin hết dạ nhiệt-thành làm cho chức-sự của hội-đồng Trị-sự đã ủy-thác cho, được hoàn-toàn viên-mãn. Cả hội-đồng đều lấy làm vui vẻ lắm.

2/ *Thư từ của các chi-hội.* — Ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi trình hội-đồng các bức thư của chi-hội Hongay gửi về nói ông Nguyễn-Công-Trực, hội-trưởng chi hội Hongay xin từ-chức vì bận việc. Ông Nguyễn-Thống nói ông Nguyễn-Công-Trực là một người mẫn-cán, vả lại ông có công với chi hội Hongay nhiều lắm, cả hội-đồng đều ưng-thuận. Ông Nguyễn-Huy-Hợi lại đọc bức thư hội định gửi cho M. Golléon, Directeur-Gérant de la Société des Charbonnages (Hongay) để xin ngài nhận chức danh-dự hội-trưởng chi hội Hongay cho. Hội-đồng đều chuẩn-y.

Ông Nguyễn-Huy-Hợi lại trình hội-đồng tờ trình của chi hội Uông-bí và chi hội Nam-định, cùng bức thư của chi hội Tourane nói rằng quan Công-sứ bản-tỉnh đã đệ đơn của chi-hội xin phép được lập thành lên quan Khâm-sứ Trung-kỳ rồi, nay chỉ chờ được phép là chi hội Tourane đã có một tòa riêng để làm việc.

3/ *Việc sổ số.* — Ông Nguyễn-Huy-Hợi và ông Lê-Ngọc-Giản trình hội-đồng bức thư của ông Thibault đạt cho các hội «Ái-hữu tương-tế» trong Trung-Bắc lưỡng-kỳ để cử phái-viên đi dự kỳ hội-nghị ngày 3 Novembre 1922 mà quyết-định mọi việc. Các hội đã thỏa-thuận để riêng ra cho hội Công-Thương Đồng-nghiệp ta một phần chia năm (1/5) còn bao nhiêu thời các hội khác chia nhau. Kỳ hội-nghị đó đã cử một ban hội-đồng quản-trị để làm việc vĩnh-viễn cho các cuộc sổ số sau này, trong hội-đồng đó có những ông: Thibault, Mutuelle des Employés de Commerce d'Industrie d'Agriculture de l'Annam-Tonkin, *Président* ; Henri de Massiac, Médailles Militaires, *Secrétaire* ; Lambert, Anciens Tonkinois, *Trésorier* ; Sigala, Amicale des Douanes, Nguyễn-Huy-Hợi, Association Amicale des Employés de Commerce et d'Industrie Indigènes, *Commissaire*. Như vậy là hội ta được dự vĩnh-viễn vào hội-đồng quản-trị các cuộc sổ số ấy.

4. Các việc vặt :

A) Ông Phó thủ-quĩ Lê-Ngọc-Giản trình sổ quĩ, các khoản tiền xuất-nhập trong tháng Octobre và các tang trong hội.

B) Ông Nguyễn-Huy-Hợi trình hội đồng ông cùng ông Giản đi thăm ông Bàn là hội-viên phải đau bệnh tê-chân tại nhà số 11 phố Jules-Blancs. Ông Thư-ký Nguyễn-Thống trình, ông cùng hai ông Văn-tấn-ủy-viên Bùi-thiện-Nhân, Phan-Văn-Điển, ngày 13 Octobre cũng đi thăm ông Bàn thì ông đã gần khỏi rồi.

C) Hội-đồng nhắc đến việc làm « Hữu-Phả ». Ông Trưởng-ban Trần-Đình-Quang và ông Thư-ký Nguyễn-Thống nói để thứ năm 9 Novembre sẽ đạt giấy mời ban tiểu-hội-đồng để quyết-định các việc.

Đúng 10 giờ hội-đồng giải tán.

Le Présiaent,
Nguyễn-Huy-Hợi

Le Secrétaire,
Nguyễn-Thống

Tiểu-hội đồng « Hữu-Phả »

Biên-bản kỳ Hội-đồng ngày 9 Novembre 1922. Hiện-diện có những ông : Trần-Đình-Quang, Ng.-Thống, Bùi-Thiện-Nhân, Phan-Văn-Điển, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Duy-Nho.

Vắng mặt có giấy kiếu, ông Nguyễn-Long.

Đúng 7 giờ ông Trưởng-ban Trần-Đình-Quang khai hội-đồng.

Ông Thư-ký Nguyễn-Thống trình Hội-đồng những sổ Hội-viên của mấy chi Hội đã gửi về để làm « Hữu-Phả ». Ông Trưởng-ban Trần-Đình-Quang nói : bây giờ sổ Hội-viên và ảnh các nơi gửi về đã nhiều rồi, vậy ban tiểu hội-đồng ta phải liệu định ngay việc làm sổ « Hữu-Phả », song các chi Hội gửi ảnh và sổ về chưa được hết, việc làm sổ không thể thi-hành trong vòng năm nay được, hội-đồng định hãy làm cái phiếu Hội-viên để phát ngay cho những nơi nào đã gửi ảnh đến rồi Ông Nguyễn-Thống trình Hội-đồng một cái mẫu phiếu hội-viên, cả hội-đồng đều ưng-thuận, sẽ dùng theo như mẫu ấy.

Ông Bùi-Thiện-Nhân hỏi : số phiếu bây giờ in độ bao nhiêu ? Ông Lê-Ngọc-Giản nói độ một nghìn cũng vừa còn thiếu bao nhiêu sẽ làm sau, vì bây giờ cũng chưa có đủ ảnh của khắp các hội-viên.

Cả Hội-đồng đều ưng-thuận, ông Nguyễn-Duy-Nho hỏi : về việc viết phiếu nên làm thế nào ? ông Phan-Văn-Điển và ông Bùi-Thiện-Nhân nói : Các viên-chức trong ban tiểu-hội-đồng ta nên chia nhau mỗi người viết một ít, vừa cho chóng xong, vừa khỏi phải thuê đỡ tốn tiền của hội. Cả hội-đồng đều ưng-thuận. Ông Trần-đình-Quang nói: về việc « Phiếu Hội-viên » này, các nhà Hội-quán các chi hội đều phải giữ một quyển sổ cái, trong có gián ảnh và chua tên tuổi, quán, chỗ ở, nghề-nghiệp của các Hội-viên trong chi hội ấy, tòa Thư-ký hội-chánh thì giữ quyển sổ khắp các Hội-viên trong toàn-thể Hội. Hội-đồng biểu đồng-tình với ông Trần-Đình-Quang và hoan-nghinh ý ông. Ông Lê-Ngọc-Giản trình mẫu sổ ảnh Hội-viên, Hội-đồng đều chuẩn-y. Hội-đồng cử những ông Trần-Đình-Quang, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Duy-Nho, mang mẫu phiếu và mẫu sổ đi hỏi giá ở các nhà in, đến kỳ hội-đồng sau sẽ quyết-định.

Đúng 9 giờ hội-đồng giải-tán.

Le Président de la Commission
Trần-Đình-Quang

Le Secrétaire de la Commission
Nguyễn-Thống

CHI HỘI HAIPHONG

Biên-bản kỳ tiểu hội-đồng thường-nguyệt ngày 20 Septembre 1922

Ngày thứ tư 20 Septembre 1922 tòa trị-sự chi hội Công-Thương Đồng-Nghiệp Haiphong họp tiểu-hội-đồng thường-nguyệt tại nhà hội Trí-tri phố đường Cát, đúng 8 giờ chiều khai hội-đồng, hiện-diện có những ông : Phạm-Cao-Kương, Nguyễn-Xuân-Đài, Vũ-Đức-Hồi, Nguyễn-Đức-Hân, Phạm-Kim-Bảng, Đoàn-Mạnh-Giư, Đặng-Văn-Ngần, Đỗ-Lã-Vượng, Đỗ-Khai-Thường, Trần-Xuân-Lịch.

1 *Xin vào hội.* — Ông Trần-Ngọc-Hoài làm việc tại sở Brossard et Mopin ngụ ở Rue Sadi Carnot có giấy xin vào hội, hội-đồng đều ưng-thuận và hoan-nghênh ông vào hội.

2. *Sổ chi-thu.* — Ông Thủ-quỹ Vũ-Thiện-Nghị vì việc bận có giấy kiếu và gửi sổ chi-thu cho hội-đồng xét tính quỹ đền đúng và kê khai minh bạch cả.

3. *Kiểu nhà hội.* — Ông Đỗ-Khai-Thường là một nhà họa chuyên-môn trình hội-đồng xem các mẫu ông đã phác-họa kiểu nhà hội thì hội đều lấy làm thỏa-thích. kiểu nhà vẽ theo lối Annam trông rất là nhã-nhặn duy có mấy chỗ vẽ chữ thọ thì hội-đồng định vẽ chữ A. M. E. C. I. ghép cho đẹp thì có ý-vị hơn. Ông Phạm-Kim-Bảng bàn rằng cái vòng tròn trên nóc nhà hội thì định làm theo lối lắp mặt kính, bên ngoài kẻ chữ A. M. E. C. I. ghép tròn, như thế ban đêm thắp đèn điện thì rất là tráng-lệ và tiện cho những các hội-viên ở xa lại ban tối cũng rễ tìm nhà hội. Hội-đồng đều lấy làm phải.

4. *Việc làm nhà hội.* — Ông Nguyễn-Đức-Hân bàn rằng kiểu nhà hội đã định hẳn như thế, nhưng các việc trù-tính mọi khoản làm nhà thì hội-đồng nên cử một tiểu-hội-đồng phần nhiều về những ông am-hiểu việc làm nhà để làm một bản dự-toán kể rõ ràng từng việc như kiểu (détail estimatif) để hội đồng xét lại thì mới có chuẩn-đích được. Hội-đồng đều ưng-thuận và cử ông Nguyễn-Xuân-Đài chánh hội đồng, ông Vũ-Đức-Hồi, Phạm-Kim-Bảng, Trần-Xuân-Lịch và Đỗ-Khải-Thường, làm hội-viên.

5. *Làm Hữu-phả.* — Ông Nguyễn-Xuân-Đài trình hội-đồng sự thể ông cùng ông Hân và ông Châm lên dự hội-đồng Hanoi làm Hữu-phả và cuộc sổ số thì hội-đồng định việc làm Hữu-phả giao cho tòa thư-ký xếp đặt thế nào để cùng với hội-chánh thi-hành cho tiện.

6. *Cuộc sổ số.* — Ông Hội-trưởng trình hội-đồng bức thư của Hội-chánh hỏi số hội-viên và số chi-thu chung-bình hàng tháng hàng năm là bao nhiêu để tiện việc điều-đình với hội-đồng các hội thân-ái ngày 28 này, vậy hội-đồng bàn rằng để giao việc ấy cho tòa Thư-ký viết thư hỏi lấy số chung-bình chi-thu ở ông Thủ-quỹ rồi trả lời cho Hội-chánh biết và tùy Hội-chánh định liệu.

7. *Tang trong hội* — Ông Dương Tuy-Phải làm việc ở nhà Ferrière là hội-viên hội đã tạ-thế tại phố Chợ-con ngày 6 Septembre 1922; khi ấy anh em trong hội đã đến thăm viếng và đi đưa đám ông, nay hội-đồng lấy làm thương tiếc lắm vì mất một ông hội-viên nhiệt-thành của hội và có nhời chia buồn cùng tang-gia.

8. *Thư cảm ơn.* — Ông Hội-trưởng trình những thư cảm ơn của : 1. Ông

Phạm-Văn-Côn có cụ thân-mẫu tạ-thế tại tỉnh Nam-định; 2. Thư ông Lê-Đức-Chuyên có cụ thân-mẫu tạ-thế tại Gia-lâm. Vậy hội-đồng lấy làm cảm-kích và có nhời chia buồn cùng ông Phạm-Văn-Côn, ông Lê-Đức-Chuyên.

Đúng 10 giờ thì hội-đồng giải-tán.

Hội-trưởng
Phạm-Cao-Kương *Thư-ký*
Nguyễn-Đức-Hân

Tin buồn. — Ngày 10 Octobre 1922, Tòa Trị-sự Hội-chánh tiếp được tin cụ thân-sinh ra ông Hoàng-Thúc-Gi tạ-thế ở Ngõ Sinh-từ có cử ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi, ông Phó Thủ-quĩ Lê-Ngọc-Giản, ba ông Văn-tấn ủy-viên Nguyễn-Long, Bùi-Thiện-Nhân và Phan-Văn-Điền đi phúng và chia buồn cùng tang-chủ. Hôm sau cất đám cụ, Tòa Trị-sự và các Hội-viên đi đưa rất đông.

Ngày 4 Novembre Tòa Trị-sự Hội-chánh tiếp được tin cụ Tổng-Sơn-Đường là thân-sinh ra ông Nguyễn-Lễ tức là Tổng-Nguyên-Lễ, hóa-học Kỹ-sư, hưởng thọ 5 tuổi mà tạ-thế ngày 3 Novembre 1922 tại số nhà 54 bis phố Gia-Long (Hanoï), có cử ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi, ông Phó Hội-trưởng Trần-Đình-Quang, ông Cố-vấn-nhiệm Bạch-Thái-Sơ, ông Thư-ký Nguyễn-Thống, ông Phó Thủ-quĩ Nguyễn-Duy-Nho và ông Văn-tấn ủy-viên Phan-Văn-Điền đi phúng và chia buồn cùng tang-chủ. Hôm sau cất đám cụ, nhân ngày chủ-nhật nên Tòa Trị-sự và các hội-viên đi đưa đông lắm.

Ảnh Hội-viên. — Tòa Trị-sự Hội-chánh chúng tôi có lời kính-cáo để các ngài có chân trong hội mau gửi ảnh về để ban Tiểu-hội-đồng làm « Phiếu Hội-viên » làm cho chóng xong.

Từ trước đến nay, nhiều ngài gửi ảnh to quá, e khi dán vào phiếu thì xấu chăng, vậy xin gửi về cho hai bức ảnh 4×6 mà thôi.

TÍNH SỔ CUỐI NĂM

Tòa Trị-sự Hội-chánh chúng tôi xin có lời kính-đạt cùng các hội-viên toàn-thể hội Công-Thương đồng-nghiệp *ta biết rằng hiện nay đã gần cuối năm, chúng tôi phải tính sổ hội. Vậy ngài nào chậm đóng tiền nguyệt-cấp xin kíp gửi ngay về cho chúng tôi tiện làm việc vậy.*

Tòa Trị-sự Hội-chánh
cẩn-bạch

Con đường từ Vinh đến Đông-hà

HẠT THỨ NHẤT

TỪ VINH ĐẾN TÂN-ẤP

Về việc xây dựng những cầu sắt ở hạt thứ nhất

YẾT-THỊ CẢI-CHÍNH

Có lời bá-cáo cho công-chúng được biết rằng trước đã định đến ngày 15 Novembre 1922 thì mở giấy thầu về việc này, nay lại đổi là đến ngày 15 Décembre 1922 mới mở.

Những giấy má cần dùng về việc thầu này phải đệ trình trước ngày 15 Octobre 1922.

Giấy thầu phải nộp trước hồi 9 giờ ngày 15 Décembre 1922.

Gửi giấy thầu ở sở Bưu-chính thì cũng phải gửi trước hồi 9 giờ ngày 15 Décembre 1922.

廣東二天堂大葯房

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

PHỤ-KHOA KIM-PHỤNG-HUỜN

TIỆM LỚN TẠI QUẢNG-ĐÔNG TỈNH-THÀNH. MỘT TIỆM TẠI NAM-KỲ
Ở TẠI ĐƯỜNG CANTON SỐ 38, CHOLON

Extrait du Certificat délivré par l'Institut Pasteur de Saigon le 15 Octobre 1921 :

Ces préparations peuvent être considérées, toutes, comme des préparations ou substances de la Pharmacopée chinoise. Elles paraissent ne présenter aucun danger, à condition de se conformer, pour leur emploi, interne ou externe, aux indications des notices ou des étiquettes. Enfin, elles sont en très bon état de conservation.

Sao lục tờ vi-bằng Institut Pasteur, Saigon ngày 15 Octobre 1921 chứng rằng :

Các thứ thuốc của tiệm tôi nói trên đây đều làm bằng mấy vị thuốc bên Trung-huê. Thuốc của tiệm tôi không có món chi làm hại hết, miễn là trong khi dùng hoặc uống hoặc thoa, thì phải cứ coi theo các lời dặn hay là coi theo nhãn. Nói tắt một điều là thuốc của tiệm tôi để lâu chẳng hư.

Phàm đờn-bà khác hơn đờn-ông thì chỉ có 2 điều : 1° đường kinh, 2° sanh-đẻ mà thôi. Nên hễ muốn sanh con thì trước hết phải lo cho đường-kinh đều đặng. Nếu đường-kinh chẳng đều thì khó mà có thai cho đặng, ấy là phần nhiều, gốc bởi ngoại-cảm, lục-dâm, hoặc tại ho, rầu, buồn-bực, uu-huất trong lòng, làm cho khí-huyết hao mòn, sanh nhiều chứng bịnh, đều cũng do nơi đường-kinh không đều mà ra.

Tiệm tôi đây, từ ngày đặng phương thuốc mầu-nhiệm của ông Tổ truyền lại đến nay, hằng gìn lòng giúp cho đời, lựa những thuốc tốt, gia công chế ra mà làm huờn, để trị cho các chứng bịnh đờn-bà đều dùng đặng hết.

Còn như bình thời mà thường uống thuốc nầy, thì khí huyết đầy đủ, chẳng hề sanh bịnh, mà rồi sanh con đẻ cháu cũng nhiều, chi như đờn-bà có thai mà uống thuốc nầy, thì lại đặng an thai bảo sản, chừng sanh con ra lại đặng mạnh mẽ nữa, ấy là một phương thuốc rất hay, để trị các chứng bịnh đờn-bà hiệu-nghiệm như thần đó.

Chủ trị các chứng kể ra sau nầy :

1. Đường-kinh hoặc trồi, hoặc sục, hoặc ít, hoặc nhiều ; 2. Bạch-đái, Bạch-dăm, ra hoài không dứt ; 3. Đường-kinh hoặc vàng dợt, hoặc đen bầm ; 4. Khí huyết đều hư, đường-kinh không có ; 5. Hoặc đường-kinh ra nhiều quá, như muốn làm băng ; 6. Đường-kinh đi nghịch, sanh ra thổ huyết, trong bụng thì đau ; 7. Thân thể chẳng yên, xây-xẩm mặt mày, ăn uống không tiêu ; 8. Đau lưng, mỏi cẳng, vàng mét, ốm gầy ; 9. Thai động chẳng yên, trong bụng đau hoài ; Đẻ rồi ứ huyết mà đau, hoặc lá-nhao không ra.

CÁCH DÙNG : Mỗi ngày phải uống 1 huờn, uống với nước trà Tàu. Còn đờn-bà để thì phải dùng nước đái con nít mà uống với thuốc.

CỬ ĂN : Những đồ sống-sit, lạnh-lẽo, cùng là đồ rang-nướng, nóng-nảy, độc-địa chẳng nên dùng.

Mỗi hộp 2 huờn giá là. . . . . 1$00

Xin các vị có mua thì phải nhìn cho kỹ cái hiệu NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG có hình ÔNG-PHẬT, kẻo lầm đồ giả.

Như chư-vị ở đàng xa xuôi mà muốn dùng thuốc chi, xin viết thơ gởi cho tiệm tôi rõ, thì tôi sẽ gởi thuốc lập tức, mà gởi contre remboursement, nghĩa là đem tiền lại nhà thơ mà lãnh thuốc. Còn để bao thơ như vầy :

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG
Pharmacie Asiatique
Rue de Canton, N° 88 **CHOLON**

GRANDS MAGASINS RÉUNIS

ĐÔNG-PHÁP ĐẠI-THƯƠNG-CỤC

NHÀ GÔ-ĐA HÀ-NỘI

HÃNG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

NHIỀU THỨ HÀNG NHẤT

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG :
NÀO HÀNG PHA-LÊ, ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ, ĐỒ BÀY TRONG NHÀ, ĐỒ ĐIỆN, HÀNG GIẦY, HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC VẬT-THỰC

Nên đến lấy quyển mẫu hàng về mà xem

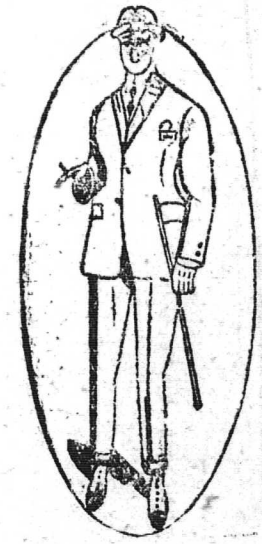

NAM-THINH — TAILLEUR

SOIERIES

6, Rue des Cantonnais — Hanoi (Tonkin)

Bán buôn và bán lẻ, hàng tơ lụa Bắc-kỳ

Bản-hiệu chuyên nghề bán cắt các thứ tơ lụa Bắc-kỳ sau này :

Lĩnh bưởi trơn và hoa lương trơn và hoa, băng thâm và các sắc, lụa cô đô thâm và chẳng, lụa quần anh thâm và các sắc thơ la cả thâm và các sắc, sô hột thâm và các sắc, sồi thâm thật tốt, vân thâm và các sắc, sa trơn và hoa, lượt khăn 12 và 14 vuông (còn nhiều thứ nữa không kể hết).

Các thứ hàng Tây may y phục Langsa : alpaga couleur, drap fantaisie, gabardine couleur, tissus imperméable, tussor de soie très blanc, drap satin noir tennis, flanelle blanche, etc.

Cửa hàng nào buôn nhiều về bán, hãy viết thư về thương-nghị, sẽ được *trừ hoa hồng từ 3 đến 10 pour cent.*

Hàng gửi đi Contre remboursement.

NAM-THỊNH. Hanoi
Kính cáo.

HÃNG TÀU CHẠY SÔNG Ở BẮC-KỲ
F. SAUVAGE, Armateur

SERVICE SUBVENTIONNÉ

Nhà giấy — Số 138, Phố Bờ Sông — Hanoi

Giờ tàu chạy trong mùa nước xuống

ĐƯỜNG HANOI — TUYÊN-QUANG		ĐƯỜNG HANOI — CHỢ-BỜ		ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — HANOI		ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — CHIÊM-HÓA
Lúc đi đỗ ở : Bac-Ninh, Viétri, Thum, Phan-Lamy, Kim-xuyên, Pho-doan, Bia		Lúc đi lúc về đỗ ở : Son-tay, Viétri, Trung-hà, Lapho, Bahong, Tu-vu, Hoabinh		Lúc về đỗ ở : Bia, Phu-doan, Kim-xuyên, Lamy, Phan-lacong, Thum, Viétri, Son-tay		
Đi	Về	Đi	Về	Đi	Về	
Ở Hanoi Lúc đi Thứ hai Thứ tư Thứ sáu hồi 10 giờ sáng	Đến Viétri Lúc đi Cùng trong một ngày hồi 6 giờ chiều	Ở Tuyên-quang Lúc về Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 7 giờ sáng	Đến Viétri Lúc về Cùng trong một ngày	Ở Hanoi Lúc đi Thứ ba Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Chợ-bờ Lúc đi Thứ tư Chủ-nhật Hồi 6 giờ chiều	Khám vì mùa nước xuống nên đường Tuyên-quang Chiêm-hóa thường chạy không được.
Ở Viétri Lúc đi Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 5 giờ sáng	Đến Tuyên-quang Lúc đi Cùng trong một ngày Hồi 6 giờ chiều	Ở Viétri Lúc về Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều	Ở Chợ-bờ Lúc về Thứ năm Thứ hai Hồi 7 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều	

Những Tầu ở Hanoi và Tuyên-quang về thì đều mắc xế ở Viétri cả (đường Hanoi — Tuyên-quang)

Đường tầu Thương-Mại

Đường Haiphong — Hanoi — **Đường Hanoi — Haiphong**

Haiphong : Những lúc đi cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi | Hanoi: Những lúc đi. Cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Haiphong, Nam-định và Hanoi — Nam-định, Haiphong và Hanoi thì khi nào cần đến mới phải chạy mà thôi

Hàng hóa thì phải xếp xuống Tầu ít là trước khi một giờ tầu chạy.

Nhận hàng chở thẳng tới tận bến hay là đỗ hàng cả các chỗ mắn-xế

Nộp hộ thuế thương-chính, trữ hàng — Cho thuê tầu cả chuyến hay chở các phà các thuyền hàng

Các chi-quán : Sơn-tây, Viétri, Tuyên-quang và Chợ-bờ

Tổng-cục : Haiphong

GIÁ ĐĂNG CÁO-BẠCH RAO HÀNG VÀO HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Đăng cáo-bạch rao hàng vào « **Hữu-Thanh Tạp chí** » thời cứ mỗi trang giấy chia ra làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần chia sáu cũng được, hay một phần chia tư, một phần chia ba, một nửa hay cả trang Bản-chí sẽ xin tùy giá châm-chước. Song Bản-chí xin nói để các ngài có cửa hàng hay muốn rao bảo việc gì thời rõ cho rằng: Bản-chí là một cái cơ-quan chung của hai hội lớn nhất Đông-Pháp này, vả người đọc Bản-chí rất nhiều, nếu đăng vào Bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ-động của các ngài lắm.

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao bảo việc gì xin mời các ngài đến Bản-xã hay là gửi thư đến, Bản-xã sẽ xin tính giá phải chăng.

GỬI MANDAT GIẢ TIỀN VÀ GÓP CỔ-PHẦN

Xin các ngài gửi mandat giả tiền Tạp-chí hay Cáo-bạch cùng là đóng Cổ-phần cho **Ích-hữu-thư-xã** *xin đề phong-bì rõ-ràng cho :*

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** » *58 Rue du Coton Hanoi.*

MUA TẠP-CHÍ, ĐĂNG CAO-BẠCH VÀ GỬI BAI LAI-CẢO

Các ngài trong Hội **Ích-hữu-thư-xã** *và Hội* **Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp** *mua* **Hữu-Thanh** *hay đăng cáo-bạch vào* **Hữu-Thanh** *đều được trừ 10% cả.*

Ai mua Tạp-chí đăng Cáo-bạch vào Tạp-chí, gửi bài lai-cảo hay hỏi việc gì xin viết thư cho :

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** », *58 Rue du Coton, Hanoi (Tonkin)*

Imp. Ích-Hữu-Thư-Xã — *Le Directeur-Gérant :* **NGHIÊM-VỊNH**

友聲雜誌

第三十號

益友書社發行